

TRI TAN

SỒ MUA XUAN
QUI MUI



why

TRI-TÂN

NĂM THỨ BA — SỐ 81, 82

28 Janvier — 4 Février 1943

Số báo này bán kèm với phụ bản

Giá 1\$00

Cùng các bạn

Bấy lâu Tri-Tân vẫn được các bạn gần xa thân yêu ủng hộ. Nhất là trong số Xuân này, từ các nhà học-giả, văn-gia đến nghệ-sĩ trong suốt ba kỳ đều tỏ cảm-tình bằng cách cộng-tác rất chặt-chẽ. Bản chỉ xiết bao cảm động trước thịnh tình ấy. Tri-Tân chỉ tiếc rằng, vì trang báo có hạn, buộc lòng phải làm một việc bất đắc dĩ: hoặc có bài không đăng trọn được cả vào số Xuân, hoặc nhiều bài có giá-trị nhưng phải gác lại vì gửi đến muộn quá. Cho khổ tâm ấy, chắc các bạn cũng vui lòng lượng thứ cho.

Xuân còn dài. Tri-Tân sẽ lần lượt đăng dần những bài ấy (trừ khi vì một cơ riêng không đăng được) từ số tới, là số 83 ra ngày 18 Février 1943.

Hứa hẹn còn nhiều. Tri-Tân cùng các bạn cứ kháng-khí tay cầm tay, ngày lại ngày, xuân lại xuân, mạnh-bạo thẳng tiến trên đường văn-hóa.

Nhân dịp tân xuân, Tri-Tân xin kính chúc các bạn cộng-tác, các quý độc-giả và các bảo-hộ đăng quảng cáo đều được mọi sự như ý trong cảnh trường xuân.

TRI-TÂN



Ngày xuân ở ấp Na-quần

Mỗi khoảnh giang san, một túp tranh,
Về đây xa lánh bụi đỏ thành,
Xem hoa, đọc sách, đời thơ mộng,
Mặc kẻ bon chen chút lợi danh.

CHÚC-NHÂN

Năm Quý-vị đầu xuân cảm tác

Thần Hồng-tử qua chơi trên cõi Việt;
Khách làng xuân, ai thấu-triệt lẽ kiên khôn?
Trông chừng này nước, này non,
Vân khuôn Thanh-đế, vẫn hồn cổ-nhân.
Mưa Sỡ, gió Tần năm bề rộng;
Chồi Lê, gốc Lý một thành xuân;
Thi-gia sẵn bút thanh-tân,
Xuân-hừng mấy vần đề Quý-vị niên.

Phú đặc • Ngày xuân em hãy còn dài •

Chị ngảnh lại, trông về em lắm-lắm;
Cái xuân em còn xanh-thắm biết bao!
Hoa cười, ngọc thốt xinh sao!
Phận mai đang nhị, duyên đào đang tơ.
Bề kim-mã, ước vẽ-vang cho gánh hiểu;
Mối giao-loan, mong trọn-vẹn với giây tình.
Vườn xuân, xuân vẫn tươi cảnh,
Trông ra nước biển, non xanh, then gì?

Tùng-Vân NGUYỄN-ĐÓN-PHỤC



Ở non xanh tận chân trời,
Cảnh lê trang điểm một vài bông hoa.
Lơ-thơ lơ liễu buống mảnh,
Con oanh học nói trên cành mĩ-mai.
(NGUYỄN DU)

Mỗi lần xuân đến, ta lại được một lần cảm thấy cái êm dịu, cái tươi mới ở mấy câu tả cảnh tuyệt diệu trong văn Kiều.

Phải, dưới làn bột mưa phôi-phối, trên tấm nhung xanh bằng-cỏ non mươn-muốt trải khắp mặt nội, mép đường, thấp-thoảng những tà áo đỏ xanh lượn theo chiều gió thơm nhẹ: còn thì v) gì bằng!

Bên dặm liễu lơ-thơ, lộp-cộp con ngựa bạch nện gót đều-đều, ung-dung ngồi trên yên, một tướng văn võ kiêm toàn, tay khấu lông buông, cất giọng lãng ngâm mấy vần hùng tráng của Phạm-Ngũ-Lão: còn phong-nhã gì bằng!

Họa theo tiếng oanh diu-dít trên cành, giọng chim bông thanh-thanh của mấy cô xuân nữ vang ra từ trái tim rạo-rực sôi-nổi vì cảnh huyền-hòa phấn-khởi của xuân: còn vui thú gì bằng!

« Xuân chẳng riêng ai, khắp mọi nhà... »

(TÚ XƯƠNG)

Vẫn biết xuân chẳng riêng ai, và trong giờ phút thiêng-liêng này, chúng tôi cùng các bạn, hòa theo một dịp, mừng đón cái khí tung-bừng ấm-áp của dương-xuân bằng giọng ca giòn-giũ, tiếng hát nhịp-nhàng. Nhưng, Phạm-Trọng-Yêm có nói: « Tiên thiên-hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên-hạ chi lạc nhi lạc », nghĩa là: buồn trước cái buồn của thiên-hạ, vui sau cái vui của thiên-hạ.

Trong khi chúng ta đón chào xuân mới, hương trà quện lẫn khói trầm, sắc sáng tươi của những đóa kim-cúc óng-ánh bên màu rực-rỡ của my-môn, mãn-quần, biết bao gia-đình phải bồi-ngùi trước cảnh tử-biệt sinh-ly hoặc vì cháy thành vạ lây, hoặc vì tai bay họa gió! Xa hơn nữa, biết bao người ở góc bể chân giòi, vì giữ quyền sống mà phải uống sương, an tuyết, gọi sủng, tầm bom!

Thế thì trước khi vui cái vui của cảnh xuân ấm-cúng, êm-dềm, ta há lại không nên chia xẻ cái buồn với thiên-hạ?

Đầu vậy, không phải ta cứ thở vắn, than dài, thẩn-thờ, bực-dự, khoanh tay ngồi nhìn cái xuân hững-hờ lạng-lẽ trôi mà tự nhận là người biết chia buồn với thiên-hạ đâu.

TRI-TÂN

(Xem tiếp trang 11)

XUAN

Trong thơ chữ

HÁN...

XUÂN ĐẾN. Tôi xin hòa
giọng cùng các bạn
ngâm câu ca-dao này :

*Một năm là mấy tháng
xuân,*

*Một ngày là mấy giờ
« dần » hỡi ai ?*

Thế mới biết xuân là đáng
quí, đáng ca-tụng, đáng
thưởng-ngoạn.

Nhưng, nếu ta không ch-èu
theo hoàn-cảnh, buông mình
cho làn sóng vật-chất lôi
cuốn, thì sẽ thưởng xuân
bằng cách gì ?

Tôi xin giới-thiệu với các
bạn mấy vần thơ xuân bằng
chữ hán của một vị anh-hùng
hoàng đế, đề ta cùng nhau
thưởng giám, họa may không
phụ tác bóng xuân quang
đáng quí, đáng ca-tụng này.

Vua Trần Nhân-Tông (1279

— 1293), một tay cứu quốc
đại anh-hùng, đã cừng tướng
sĩ đời Trần hai lần chiến
thắng quân Mông-cổ, dựng
được võ-công oanh-liệt ở
những năm Thiệu-bảo và
Trùng-hung.

Trong ngai, vừa là một
chiến-sĩ anh-dũng, vừa là
một nhà tôn-giáo cao-siêu, lại
vừa là một thi-sĩ có chân tài.

Một ngày kia, nhân tiết
xuân êm-ả, ngai cùng các
quan tùy-túng đi yết Chiêu-
lăng là lăng vua Trần Thái-
tông (1225-1258) để tỏ lòng
ghi nhớ vị tiên-đế đã có
những văn-trị võ công rực-
rỡ ở đầu Trần. Công việc

yết lăng này của nhà vua
cũng tức như dân-gian ta,
gặp tiết xuân, đi thanh minh
tảo mộ vậy.

Trước những nghi - vệ
thiên-tử, quạt ngà óng-ánh
dưới bóng triều dương, cờ
ngũ-hành, cờ bát quái sột-
soạt rung-rinh trước làn gió
mềm nhẹ, tán tía, tán vàng,
lỗ-bộ sơn thép phản ánh xai h
dịu của lá cây tàu cỏ giữa
buổi xuân tươi, vua Trần
Nhân tiết bao cảm - động
trong cảnh thái-bình dưới
trời Đại-Việt !

Càng nghe tiếng tơ cùng
tiếng trúc nhịp-nhàng, nhạc
thiều cùng nhạc quân xướng-

...CỦA MỘT BẠC

ĐẠI ANH-HÙNG

HOA - BÀNG

họa, ngài càng vui-vẻ khi thấy văn võ bách quan từ thất-phẩm trở lên đều được đi hốt-tụng. Đối cảnh sinh tình, ngài bắt giặc từ thơ lai-lãng, làm thành một bài « ngũ ngôn tuyệt cú » đề kỷ-thuật cái ngày xuân đi yết Chiêu lăng ấy :

*Trượng vệ thiên môn túc,
Y quan thất phẩm thông.
Bạch đầu quân-sĩ tại,
Vãng vãng thuyết Nguyên-phong.*

— Xuân nhật yết Chiêu-lăng.

仗術千門肅
衣冠七品通
白頭軍士在
往往說元豐

Dịch :

*Nghi-vệ bày rầm-rập,
Áo xiêm góp đủ đông.
Linh già phơ tóc bạc,
Thường kể chuyện*

Nguyên-phong.

Ta nên chú ý vào chữ « Nguyên-phong » ở câu kết. Nguyên-phong (1251-1258) ? Một niên-liệu đời vua Trần-Thái-tông.

Muốn xưng-tụng công-đức của tổ-tiên, vua Trần Nhân — tác-giả bài thơ trên — không dùng ngòi bút gián-tiếp mà phò diễn một cách rất tài-tinh : Trong đám quân-nhân theo hầu ngài đây có một vài người trán nhan tóc bạc đã từng mục kích những cuộc thịnh-trị nền thơ và võ-công hiển-hách ở đời Nguyên-phong. Họ xầm-xi to nhỏ kể lại với nhau một vài mẩu chuyện rất hứng-thú :

— Cũng là mùa xuân, cũng giữa cảnh vật tươi cười phồn-phở trong chiếc áo vàng vừng-chải này, nhưng là mùa xuân nam nhâm-tí niên-liệu Nguyên-phong thứ hai (1252), Thái-tông hoàng-đế gạt bỏ ra một bên những mùi rử-quến của hương xuân nơi cung điện, những nét êm-dịu mê hồn của sắc xuân ở kinh đô ; từ-chối hết cả những cuộc thưởng xuân nồng-nàn say-sưa giữa cảnh phồn-ba hoa-lộ, ngài mạnh-bạo đứng dậy, thưởng xuân

bằng những tiếng trống trận oai nghiêm, chơi xuân bằng những la cờ lệnh hùng-khí, lên đường thân danh Chiêm-thành...

— Ấy vì Chiêm - thành, thấy từ cuối đời Lý, nước ta suy-yếu, nên thường vẫn dùng những chiếc thuyền lạnh lẽ, cướp-bóc cư-dân ở miền duyên-hải. Kịp khi vua Trần Thái lên ngôi, ngài đã sai sứ sang Chiêm hiều-dụ, muốn vẽ về họ bằng ân - đức. Nước Chiêm tuy hàng vào cống, nhưng lại cầu xin vua ta trả lại những chỗ đất cũ đã mất, mà lại có ý ngấp-nghé nom-dòm, nên ngài nổi giận, mới có cuộc thân-chinh ấy. Ròng-rã một nam trời, chắc ngài đã từng sống qua với quân - nhân những mẩu đời cơm lam, gối giáo, rồi cuộc thắng chạp nam ấy, ngài hát khúc khai-triền, đi về Thăng-long trong ánh sáng đặc-thắng về vang rục-rũ.

Ngoài câu chuyện hình Chiêm ở nam, Nguyên-phong (Xem tiếp trang 46)





TẾT với THI NHÂN

CL. JEUNESA
NHẬT-NHAM

CÁI TẾT của ta nay tuy đã kém về thiêng-liêng thừa trước, nhưng cũng vẫn còn là một ngày mà dọc đến tên, ta tự-nhận thấy bao nhiêu cái mừng, cái lo, cái vui, cái sợ! Tết là những ngày đầu mùa xuân, nên trước làn gió xuân hây-hây, thi-nhân cũng thấy lòng mình hồi-hộp, sôi-nổi, tung-bùng...

Mỗi khi vườn hồng hớn-hở đua cười, chim oanh diu ran giọng hót, tao-nhân mặc khách ai chẳng cùng giang-sơn mở mặt với tân-xuân? ai chẳng giấy bút hương-hoa ngậm vịnh, tô-diêm cho màu-sắc của vũ-trụ? Vì vậy, thi-nhân đối với tết đã từng có lắm bài nhiều vần lưu-truyền cho tới ngày nay, cùng thọ với sông núi. Nay tuy không đủ tài theo gót cồ-nhân cũng xin đem thơ cồ-nhân làm thiên giai-thoại đề cùng xuân cười cợt.

Hằng nam, gần đến ngày tết, theo cồ-tục di-truyền từ nghìn xưa, trong xã-hội ta, không ai bảo ai, dù giàu dù nghèo, từ nhà quyền-quý đến chốn thường-dân, ai ai cũng phải chăm lo cho mấy ngày tết được đầy đủ. Ta hãy xem liên-nhân ưa tết đến bậc nào! Cụ Tam-nguyên Yên-đồ (1835-1909) đã làm đến Tổng-đốc, khi cáo-quan về, gặp ngày tết, làm thơ vui tết, ước được đến tết luôn luôn:

Năm ngoài, năm kia, đôi miệng chết,
Năm nay, phong-lưu đã ra phết.
Thóc mùa, thóc chiêm, hây con nhiều,
Tiền nợ, tiền công, chưa trả hết.
Trong nhà rộn-rịp gói bánh chưng,
Ngoài cửa bi-bô ru chung thịt.
Ta ước gì được mãi như thế,
Mãi hết tết rồi thời lại tết.

Công-nợ chưa trả vội, thóc lúa hãy để lại, hãy cốt tết đã! Hãy rửa lá dong, gói bánh chưng, hãy rủ nhau chung thịt lợn, sắp-sửa tết, rồi việc gì sẽ hay! nợ đề đây! vì:

Nợ có chết ai đâu? Đòi mà chi? Trá mà chi?
Cha tết!

Trời để sống lâu mãi! Tiền cũng có! Bạc cũng có! Mẹ đòi!

Ta cứ có lệ, một khi năm hết tết đến, cho là năm cùng tháng tận, cần phải đòi cho hết nợ, không cho chịu đến năm sau. Cho nên cứ đến 30 tết, khách nợ đến cửa nhà con nợ đòi hỏi om sòm. Trớ cảnh-tượng ấy, cụ Thượng Trứ phát câu làm hai câu đối trên đề mĩa đời! Câu là phải, vì người ta còn chạy ngược, chạy xuôi đề lo tết, chưa chắc đã đủ, còn lấy đầu mà trả nợ? Nhà nghèo mà phải chạy tết thì cực thực! Mấy câu thơ của Tân-Đà tiên-sinh (1889-1939) đủ hình-dung được cái khổ chạy tết của nhà nghèo:

Ngoảnh đi, ngoảnh lại đã đến tết!
Ông đến độ này lại thật chết,
Trời cao đất thấp, vợ chưa về;
Thặng tận năm cùng, gạo cũng hết.
Cổ bàn duy có ba ông công,
Xu kẽm cũng không một vẩy hén.
Mà ra lúc quẩn, vẫn càng hay,
Lại được một bài thơ khóc tết.

II

Trời ôi! ôi tết ôi là tết!
Bác cũng còn hơn, tôi mới chết!
Gạo lẽ đã hết, nếp thời không,
Áo vợ rách tan, chồng cũng hết.

*Con theo cạnh vách, méo mỗi sò !
Nợ réo ồm tai, cảm miệng hến. .
Trời còn đề sống đến trăm năm,
Lại mấy mươi bài thơ khóc tết.*

Nhưng cái khổ lo tết cũng không thể làm giảm cái tư thơ của thi-nhân. Cho nên lo tết thì cứ lo, mà thơ cũng không thể không có. Chẳng thế, đến gần ngày tết, ông Tú Xương (1870 — 1907) đã phải tức cảnh một bài :

*Nhập thế-cực bất khả vô văn tự.
Chàng hay-ho cũng phải nghĩ một bài,
Huông chu đã đồ tú-tài.
Ngày tết đen cũng phải một vài câu đối.*

Đối rằng :

*Tuyệt nhân-gian chi phẩm-giá,
Phong nguyệt tình hoài,
Tối thể thượng chi phong-lưu,
Giang-hồ khi-cốt.
Rồi : « Viết vào giấy dán ngay lên cột,
Hỏi mẹ mày rằng : « đốt hay hay ? »
— Rằng : « hay thì thật là hay,
Chẳng hay sao lại đồ ngay tú-tài.
Xưa nay em vẫn chịu ngài. »*

Gặp ngày tết, ông Tú Xương được một dịp phô-bày cái lòng trong-sạch, cái chí hiên-ngang của mình với chúa xuân ; nhưng chỉ mình biết mình :

*Tuyệt nhân-gian chi phẩm giá,
Phong-nguyệt tình hoài !
Tối thể-thượng chi phong-lưu,
Giang-hồ khi cốt.*

Ngoài ra thế-nhân mấy kẻ đã soi suốt được đáy lòng mình, để có thể lĩnh-hội được hết cái hay trong mấy câu ấy, nên buộc lòng phải :

Hỏi mẹ mày : « Rằng đốt hay hay ? »

Bà Tú chắc không biết có hay thực hay không, nhưng thấy chồng mình đã đồ được đến bức tú-tài, văn tất nhiên phải hay, « *chẳng hay sao lại đồ ngay tú-tài* », và « *Xưa nay em vẫn chịu ngài* » là giỏi.

« Ngài » được vợ khen thế chắc phải tự-đắc ngồi rung đùi đề vui-vẻ với ngày xuân.

Tết dù không được sung-túc, nhưng cũng phải có một vài đôi câu đối đồ dán cửa :

*Tết có gì ? cũng viết loài, viết soài cũng chữ
hoài, dùng với họ, ra điều học-hiệp ;*

*Xuân thời chơi ! nào câu đối câu điếu, nào
pháo phiến, chán cho đời những sự tết-lung !*

Chán cho đời mà lại lo cho mình nữa.

*Xấp-xì ba mươi một tuổi dần,
Tram nam tình dốt hàn còn lâu.
Vi du thi đề làm quan lớn,
Thi cũng nho-nhoe cười chị hầu.
Đặt nợ vẫn thường hay có trách.
Bề kia nhiều lúc cũng trông đau.*

« Bề đau bề cái » là công lý của tạo hóa. Một cái thân mình tuy có hi vọng « *đặt nợ vẫn thường hay có trách* », nhưng còn phải tùy trời. Nghĩ như vậy, nên ông Tú-Xương càng buồn cho thân thể

*Bò ở một nơi con một nơi,
Bum tay thang nửa hạt năm rồi.
Van-chương ngoại hạn quan không chấm,
Nhà cửa giao canh nợ phải bồi.
Tin bạn hoa ra người thất thối,
Vị ai nên nổi phai làm vôi.
Ba mươi một tuổi đã bao chốc,
Lạ tuổi trẻ non đa mảy mòi !*

Nhưng lo thì lo, buồn thì buồn, đến chiều ba mươi tết cũng phải đủ :

*Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ,
Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh.*

Mà đã đủ rồi thì cái lo, cái buồn cũng tiêu-tán, mà thi-nhân sẽ tự an-ủi :

*Giàu sang có phận, đời no có Trời,
Ai ơi ! Chơi keo già đời.*

Phải ! Gặp ngày xuân, chẳng vui cũng thiệt, chẳng chơi cũng già ! Qua đêm giao thừa sang mồng một, đã thấy đầy một vẻ xuân.

*Tối ba mươi, nợ réo từ mùi, ấy một tết !
Sáng mồng một, rượu tràn quý-tý, đã chà xuân !
Cảnh-vật đều nhuộm một màu-sắc tốt tươi,
mới đẹp.*

*Khéo bảo nhau rằng mời với mẹ,
Hễ ai mặc rách, chẳng ai nghe.
Khăn là bác nợ to tầy rế,
Váy lĩnh có kia quét khắp hè.
Công-đức tu-hành sư có lòng,
Lu-hào đứng-đỉnh phỗng ngoại xe.
Chẳng phong-lưu cũng ba ngày tết,
Kiết-cú như ai cũng rượu chè.*

Ông Tú-Xương tả cảnh người mình vui tết : Chẳng phong lưu, nhưng trong ba ngày tết, cũng không chịu mặc rách, cũng đủ khăn là, váy lĩnh ; Dẫu kiết-cú đến đâu cũng có rượu chè đề thưởng xuân, cũng phải chia vui cùng hoàn-cảnh. Mà không vui sao được, giữa một cái xa hội đương tung-bút náo-nức về xuân :

(Xem tiếp trang 41)

TẾT NĂM MẬU-THÌN (1868)

Ở SÀI - G Ò N

KHUÔNG-VIỆT

Lời bá cáo :

« Quan phó thủy-sư đô-đốc, toàn-quyền, thống-lãnh quân-đội,

Sure rằng :

Dân bốn-xứ và người Tàu được phép nghỉ việc ba ngày, từ 25 janvier tới 28, trong dịp sung năm mới theo âm lịch.

Sài-gòn, ngày 18 janvier 1868.

Phó thủy sư đô đốc, toàn quyền, thống lãnh quân đội.

De la Grandière ký » (1).

Lệnh trên truyền ra, dân-chúng rộn rịp lo sắm Tết. Châu-thành Sài-gòn trở nên náo-nhiệt khác thường. Trên các nẻo đường trải đá đỏ người què kẻ chột nô-nức bán buôn. Tại xóm « Cầu ông Lãnh », chạy dài theo rạch Bến-nghé (arroyo chinois) thương-thuyền đậu chen-chúc nhau chờ đầy thồ-sản của « Lục tỉnh ». Từ nhà công lợp ngói đến nhà tranh vách đất, nhà nào cũng được dọn-đẹp sạch-sẽ, vén-khéo, có liền đồ chữ đen dán cột, cầu đối hoành phi treo tường.

Tuy nhiên, riêng người hữu tâm và một số đông nhơn-dân ở ba tỉnh phía tây Nam-kỳ là Vĩnh-long, An-giang (Châu-đốc) và Hà-tiên, thì không còn lòng dạ nào vui vẻ đón xuân về. Nguyên-nhơn là họ chưa hết ngạc-nhiên về sự quân-đội Pháp chiếm-cửu thành-linh ba tỉnh ấy trong những ngày 20-21-22 và 24 Juin 1867, và cái tang Phan Kinh-lược tử-tiết còn rành-ràng trong trí óc họ (mồng nam tháng bảy nam Đinh mão, 4 Août 1867).

Đã vậy, mới bảy thang trước đây, họ còn an-sống với những phép-

tắc, luật-lệ của Nam-triều, nay đột-ngột cả chánh-thể đều bị thay đổi, bảo sao không tránh khỏi lo âu vì bờ-ngõ ?

Trong khi đó, tại Kinh-thành Huế có cuộc đình-ngựi đặng giải-quyết cái tình-thế gay-cấu ấy.

Kết-quả là quan Hiệp-biện đại học-sĩ, Công-bộ thượng-thư Trần Tiến-Thành được sung khám-sai đại-thần cùng Bang-tá huyện Thành-hoá là Nguyễn Van-Tuông sung tùy-phái đi vào Sài-gòn thương-thuyết lập một hòa-ước khác thay cho hòa-ước 5 Juin 1862 không còn giá-trị.

Ngày 24 tháng chạp năm Đinh-mão (18 Janvier 1868), chiếc tàu máy-Việt-nam hiệu « Ville de Huế » (2) rời Kinh-đô chở sứ-bộ vào Sài-gòn.

Tám hôm sau, đúng ngày mồng một Tết năm Mậu-thìn (Tự-Đức XXI, 25 Janvier 1868), chiếc « Ville de Huế » tới cửa Cần-giờ (Cap Saint-Jacques) và vào sông Sài-gòn giữa buổi bình-minh của ngày đầu năm mới.

Cũng ngày đó, vào lúc tám giờ sáng, ở Sài-gòn, phó-thủy-sư đô-đốc De La Grandière đang tiếp quan-khách người Việt-Nam và người Tàu đến chúc mừng ngài trong dịp tân xuân. Ngài vui vẻ niềm-nở với mọi người và không ngớt lời nòng-chỉ, cảm ơn những kẻ đã thật lòng cộng-tác với chánh-phủ trong công-việc kiến-thiết thuộc-địa Pháp ở Nam-kỳ. Ngài nhắc lại sự phát-đạt về thương-mại nhờ được tự-do giao-dịch với ngoại-quốc và những điều cố-gắng của nhà cầm

quyền đề bảo-tồn an-ninh, đề truyền bá giáo-dục và nâng cao đời sống của người dân trong xứ.

Luôn dịp, đô-đốc cho các thân hào Nam-Hoa hay tin sứ-bộ của Nam-triều sắp đến Sài-gòn đề thương-lượng một hòa-ước vĩnh-viễn. Ngài tin rằng đó là một điềm lành cho năm mới và là một triệu-chứng tốt cho tương-lai của thuộc-địa.

Đến ba giờ chiều ngày mồng một Tết, tàu « Ville de Huế » cập bến Sài-gòn và trao đổi 17 phát súng chào với chiến-thuyền pháp « Duperré ».

Qua ngày mồng hai nhằm ngày chúa-nhật, đô-đốc De La Grandière mời các quan trong sứ-bộ Việt-Nam dự tiệc tối và cuộc dạ-hội tại dinh ngài có đủ mặt các quan văn võ Pháp-Nam.

Vài ngày sau, Lát đầu cuộc thương thuyết về hòa-ước mới.

Ngoài những giờ phút bận-rộn về chức-vụ, các quan ta cũng có những cuộc thưởng xuân giữa cảnh trời (Xem tiếp trang 40)

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng mong chờ, cũng nên đọc đầu là, người mạnh, người , hời yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp người lao, săn sóc người phôi yếu và tiếp dưỡng người bị lao của

Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hà noi : Hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông

Sa gon : Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng. Xin đặt trước nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

XEM THƠ

CÁCH-CHI

XEM những bài thơ Đường của Bạch-Thảo-Sương Tiên-nữ đang trên tờ Tri-Tân, bài nào cũng thú, song thú nhất có lẽ là bài :

夜駕鰲舫過遠州
滿天明月思悠悠
何時能遂平生志
一躍雄飛五大洲

*Già già mộng-dồng quá Viễn châu,
Mãn thiên minh nguyệt tư du du...
Hà thời năng toại bình sinh chí,
Nhất dược hùng phi ngũ đại châu ?*
của Đại-chính Thiên-hoàng.

Đọc lên tưởng-tượng như mình đương đứng dưới « mãn thiên minh-nguyệt » mà cũng sinh ra « tư du du ». Vậy cũng không hiềm nhời quê, thử dịch ra quốc âm :

*Đêm cười thuyền quán qua cửa Viễn,
Giời giăng vàng vạc, từ bời-bời...
Bao giờ thỏa chí bình-sinh nhĩ :
Vượt khắp năm châu một chuyến chơi !*

Đọc xong thơ người, đang trong lúc khởi hứng, lại nghĩ đến thơ nhà mà nhớ tới bài :

橫槊江山恰幾秋
三軍貔虎氣吞牛
男兒未了功名債
羞聽人間說武侯

*Hoành sóc giang sơn cáp kỷ thu,
Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu !
Nam-nhĩ vị liêu công danh trãi,
Tu thính nhân gian thuyết Võ-hầu.*

của Phạm Ngũ-Lão, một bức danh tướng đời Trần ; và cũng xin dịch quấy-quá ra quốc âm :

*Ngang giáo non sông trải mây thâu,
Ba quân khí mạnh út mờ sao !
Nam-nhĩ nợ nước còn chưa trả,
Thẹn thấy người bàn chuyện Võ-hầu.*

Hai bài thơ trên là loại thơ hùng, tả cái chí-khí đọc ngang của những bậc anh-hùng hào-khí, tuy cũng có đượm một vẻ buồn khi chí mình chưa thỏa. Có khác với bài thơ dưới này của người Tàu, đọc lên chỉ thấy cái cảm khái xương của một kẻ nho-sĩ :

烟籠寒水月籠沙
夜泊秦淮近酒家
商女不知亡國恨
隔江猶唱後庭花

*Yên lung hàn thủy, nguyệt lung sa,
Đạ bạc Tần hoài cận tửu gia.*

*Thương nữ bất tri vong quốc hận,
Cách giang do xướng Hậu-dinh hoa.*
của Đỗ-mục, thi-sĩ đời Đường.
Xin tạm dịch :

*Đêm giăng, thuyền ghé bến sông Tần,
Nước lạnh, sương phong, cát trắng
ngắn.*

*Cỏ lá chỉ hay hờn mất nước,
Bên sông còn hát khúc vua Trầu.*

Rõ là lạnh-lẻo ! Đọc lên, cảm thấy buốt thấu xương. Tuy cũng có giang, mà giăng chỉ thấy sáng một cách thờ-ơ trên cát. Có lẽ thi-sĩ cũng thấy lạnh-lùng nên mới ghé thuyền « cận tửu gia », song vì rượu chưa uống nên lòng

chua ấm, lòng chưa ấm, nên thơ mới lạnh, chang ? Muốn cho bài thơ này toàn một vẻ lạnh-lùng, nên dịch-giả vịn tạm bỏ ba chữ « cận tửu gia », không cho vào bản dịch.

Đem so hai bài thơ của Đỗ-Mục và Phạm Ngũ-Lão, ta còn thấy rằng Phạm Ngũ Lão thì đem cái nợ nước (công danh trãi) trách ở nam-nhĩ, mà Đỗ-Mục thì đem cái hờn mất nước buộc ở thương nữ. Bài thơ thứ ba này có thể ghép vào loại vong quốc âm được.

Từ xem thơ đến dịch thơ, rồi lại từ dịch thơ đến làm thơ, vì cảm ba chữ « tư du du » mà nảy ra bài thơ sau này. Tác-giả không có ý đem đem so-sanh với ba bài thơ trên của cồ nhân, song một khi cái thi tứ đã bời bời, thì cũng chẳng được dừng mà chếp ra đây, gọi là có cái hay thì cũng có cả cái dở nữa.

Trung Vương

*Nước mất, nhà tan, hận bạc đầu,
Rầu mảy sau trước có ai sầu.
Ra tay một sớm yên dân Việt,
Vững chí ba thu cân giặc Tàu.
Độc lập xây nền Hồng Lạc cũ,
Quạt-cường mở lối Lý, Trần sau.
Hồ đơn khôn chống dân hồ dĩ :
Giòng Hát dài (rời vạt cò sầu !*

CÁCH-CHI

Muốn làm giàu, mua vé số

Dông - Phap

1p.00 một vé

XUÂN CỦA NGUYỄN-DU

ĐÀO-DUY-ANH

Quỳnh hải nguyên tiêu

Nguyên dạ không đình nguyệt
man thiên,
Y y bất cai cự thuyên quyen.
Nhật thiên xuân từ thùy gia lạc,
Vạn lý Quỳnh-châu thử dạ viên.
Hồng-linh vô gia huynh đệ tán,
Bạch đầu da hận tuế thời thiên.
Cùng đồ lân nhĩ dao tương kiến,
Hải giác thiên nha tam thập
niên.

琼海元宵

元夜空庭月滿天
依依不改舊嬋娟
一天春思誰哀落
萬里琼州此夜圓
鴻嶺無家兄弟散
白頭多恨歲時遷
窮途憐汝還相見
海角天涯三十年

Xuân tiêu lời thứ

Tiêu tiêu đồng mãn lão phong
trần
Ám lý thiên kinh vật hậu tàn,
Tri thảo vị lan thiên lý mộng,
Mai đình dĩ hoán nhất niên
xuân.
Anh hùng tâm sự hoang tri
sinh;
Danh lợi trường trung lũy
tiêu-tàn.
Nhân tự tiêu điều xuân tự hao,
Viên-thanh thành hạ nhật triêm
can.

春宵旅次

蕭蕭蓬髮老風塵
惜裡偏驚物候新
池草未開千里夢
梅庭已換一年春
英雄心事荒馳聘
名利場中累笑羣
人自蕭條春自好
圓城城下一露巾

Thiên hạ mừng xuân. Trong không khí vui mừng chung, nhìn hoa mai nở, nghe tiếng pháo ran, ai lại không khuấy quên hết những nỗi ưu sầu đau đớn! Song giữa cảnh vui mừng chung ấy, ta quên sao được những kẻ mà số phận và hoàn cảnh không cho được cùng vui với thiên hạ, những kẻ hiện bây giờ đương lận lộn ở giữa tuyết và bùn dề chiến đấu mà giữ lấy quyền sống của mình, những kẻ bôn bá ở chân trời góc biển, những kẻ lưu-lạc ở đất khách quê người, những kẻ lần-lút ở ngõ hẻm hang cùng, những kẻ dọa đầy ở rừng xanh núi thẳm, những kẻ, cũng như tác-giả hai bài thơ trên kia, không hề biết Tết là vui, không hề biết xuân là đẹp. Tôi chép lại hai bài thơ ấy và nhắc lại mối xuân cảm của Nguyễn-Du đề tặng những người xấu số kia, cũng là một cách bày tỏ cảm tình với mùa xuân vậy.

Sau khi cuộc Cần-vương đề khôi phục nhà Lê thất bại, Nguyễn-Du phải trốn tránh ăn-náu ở quê vợ tại huyện Quỳnh-côi (thuộc tỉnh Thái-bình ngày nay). Theo

Thanh-hiên thi-tập thì tiên-sinh lưu lạc ở miền ấy — nay đây mai đó, không ở nhất định một chỗ — đến hơn mười năm, trước khi về ăn ở quê nhà tại Liên-diên. Ta xem bài thơ « Quỳnh - hải nguyên tiêu ». (Đêm rằm tháng giêng ở Quỳnh-côi), ta thấy mỗi cảm khái đau đớn của một người anh hùng mạt lộ giữa một đêm vui đẹp của tiết xuân. Nửa bài trên nói cái cảnh đêm trang xinh đẹp đầm ấm. Nửa bài dưới nói cái tình quạnh quẽ và chán-nản của tiên-sinh.

Trong tiết xuân, ở xung quanh thiên hạ đều vui vẻ, sum vầy, cho đến cảnh vật cũng đoàn viên, thế mà tiên sinh thì cô đơn ở nơi xa lạ. Tiên sinh nhớ đến gia-đình và quê hương. Nhưng ở Hồng-linh thì trải qua cuộc biến loạn, cửa nhà đã tan nát, mà anh em tiên sinh, những người đều có dự vào cuộc Cần-vương, cũng đều lưu lạc mỗi người mỗi nơi.

Bấy giờ tiên sinh mới ba mươi tuổi là cái tuổi đương còn chưa chán hy vọng được. Thế mà những mối lo lắng và những nỗi vất vả đã khiến đầu tiên sinh bạc hết. Hoài bão chưa đạt, công nghiệp chưa thành, thế mà đầu đã bạc, tỏ rằng tuổi một ngày một cao, sức một ngày một suy, thế thì ngày xuân đã không làm cho tiên sinh vui vẻ mà lại khiến tiên sinh phải sợ hãi tức tối về nỗi thì giờ thấm thoát quá mau.

Tiên sinh có cảm tưởng chán

nản, thấy mình như đã đến cùng đờ, và nhớ các anh em mình cũng cùng một cảnh ngộ và tâm sự, nhưng cùng thông nhau mà chẳng thấy nhau.

Đó là xuân của Nguyễn-Du một năm nọ, trong khi tiên-sinh trôi dạt ở Quỳnh-côi.

Ta biết rằng Nguyễn-Du về ẩn ở quê nhà được ít năm thì bị triều Nguyễn triệu ra, thế không từ chối được, tiên sinh phải ra nhận một chức quan của Triều đình mới. Nhưng lòng tiên-sinh vẫn chỉ biết có nhà Lê, cho nên dẫu làm quan mà tiên-sinh không lấy làm vinh, làm thỏa.

Xem *Thanh-hiến thi-tập* ta thấy rõ cái tâm sự làm quan miễn cưỡng của tiên-sinh. Nhưng xem bài « *Xuân tiêu lữ thứ* » (Đêm xuân ở đất khách), thì ta cũng đã thấy được cái nồng nức oái oăm của tiên-sinh là thế nào rồi.

Bấy giờ tiên-sinh đương làm quan ở Viên-thành (huyện Phù-dung hay là phủ Thường tín?), thế mà vẫn tự cho mình già đời ở trong cuộc phong trần. Nay gặp tiết xuân, cảnh vật đều đổi mới, thế mà tự phần mình thì không có cái gì mới mẻ xinh tươi cả — chỉ vẫn một mối

chán nản như cũ — cho nên xuân tới tiên-sinh cũng chỉ thấy là thì giờ đi chông mà sợ. Cái mộng « nghìn dặm » — mộng gia hương hay mộng vua Lê? — càng sắc mùa xuân cũng không thể làm cho tiên-sinh nguôi được. Nó lại càng làm cho cái tâm sự của kẻ anh-hùng — mặt lộ — càng bồi rồi thêm. Tiên-sinh nhớ đến cái thân mình bấy giờ đương ở trong trường danh lợi là chỗ tiên-sinh đã phải bao phen cười khóc, rồi bất giác, nước mắt chảy ướt cả khăn. Cảnh xuân của tạo hoá vẫn vui vẻ xanh tươi, thế mà người buồn là tự lòng người buồn vậy.

Đó là xuân của Nguyễn-Du khi làm quan ở Bắc-kỳ.

Đương khi chúng ta có thể dễ dàng bị cái triều lưu vui xuân vật chất — rượu chè, cờ bạc — nó lôi cuốn đi, tôi nhắc lại mối cảm xuân của Nguyễn-Du tiên-sinh và nhớ đến những người không được vui xuân, tưởng đó cũng là một điều trái ngược cần phải có.

ĐÀO-DUY-ANH

Còn có việc xã-hội gì nên làm bằng việc giúp HỘI TRUYỀN BÁ QUỐC NGŨ để dạy cho hết thầy đồng bào biết đọc và biết viết tiếng nước nhà, dạy cho họ những điều cần-thiết của sự sống hàng ngày.

Xuân mới

(Tiếp theo trang 3)

« Nhất niên chi kế khởi từ xuân ». Ngay từ đầu xuân này, ta cần phải lo tính đến kế một năm đã.

Bạn là một nhà thực-nghiệp? Bạn có bồn-phận mở-mang kỹ-nghệ, tiến-triển về mặt kinh-tế.

Bạn là nhà khoa học? Bạn cứ bang-hái tinh-tiên, cố bước cho kịp người.

Nếu hết sức nâng cao mỹ-nghệ nước nhà, thì bạn — nhà nghệ-sĩ — đã làm tròn cái thiên chức đối với nền mỹ-thuật Việt-Nam rồi!

Nếu góp được nhiều tác-phẩm có giá-trị vào kho văn-hóa, thì bạn van ơi, thế là bạn đã có thể tự hào mà nói với các giới nông, công, thương rằng: chúng tôi, cũng như các ông, đã làm hết bản-năng mình để góp vào cuộc hỗ trợ trong xã-hội rồi đó.

Về phần Tri-Tân đồng-nhân, chúng tôi xin theo đòi với các bạn, làm công việc của « con tâm », mong sao cho khỏi phụ tấm lòng kỳ-vọng của các bạn thân yêu tin mến.

Mỗi người trong chúng ta, ai cũng, theo sở-nang, cố-gắng góp công vào cuộc tiến-hóa chung của đất nước thì chẳng những yên-ủi được những người, những gia-đình « nào biết cái xuân là gì », mà đối với tương-lai của xã-hội ta, biết đâu, phải, biết đâu, chẳng giúp cho được tươi sáng như ánh dương quang, sán lạn như màu sắc nghìn tia muôn hồng trầu vườn xuân thắm?

TRI-TÂN

*Mua vui một cách thanh nhã
trong dịp đầu xuân, xin đọc:*

THĂNG KINH

Tiêu thuyết giáo dục của Nguyễn-dức-Quỳnh

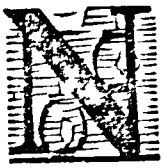
« *Thăng Kinh* » là 1 cuốn truyện mà trong đó, cuộc đời học đường, cuộc đời sân chơi, cuộc đời bẽ mặt của đứa trẻ Việt-Nam về mười năm trời đã đầy được là rất thú vị và cặn kẽ. Đọc *Thăng Kinh* sau ngày rỗi, chúng ta đùa bâng-khuâng vui mà suy nghĩ thấm thía như còn vang lại bên tai dư-âm của tiếng phào giao... thời. Tất cả trí-thức Việt-Nam đều mong hưởng cái dự-ân đó.

Sách dày 400 trang — bìa 3 màu — Giá 3\$50

HÀN THUYỀN XUẤT BẢN

71 Tiên Tâm Namoi

(Mua 1 cuốn xin gửi thêm 0\$70 cước đảm bảo,
chứ không bán lẻ hóa giao ngân).



MƯỜI ta kể
chuyện lại
rằng :
—Bộ Tiểu
lâm đầu

tiên của nước ta ra đời về cuối nhà Lê. Tác-giả là hai bố con ông cụ đồ người Bắc. Sau mấy phen lão-đảo với chốn khoa-trường, thì hai ông con đành phải lấy nghề gõ đầu trẻ làm kế sinh-nhai. Nhân những lúc nhàn, hai nhà nho bất-dắc-chỉ mới gộp nhặt những chuyện hài-hước lưu truyền trong dân-gian viết thành một bản sách chữ nôm, gọi là *Tiểu-lâm (Rừng cười)*. Bộ *Tiểu-lâm* không phải là một bộ sách làm ra để công-bố nên ngòi bút tác-giả rất là bạo-dạn phóng túng. Một câu chuyện nhặt được bất kỳ ở xó nào, ngõ nào, cũng chẳng cứ là tục-tần hay là thanh nhã, miễn cười được, là họ chép vào sách.

Cuốn sách viết vào năm nào? Hai nhà biên-tập tên là gì? Thân-thể họ thế nào?... Hiện nay không ai rõ.

Nhưng người ta biết rằng : Khi chép xong tập sách, thì một ngày kia, hai nhà tác-giả đã cùng nhau bày một bữa tiệc « lạc-thành » cuốn sách, với rượu và thịt chó ! Ăn uống no, say, hai ông con sẽ cùng nhau duyệt lại công-trình trước-tác của mình... một lần cuối cùng !... Thế rồi từ trường này đến trường khác, truyện nọ qua truyện kia, hai bố con vừa đọc vừa ôm nhau mà cười sằng-sặc ! Cười đến lúc duyệt xong bộ sách, thì hai nhà trước-



Ý-nghĩa nhơn-sinh trong **TRUYỆN CƯỜI** nước ta ngày xưa

ĐẶNG-THAI-MAI

thuật vô-danh cũng đồng-thì ngã lăn mà chết thẳng !

Câu chuyện trên đây chỉ là một câu truyện-ngôn không có đảm bảo gì chắc chắn về phần lịch-sử. Nhưng các cụ ngày xưa vẫn thường nhắc đến cái chết ly-kỳ của hai nhà văn-sĩ để dạy con cháu và học-trò. Và họ kết luận rằng : « Văn hài-hước là một loại văn không có tương-lai. Tài hài-hước chỉ là tài « vô-hậu » ; chết như hai nhà văn ấy là « bất đắc kỳ tử... » Và cái chết ấy cũng chẳng có gì là đáng thương, đáng tiếc.

Ấy cũng là một quan-diểm của một lối lập-luận.

Nhưng cũng có người nói : đem thân-thể một nhà văn truy-lạc, liễu kết trong một câu cười, vị tất đã là một số-phận tủi-nhục cho kẻ chết.

Và cái ý-nguyên định đem một ít truyện vui cười mà công-hiến cho người sau cũng vị tất là một sự đáng khinh-bĩ, đáng nguyên-rủa.

Ấy lại là một lối kiến-giải khác.

Một điều chắc chắn là văn cuối xưa nay vẫn là một thứ văn đã bị rẻ-rúng. Đạo-đức và văn nghệ nước ta vẫn liệt văn hài-hước vào những tác-phẩm không đứng-dẫn. Chả là nhiều câu cười đã chan chứa những ý vị chua cay độc-địa. Và lúc đã cười thì phải nhăng hết những sự nghĩ ngợi sâu xa. Lại còn những giọng thô bỉ, tục tằn nữa là khác... Nhưng một mặt nữa, ta cũng phải công nhận rằng, trong văn-nghệ hài-hước của nước ta ngày

xưa, thật chưa hề có những ngòi bút sâu xa bạo dạn như Aristophane, như Rabelais, Molière, ... chẳng hạn. Một nguyên nhân của sự thiếu thốn ấy hẳn là vì xã-hội nước ta cũng như các nước Á-đông, đã khinh thị lối văn hài-hước.

Một nhà đại triết-học đã viết một câu giới-thuyết có ý-chỉ : « Người là một loài vật biết cười ». Một nhà đại triết-học khác viết thêm : «...và là một loài vật vẫn làm cho người ta bật cười. »

Về cả hai phương-diện « biết cười » và « làm cho người ta bật cười » dân ta ngày xưa cũng không đến nỗi lạc-hậu.

Mấy năm trước cuộc Âu-chiến hiện giờ, một nhà văn người Pháp đã phản-nàn rằng : « Thú cười đương ngạc-ngoải !... Thú cười

đã hấp-hối trên quả địa-cầu ngày nay ! Ở New-York cũng như ở Londres, ở Paris cũng như ở Berlin, người ta không cười thiệt-tình, cười giòn-giã như ngày xưa nữa ! Người ta chỉ cười mỉm nửa thôi. Thiệt là một điều đáng tiếc. »

Một điều đáng tiếc thật.

Bất kỳ ở kinh-độ ở vĩ-tuyến nào nếu cái thú cười bị tiêu-diệt thì thật một sự thiệt-hại lớn cho sinh thú của loài người. Vẫn biết rằng : lịch-sử nhơn-loại, lịch sử dân-tộc có những ngày đau-đớn, công cuộc sinh-nhai có những ngày vất-vả làm cho ta không có thể nghĩ đến sự vui cười mà không nguợng-nghe được. Nhưng tai biến của lịch-sử là một trạng-thái nhất-thị, mà vui vẻ là một điều nhu-yếu thường xuyên của nhân-tính. Người ta ai là người không cười ? Huống hồ người ta vẫn có thể cười một cách đứng đắn ! Huống hồ cười có thể là một động lực trong công-tác hằng ngày của ta. Cần chống chỏi với những nỗi khó khăn trong vũ-trụ, trong xã hội, chúng ta cũng cần tìm trong thú cười một ít thú vị sống đề cho có sức mà bước tới ; thì ta cũng nên ước ao cho loài người sau những bị kịch trong lịch sử hiện thời, sẽ mau mau được sống lại những ngày vui vầy với những cuộc cười giòn-giã, chính đáng, thiệt-tình !

Cười có một ý nghĩa nhơn sinh rõ rệt. Mỗi xã-hội đều có những giọng cười riêng. Chúng tôi muốn theo trong văn hài-hước nước ta ngày trước mà nhận lấy một ít tia sáng về trạng thái sinh hoạt của xã hội của dân-tộc ta.

Dân vẫn là « tướng » cười. Lúc loài người đã có đến một

lịch-trình sinh-hoạt khá cao, thì cười không phải chỉ là một động-lực cơ-giới của bản-năng trước một cảnh - ngộ khoai-lạc mà thôi. Cười cũng là một phương-pháp tự - vệ, một thủ-đoạn trừng - phạt của đàn-thề dùng để đối-phó với những thái-độ phản xã-hội, hoặc để công kích những điều bất-bình trong sự sinh-hoạt hằng ngày. Trên một trình-độ trí-thức cao hơn nữa, các nhà văn — văn nghệ vẫn là một xa-xỉ phẩm kiến-thiết ở trên nền-tảng sinh-hoạt của nhơn-quần — các nhà văn sẽ lợi dụng cái động - lực của sự cười để ran đe người đời, hoặc để bài xích những hiện-tượng bất như-y.

Vì bấy nhiêu lý-do, chúng ta có thể theo trong chuyện cười của dân tộc ta mà tìm những tia hồi-quang của lịch-sử.

Trước hết ta nên chú-ý đến những nhân-vật bị cười trong các truyện cười.

Ki-ô-chủ văn hài-hước là những hạng người thế nào ?

Vì sao họ đã bị ghép vào trong lá sớ đoạn-trường ?

Xưa nay những kẻ bị cười phần nhiều là hạng người kém-cỏi về phần thề-cách, hoặc tâm-lý. Các vai chủ-động trong các truyện cười, các tuồng ba-lơn, phần nhiều đều có những nét

v xấu-xí đặc-biệt : như là người thướt - mốt, mặt đá-ong, chân thọt, cằm lẹm, mũi diều hâu, râu cá ngành, mắt chớp nam, mắt ốc bươu, mắt bầy lỏ v... v... Về phương-diện tâm-lý, những trạng thái bại-liệt bất kỳ về ký-tính hay ngộ-tính cũng đều là những tài-liệu của văn phúng-thịch.

Người ta cười cái khiếu lỗ độn của cậu bé đã học mấy ngày giờ một chữ « viên » là tròn mà vẫn chưa thuộc, đã viên hẳn một hòn đất giắt vào thắt lưng để làm ám-hiệu cho trí-nhớ, thế mà đến lúc ôm cột đọc giả-bài văn còn : « Lạy thầy, viên là bẹp thẹp lép ạ ! »

Người ta cười cái tính dưng-trí của anh chàng vừa cầm cái dao rựa trên bờ ruộng đi làm việc cần, rồi lúc giờ lại vừa nhặt cái dao rựa lại vừa chửi « đứa con nhà ai đã vô-tâm đánh rơi cái rựa để « ông » bắt được ! »

Người ta cũng cười cái anh xã Nua trong lúc bác ta bị chị vợ mắng, vì hồi nãy, lúc vợ gọi về ăn cơm, anh đứng ngay ngoài đồng mà nói to lên rằng : « Im ! để tớ giấu cái cây đã nào ! » Chị vợ nói chí lý : « Đời nhà ai đã giấu cây mà còn la lên như vậy. »

(Còn nữa)

ĐẶNG-THAI-MAI

DÓN COI

TRUNG QUỐC SỬ CƯƠNG

của ĐÀO DUY-ANH soạn

Muốn mua, hỏi tại nơi tác-giả
29, Maréchal Pétain. — Huế

THƠ TẾT VỚI CHUYỆN TẾT ĐỜI XƯA

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Những thơ cổ vịnh tết nguyên-đán rất ít, tôi chỉ thấy trong sách nôm của Trương Bắc-cổ có mấy bài thơ ca sau đây là những bài chưa ai in ra quốc-ngữ :

Nguyên-đán tiết vịnh

*Biểu dâng chính - đán, trước
đan-trì đóng chặt y quan.*

*Sáu thần ngao hải thượng giá
san, đôi linh-phượng
vân trung phù liễn.*

*Cửu thiên lư-hạp khai cùng-
quyết,*

*Vạn quốc y quan bãi miện-lưu.
Hương-đăng dục bạng cồn-long*

*phủ,
Nhật sắc tài lâm tiên - chưởng*

*động.
Trên bệ ngọc hiển Tiêu-hoa*

*chi tụng,
Hội thắng - bình lục-hợp đồng*

*xuân.
Đào-phủ vạn hộ canh tân.*

Bài ca này trích ở quyền Xương-khúc tập thi của Tùng-hiền Ngô-bảo-Quang (sách viết của Bắc-cổ, số AB 195, tờ 54 b). Đại - khái nghĩa là : Ngày tết nguyên-đán dâng biểu chúc mừng, các quan mũ áo chỉnh-tề đứng thành hàng ở trước sân rồng. Xe vua ngự ra như sáu thần ngao ở dưới bề lên trên núi, như đôi linh-phượng ở trong mây phò xe (1). Nơi cung-điện, tham-thẩm chín tầng trời mở cửa, vương-hầu các vớ đều mũ áo đến lạy ngôi Thiên - hoàng. Đèn hương nghi ngút như mây bay cạnh áo cồn long; mặt trời vừa soi tới, bọn nữ-nhạc tay tiên cử-động; trên bệ ngọc dâng bài tụng Tiêu-hoa (2);

hội thắng-bình khắp sáu cõi (3) cùng xuân, cánh đào-phủ dán cửa (4), muôn nhà đều mới.

Bài ca này thuộc về thể văn thù-phụng, nên không khỏi thoát sáo, không được như bức vẽ truyền thần (là cái đặc-tính của văn tả cảnh), lại thiếu hẳn mùi tết của nước Nam ta.

Còn những bài khác, tuy vịnh tết hay tả cảnh tết, nhưng phần nhiều chỉ nói về xuân. Như bài Xuân hòa quần sinh lạc (mùa xuân đầm ấm, muôn giống đều vui), sao trong tập Quốc-âm thi (quyển 1, tờ 33 a, số sách AB 179), đại-ý nói thần Đông-hoàng là thần coi tiết xuân, đã sớm báo tin ở hoa mai : mọi giống mừng thấy xuân, hết thấy hòa vui ; vì tháng giêng là tháng tam - dương, hơi xuân đầm ấm khắp cả muôn vật cảnh sắc đua tươi, v. v.

Nguyên văn là :

*Đông-hoàng sớm đã báo tin mai,
Mừng ấy xuân hương mọi
giống vui,*

*Đầm ấm ba dương hơi khác
dương,*

*Sẵn sàng muôn vật cảnh đua
tươi... (5)*

Bài thơ này nghe sáo cũ lắm, nhưng ta chớ vội chê, vì cái trình-độ thơ nôm về đời hậu Lê đến được như thế đã là khá.

Có lẽ hai bài ca sau đây nghe còn trôi chảy hơn :

*Sinh thay nhĩ ! đông rồi, xuân
chiêng,*

*Ngấn hàn - băng mảnh mảnh
tan không.*

*Dưới trời đua muôn tia nghìn
hồng,
Trong tiệc nổi câu thơ chén
rượu.*

*Triều - đình hữu đạo thanh
xuân hảo,
Môn quán vô tư bạch nhật
nhân.*

*Dẫu là dân, dẫu là quan,
Ai ai chẳng gặp thời hanh-lạc.
Ngày chín chục thoi đua bóng
tháng,*

*Cải vàng-anh văng-vẳng trên
cây ;*

Dần dần lơ liễu xanh bay.

(Trích trong Xương khúc tập thi của Ngô-bảo-Quang, tờ 86 b.)

Thư-đường nhật-lệ

*Gấm tít thời yêu tiết dương-
xuân.*

*Lòng bán-khoản tưởng khách
tình-nhân,*

*Xuân chiêu, hương hoa-viên
tán bộ ;*

*Nhìn phong-cảnh trăm chiều
đua nở,*

*Dập-diu khoe nhĩ tia cảnh vàng ;
Vườn đào, hoa dẹt gấm rờ-
ràng,*

*Bướm giòn nhĩ cũng chiều
người hôn-hở ;*

*Xanh vàng thắm trăm hoa đua
nở,*

*Gấm tốt vời Lãng-uyên Bồng-
doanh ;*

*Rờ-ràng hoa giới quanh thành.
(Trích trong Xương-khúc tập
thi, của Ngô-bảo-Quang, tờ 87 b.)*

Đại-ý bài trên nói : Sinh thay nhĩ ! hết đông lại sang xuân. Ngấn hàn-băng gặp tiết xuân tan ra từng mảnh ; dưới trời đua nhau, muôn tia nghìn hồng, trong tiệc vui-vầy

câu thơ chén rượu. Đọc đến câu: « Khi nước được thịnh thì tuổi thanh-xuân tốt đẹp, bóng mặt trời không riêng chiếu nhà ai, ngày xuân được thư nhàn », thì dấu là dân hay là quan, ai là chẳng chơi vui xuân-tiết? Ba tháng xuân chín chục ngày, thoi đưa cũng chóng, chim vang anh kêu vắng vắng trên cây: canh mùa xuân, trời xanh bay.

Bài dưới nghĩa là: Chốn thừ đường gặp ngay trời tốt, gấm bốn mùa yêu nhất mùa xuân, thấy tiết xuân trần-trọc nhớ tình nhân. Xuân Luôi sớm tới vườn hoa dạo bước, nhìn phong cảnh thấy trăm chiều đua nở, phô bày khoe nhị tía cảnh vàng, vườn đào hoa trông như gấm dệt, bướm giỡn nhị cũng hơn hờ chiều người. Xanh vàng thắm đủ trăm hoa đua nở, chẳng khác gì Lăng uyển, Bồng-đoanh: rõ-ràng hoa nở đầy thành.

Hai bài ca này không phải lối văn thù-phụng, nên không phải bó buộc như hai bài trên: lời văn cũng đã lưu-loát; nhưng câu văn tả cảnh vẫn không thiết-thực: bài trên có câu: « Ngán hàn-băng mảnh mảnh tan không », thì nước Nam ta làm gì có hàn-băng? Thế là các cụ chỉ mô-phỏng những bài xuân-nhật tức-cảnh ở trong sách Tàu, chưa thoát được lối văn chữ

nho cho nên văn tả cảnh vẫn thiếu vẻ truyền-thần.

Bài thứ hai đã không phải dùng chữ nho mây, nhưng lời văn hãy còn trùng-diệp: câu thứ năm đã có chữ « trăm chiều đua nở », đến câu thứ chín lại thấy « trăm hoa đua nở »; câu thứ bảy đã có chữ « gấm dệt rõ-ràng », đến câu mười một lại thấy « rõ-ràng hoa giỡn ».

Văn nôm về đời Lê chưa được thịnh-hành cho lắm, mà các bậc tiên-bối bấy giờ làm văn hãy còn theo lối Tàu, cho nên không thể vượt được cái khuôn mẫu cũ.

Trên kia tôi đã nói, mấy bài này chưa có vẻ gì là lối riêng của người mình, chưa vẽ được hết cái hình-thức và cái tinh-thần của chữ « tiết » và chữ « tân xuân ».

Có lẽ tại hình-thức ai cũng biết, cho nên các bậc thi-nào đời xưa không đề ý đến, chỉ nói câu « Xuân hòa thực-khi vẹn mười phần » là cùng (6). Nhưng về tinh-thần, ngoài việc kiêng những lời và những sự không hay, ngoài việc chúc nhau lắm của, nhiều con, sống lâu, sung-sướng, v. v., lại có cái đặc-diểm là người Tàu thường đi thanh-minh về tháng ba, mà người Nam ta thì nhân thế ngày tết làm lễ tảo mộ, đề tỏ ý gặp ngày mới nhớ đến người cũ.

Ta thường truyền-tụng một câu đối nôm rằng:

Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ,
Nêu cao pháo nổ bánh trưng xanh.

Lời văn thật-thà, lột được hết cái tinh-thần của cảnh tết nhà quê. Vì nhà quê xa chợ, ít được an thịt, chỉ có mấy ngày tết mới có thịt mà nhà nào cũng mua hành làm dưa ăn tết, cũng dán câu đối đỏ, cũng có tục trồng cây nêu treo một cái chổi cùn và một cái mè rồ (tức là rồ rách), để hốt hết cái xấu của năm cũ đi. (Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

1-) *Cổ-thi có câu: « Song phương vẫn trung phù liên hạ, lục ngao hai thư ng gư sau lai », ta cái kieu xe vua, ở dưới có hai con phương nằm ôm hai bên xe, xung quanh có sáu thần ngao (loài rùa lớn) như ở dưới bề lên trên núi.*

2-) *Tân thư chép vợ Lưu-Trấn là Trần-thị, gặp ngày nguyên đán đang bài liêu-hoa tụng.*

3-) *Trời, đất và bốn phương gọi là sau côi (lục hợp).*

4-) *Hai làm văn của cái làm bằng gô đào, về tượng, Thần trà và Uat-uy để trừ tà, nên gọi là đào-phù. Hai bức tranh ở mọi năm một lần đổi, nếu đời sau cùng gọi câu đối tại tà đào-phù.*

5-) *Bài thơ Xuân hòa quần sinh lạc có tám câu tôi không sao bốn câu dưới, vì ca tụng quá đáng. Có lẽ bài này cũng là bài của một ông quan triều Lê, vì những bài chép ở trên bài này, có bài đề tên ông Tống-si, Doan tức Giang - văn - Doan, ông Nguyễn-nhiêm, ông Trần danh Lâm-v. v. đều là văn thần đời Hậu-Lê.*

6-) *Cả bài đều là Ngự chế thi: Phụng ngự Trường xuân viện, chiêm nhất tiêu luật (thơ ngự-chế: ngự viện Trường xuân, làm một tiêu luật):*

Xuân hòa thực khi vẹn mười phần,

Lần bước nghênh xuân thưởng thọ xuân.

Tráp cảnh mai tươi khoe diềm tốt,

Vầy đoàn ngư thủy hội long-vân.

(Chép theo bản chữ nôm của Trương Bắc-cổ, Quốc-âm-thi, số A B 179, quyển 3, tờ 69 a.)

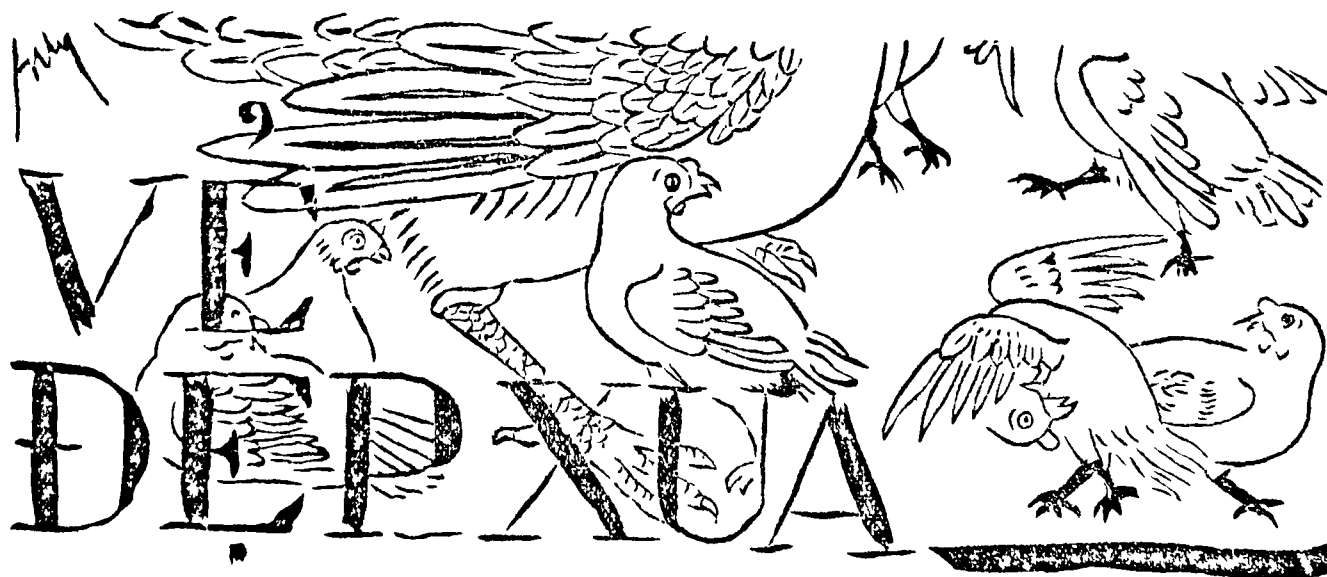
Đã có bán

Lịch trình tiến hóa sách báo quốc ngữ

In đẹp trên giấy láng nhiều hình ảnh văn nhân — Giá 2 \$ 00

Nhà sách NGUYỄN KHÁNH ĐÀM
12, rue Sabourain phát hành
Hãy đến Pavillon Information
Presse xem « nước Việt Nam cổ » qua tài liệu của nhà sách
Nguyễn Khánh Đàm bày

« XA XA » và « HƯ VÔ »
hai thi phẩm
của PHAN KHẮC KHOAN
sắp in xong



(Vài ý nghĩ về phong cảnh Tết)

Họa-sĩ NGUYỄN-VĂN-TY

NHỚ lại mấy năm về trước, cứ đến 27 hay 28, 29 tháng chạp, vài người bạn chúng tôi thường hay dạo chơi các chợ Tết: chợ Mọc, chợ Đor, chợ Bàng và vui nhât có lẽ là những chợ về vùng xa hơn nữa, Bắc hay Thái. Một cuộc sinh-hoạt tưng-bừng hấp dẫn cả dân một vùng đến đề gặp nhau trong phiên chợ cuối năm. Nam nào cũng cảnh tấp-nập ấy, nhưng theo thời-gian, các sản vật cùng cốt cách đều thay đổi dần khiến ta phải bóp trán nhớ tiếc những vẻ xưa.

Qua thăm ruộng lúa chiêm vừa cấy buông tay, mấy bà mẹ đơn-đã theo các ngã đường âm ướt vì mưa phùn. Gồng gánh trên vai, họ đi sắm-sỉa với net mặt lo lắng cho cái « Tết » của mình được chu đáo.

Trên đường cái - quan trông xuống, chợ họp đã đông nghịt dưới mây góc đa ở đầu làng tan mãi

từ dốc vào đến tận sân đình. Trên nền đất lung-hung đỏ mỗi hóa-phẩm vẫn bày theo một lễ thói riêng. Cảnh đẹp nhất vẫn là mấy cụ đồ nho nằm soài trên mảnh chiếu cũ thảo những chữ « thần » với nét bút trơn chu. Mấy đại-tự hiên ngang in trên một nền đỏ tươi hay hồng điều vừa rần-rỏi vừa vui mắt.

Dãy hàng mã với những màu tươi phàm lục, hoàng bá, thiên-Thanh trên lại điểm tỉ-mỉ nét trang-kim hay mặt kính long-lanh trong những hình-thù kỳ-quái. Màu lòe-loẹt in hay quét trên giấy trông rõ ràng quẻ-kẻch mà vẫn ưa: một con ngựa trắng, móng đen, yên đỏ, thiếu mất bụng, chân thì lung-khùng; thật là một con ngựa quái dẫn với một chòm râu lưi-thư quần dưới mũi đen láy. Thêm vào đấy, một con voi cao lênh-khênh, vài bộ mũ ông Công, ông Táo đen, vàng lẫn-lộn — cánh chuồn lốm-dốm sao — treo ngót-ngát thành từng vầu, cửa hàng mã đã không

biết rằng mình vừa xếp được một tứ màu đôi-dào, khác nhau.

Mấy khoảng nhỏ ấy gộp lại được một bức tranh-lớn, lấy màu nâu đất làm nền, màu mạ non vây-bọc xung quanh. Điểm xen vào đấy, màu xanh xẫm lá giông, màu hồng hoa đào với thất lưng, giải yếm của các thiếu nữ càng tô thêm cho bức tranh quê giàu-có...

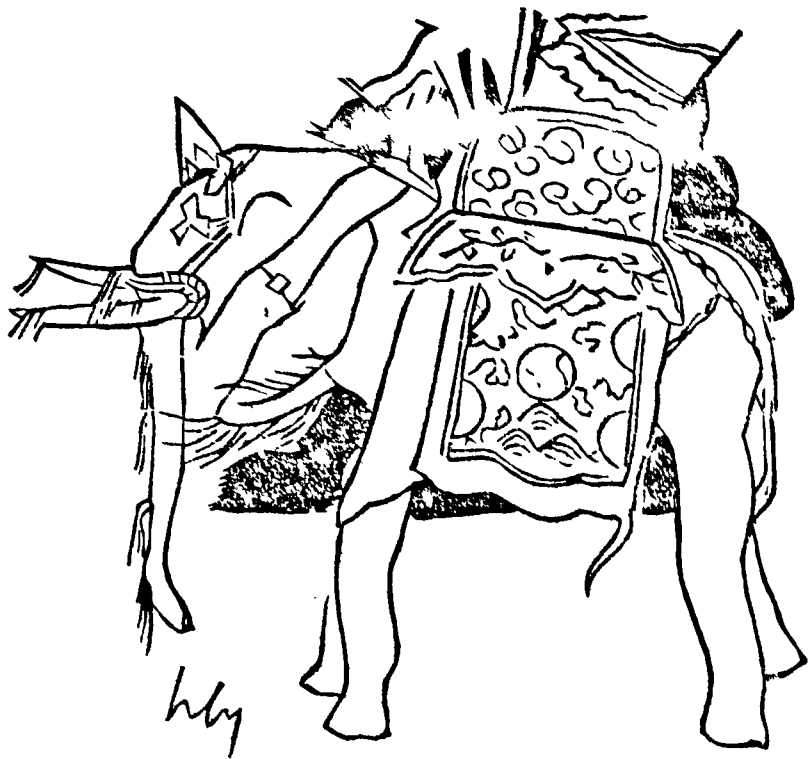
Mua được thứ gì, người ta đem về lo liệu và trang-hoàng cho vui mấy gian nhà đề hưởng đầy-đủ thi vị ngày xuân.

Trong khi ngọn nêu cao vút dâng lên một đoạn nhạc cò-phách của chùm khánh đất, một cụ đã không quên sửa-soạn từ-lâu mấy khung câu đối. Khung sơn đã được cạo rửa sạch-sẽ tinh-tế để nhận những đại tự lưu truyền: Nào những nét « Thủy hữu nguyên », « Hiên kỳ quang » ung-dung chiếm địa-vị giữa nhà trên nền giấy lòng điều lấm tấm bạc.

Một bà mẹ vừa bước qua ngưỡng cửa đem theo về nào bướu, chuo,

phật thủ... Mâm ngũ quả mà ta đếm được đến hàng chục thứ đã tạo nên những bức linh vật quý giá. Bưởi, chuối, cam, quýt đặt trên một mâm bông sơn đỏ: tất cả các màu-sắc ấy dễ ghi vào óc trẻ em từ đây chúng không bao giờ quên hết được. Chúng vui vui, rộn-rã khi chờ tranh chuốt, tranh gà da dán trên vách. Màu sắc đã dẫn chúng đi hưởng tuổi ngày-thờ vô tu-lự và đã giúp chúng ghi lòng yêu mến thờ kính tổ tiên hầu đến quên lãng cuộc sống cạnh tranh bên ngoài.

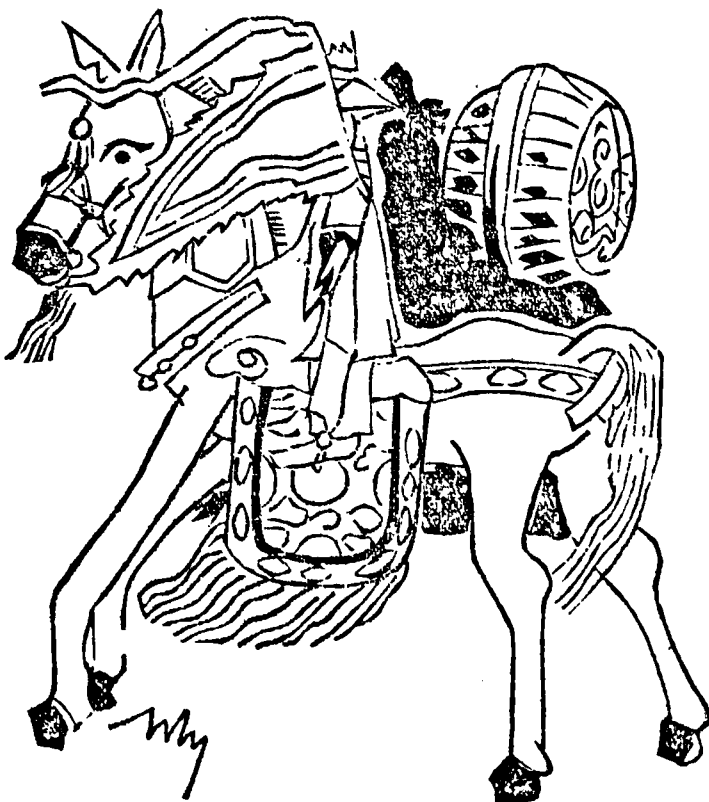
Vẽ xưa biến dần để thay vào những lễ thói khác « lai » nhiều ảnh-hưởng. Tranh in bảy giờ thì giả-dối, bôi - bác; hóa - phẩm thì hoặc vì thiếu - thốn vật-liệu hoặc vì người buôn bán lợi dụng nhiều quá nên vẽ đẹp đã biến thành đơn-ơ hầu như đơn-bạc. Các nghệ-sĩ



bình dân gần như tiêu-diệt hết. Họ đã quên cả nhiệm-vụ thiêng liêng: viết chỉ đề mà viết, vẽ chỉ đề mà vẽ, làm việc cũng như chim hót, mây bay. Hoặc họ kêu túng-thiếu về tiền-lãi, nhưng nếu lúc nào cũng kè-kè so-sánh lợi lộc với việc làm, quên cả bổn-phận yêu nghề thì có chăng chỉ sáng tác giạt lùi. Hoặc một vài vẽ đẹp còn nguyên dấu vết xưa nhưng ít được ai chú ý tới — vì không hợp thời hay vì không ai hiểu — mà thực ra riêng với những con mắt sành-sõi cũng phải cố công tìm-kiếm mới thấy.

Một phái nghệ-sĩ được tập-luyện và học-hành theo phương-pháp mới đa cải tạo và sáng-tác nhiều hình thể và duyên-dáng mới. Ta còn hy-vọng và ta sẽ hết ban-khoan khi tìm thấy một đường đã vạch đề mà tiến, đề gầy dựng, xây đắp và đề nổi sợi giây « Đẹp » của đất nước xưa đã hầu tàn. Ta đã hiểu biết từ nguồn gốc, cội rễ từ đâu ta đến đề rồi lựa lọc giữ lấy vẽ xưa và bồi thêm lên mãi qua cái cảm-giác thực của ta.

(Xem tiếp trang 35)



NHÌN QUA VĂN-HỌC

Việt-Nam năm 1942

LÊ THANH

«**T**RONG khi chúng tôi viết những giòng này, những chiếc lá cuối cùng của năm chờ rụng, chờ rụng theo những ngày cuối cùng của năm gần hết.

«**R**ồi đây giữa một đêm ba mươi, xung quanh tôi, trong khi người ta rộn ràng mở cửa đón cái xuân mới tượng trưng một cuộc đời đầy hứa hẹn, chúng tôi cũng sẽ mở cửa để được cảm động chờ đón cái lớp nhà văn đến với một tâm hồn đời mới để gửi vào họ đóa hoa hi vọng tươi đẹp của đầu năm ».

Trên đây là lời tôi viết sau khi « nhìn qua văn học Việt-nam năm 1941 ».

Sự thực đã chứng rõ rằng mở cửa để đón lớp nhà văn ấy, chúng tôi không chờ một ảo mộng.

Trong năm 1941, nhà văn ta đã có một quyết định quan trọng trong cái chương trình hành động hàng ngày : gây một tinh thần mới, kiến thiết một nền tư tưởng mới hợp với hoàn cảnh. Nhưng nếu quyết định của họ chỉ mới có cái giá trị một quyết định — hoặc họ có thực hành, họ chỉ mới trong sự cố gắng đầu tiên — sang năm 1942, con đường họ theo đã rõ rệt.

Trong làng văn, bao quát nhìn, ta không thấy những con chiến ghê lở như mấy năm về trước. Còn người nào, người ấy là người của bốn phận ; cán bút của họ đã xứng đáng cán bút của những nhà văn sống trong thời buổi này.

NHỮNG XU-HƯỚNG VĂN HỌC

Sử học

Như đã nói trên, trong năm vừa qua, nhà văn ta tiếp tục những công việc đã bắt đầu từ khi có cuộc cách mệnh văn-chương. Vì vậy những trào-lưu văn-học của năm phần nhiều là những trào-lưu cũ.

Trào-lưu sử-học vẫn giữ nguyên được sự bông-bột của hai năm trước.

Những tập nghiên-cứu có giá-trị được xuất-bản, những kịch rút trong lịch-sử — hoặc bằng thơ, hoặc bằng văn xuôi — được soạn và lần lượt

đưa lên sân khấu. Báo chí vẫn theo đuổi công việc sưu tập tài liệu đính chính những sự sai lầm về lịch-sử, và thứ nhất đem ra ánh sáng những đoạn sử oanh-liệt của nước nhà.

Chắc có người hỏi : nói có cái trào-lưu sử-học từ mấy năm, nhưng trào-lưu ấy đã đem lại cho văn-học ta được những gì ? Đứng trước câu hỏi ấy, bạn đọc cũng như tôi, không khỏi lúng-túng. Đề giả lờ, tôi muốn tìm lấy một tác-phẩm có giá trị có thể tiêu-biểu cho sự cố gắng của chúng ta từ mấy năm nay. Tôi đã dừng lại với một vài tên nhưng không dám quyết định.

Và lại tôi thiết tưởng sự can hệ không phải ở chỗ trong tủ sách ta có những bộ sử mới, những tập nghiên cứu lịch sử có giá-trị ; nếu lượng được cái sức mạnh của một câu thơ hùng tráng ca tụng các chiến công oanh-liệt của đức Trần-hưng-Đạo, nếu đo được cái ảnh-hưởng của những lời lâm-ly tả những nỗi thống khổ của mình dưới cuộc dò-hộ của người Tàu, ta cũng không đòi hỏi gì nhiều hơn và thậm mong rằng nhà văn ta cứ cố gắng thêm mãi mãi trên con đường sử học ấy.

NHỮNG SÁCH CỦA

Lê-Thắng xuất bản

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

- 1.) Tiền học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm-sách duyệt y (1) 1p 25
- 2.) Việt nam văn phạm. Trần-trọng-Kim 3p. 00
- 3.) Grammaire Annamite Trần-trọng-Kim 4p. 00
- 4.) Phật lục, Trần-trọng-Kim, Op. 80
- 5.) De Hanoi à la Courtline Phạm-duy-Khiêm 1p. 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt. toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

1— Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

Phê-bình và văn học sử

Bên phong trào sử học, ta phải ghi xu-hướng về phê-bình văn học và văn học sử, hai thể văn có liên lạc mật thiết với thể sử.

Trong năm vừa qua, mấy nhà phê bình có tiếng đã cho xuất bản những tác-phẩm có giá-trị.

Nguyễn-Đông-Chi: *Việt-Nam cổ văn học sử*, tập nghiên-cứu rất công phu về-văn học từ thượng-thế đến nhà Hồ, một quyển sách có giá-trị nhứt về loại này.

Vũ-ngọc-Phan đã cho in quyển đầu tập « *Nhà văn hiện đại* », một tập phê-bình và thảo luận về văn-học hiện đại.

Trần thanh-Mại: *Hàn mặc tử*, tập nghiên-cứu và phê bình thân thể và văn chương nhà thi-sĩ trẻ tuổi mới qua đời.

Hoài Thanh và Hoài Chân: *Thi nhân Việt-nam*, một tập văn khảo gồm có thơ của nhiều thi-sĩ mới. Tập sách này cũng đáng cho ta chú ý lắm.

Ngô tất Tố: *Việt nam văn học* (tập nhứt).

Kiều thanh Quế: *Phê bình văn học v. v...*

Trong các báo chí, việc phê bình sách mới cũng được các bạn làng văn chú ý hơn. Hoặc phê-bình một cách tổng hợp, hoặc phê-bình từng đoạn đề nêu lên một vài điều lầm lỗi rất có ích cho những người viết sách, giàu chí hăng hái và óc khoa học, nhưng vì thiếu tài liệu nên còn có những khuyết điểm.

Đáng phàn nàn là, bên những nhà phê bình chân chính, có một lũ chiên ghẻ lờ, tay sai riêng của một vài nhà xuất bản, làm những việc vô lương tâm; một số nhà văn đã tố cáo nhà phê bình « ăn tiền » của nhà xuất bản, khen sách cho những nhà xuất bản ấy.

Số người trong làng văn ta đã chẳng được bao nhiêu mà còn một số người vô lương tâm đem bôi nhọ ngôi bút, vô tan danh giá của mình đi. Thật đáng tiếc !

Triết học

Đáng chú ý nhất là người mình đã bắt đầu bước vào địa hạt triết học. Nói thế không phải là nước ta đã có những công trình sáng tác triết học như nước Pháp, nước Đức, nước Tàu... Cái ngày ta có một Vương dương Minh, một Bergson có lẽ còn lâu lắm. Nhưng năm vừa qua, ta đã được đọc những cuốn *Triết học Kant*, *Triết học Bergson*, *Triết học Nietzsche*, *Mặc-Tử v. v...*, những khảo luận và những triết học đa đoan

mà ta chỉ mới được học, được đọc qua tiếng nước ngoài mà thôi.

Tôi đã đọc những tác phẩm ấy. Tuy còn có nhiều điều chưa được mãn nguyện, câu văn vì có nhiều chữ mới mượn của tàu nên tôi nghĩa, lời văn nhiều khi nó lè bẻ pháp của văn tây nên khó nghe, nhưng cái cảm tưởng cuối cùng là tác giả những sách ấy đã cố gắng nhiều lắm.

Đem một thứ tiếng như tiếng ta xưa nay chỉ

dùng để tả những tình cảm, những việc thông-thường, đề bàn đến những vấn đề sâu xa, thứ nhất là bản thể nào để cho mọi người hiểu không phải là việc dễ.

Vì vậy tôi ước ao thấy trong làng trí thức ta có nhiều người tìm cách phổ thông những danh từ triết học, giới thiệu với người mình, những điều sơ đẳng về triết học trước khi đi sâu vào những hệ thống triết học vừa khó khan vừa khó hiểu.

Cần nhất là trong lúc đầu, khi định nghĩa những danh từ, khi xảy những câu có tính cách chuyên môn về triết lý, ta phải có một nhóm người cộng sức với nhau bàn định để tránh những sự lố lằng đáng phàn nàn sau này.

(Còn nữa)

LÊ-TUÂN

Cảnh cụ đồ Tết năm nay

Mọi năm chừng bị loạn rừng... nho,
Tết đến, thành ra lắm cụ đồ
Giấy bút hợp nên phiên chợ... chữ
Ngồn-ngang hai dãy phố hàng Bờ.

Nhưng tết năm nay, mới lạ cho !
Hà-thành bỗng văn cảnh nhà nho.
Lơ-thơ chỉ có dăm, ba cụ,
Vắng khách, đương ngồi bó gối... lo !

BẠCH-DIỄN

Một xuân "lịch-sử" cách nay 158 năm

BÁ ĐA LỘC với HOÀNG TỬ CẢNH

NGUYỄN TRIỆU

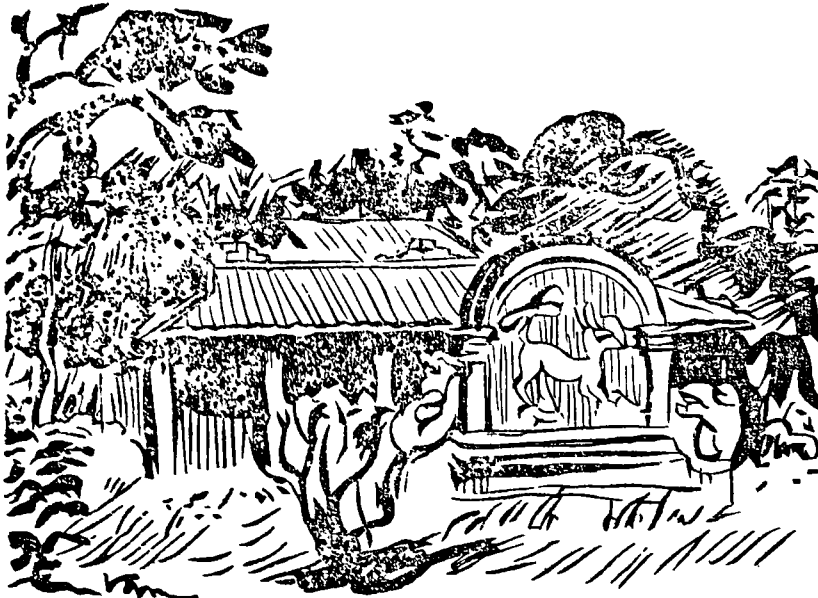
DƯƠNG lúc quốc-dân nô-nức tung-bừng đón chào xuân Quý - mùi (1943) thì hồi tưởng lại cái xuân cách đây 158 năm là xuân ất-tị (1785) lúc con thuyền đức giám-mục Bá-Đa-Lộc cùng Hoàng-tử Cảnh đang lênh-dênh

lướt sóng trên Ấn-độ - dương qua Malacca tới Pondichéry để sang nước Pháp mà xin cứu-viện.

Có tích mới dịch nên tường, từ năm 1916 cụ quận Hoàng Thái-xuyên ngoài Bắc đã soạn vở « Tây Nam đặc-bằng »; đến năm 1918 thì hai ông Đặng Thúc-Liêng và Nguyễn viên - Kiêu trong

Nam viết tường « Pháp-Việt nhất-giả ». Năm 1921 ông huyện Nguyễn hữu-Mỹ tức Michel Mỹ soạn vở tường « L'Annam sous la terreur » bằng Pháp-van (1). Và mới đây ông huyện Nguyễn Thành-Điền sáng lập ra Quốc-gia kịch hoàn tại Vĩnh-long, dịch tường « L'Annam sous la terreur » ra tường « Pháp-Việt sơ-giao » do các ông Hồ Trung, Đặng Thúc Liêng và Duillon chỉnh-dốn lại, diễn tại

nhà hát Tây Sài-gòn đêm 18 Août 1942 dưới quyền chủ-tọa Thủy-sư đồ-đốc Jean Decoux mà là lần đầu tiên Ngài làm chủ-tịch cho một buổi hát Việt-nam vậy. Đêm hát long trọng vô cùng và đầy đủ ý-nghĩa biểu-lộ được hết tình Pháp - Nam thân - ái ấy được công-chúng hoan-hô nhiệt - liệt



Mộ Bá Đa Lộc (Lăng Cha Cả) ở Saigon

và kết quả mỹ-mãn hoàn-toàn.

Nay xin đem sự-tích đó ra đây mà hiến các độc-giả vào sổ mùa Xuân năm Quý-mùi (1943) này tường cũng chẳng phải là vô vị !

Các du-khách tự Bắc vô Nam, sau khi qua lang quan Tả-quân Lê văn-Duyệt ở Gia-dịnh đến nhà thờ lớn Sài-gòn thì đã thấy ở cửa nhà thờ một tượng hình (2) đồ-xô : Đức Giám-mục Adran cùng Hoàng-tử Cảnh.

Giám-mục Adran hay Đức-thầy Bá-Đa-Lộc cùng Hoàng-tử Cảnh là hai vai chính trong bốn vở tường chúng tôi vừa kể ở trên.

Đức-thầy Bá-Đa-Lộc hay Evêque d'Adran tên là Pierre Joseph Georges Pigneau (de Béhaine) sinh tại Origny-en-Thiérache (Aisne) ngày 2 Novembre 1741. Phụ-thân tên là Georges Pigneau và mẫu-thân là Marie Louise Nicard.

Giòng họ Pigneau vốn sinh-trưởng ở xã Pigneau xứ Picardie bên nước Pháp.

Đức thầy đi tu từ thuở nhỏ, không bao lâu được truyền chức thầy cả vào hồi năm 1765, mới 24 tuổi, và ngày 15 Décembre năm ấy thầy từ cảng Lo-

rient đáp tàu sang phương Đông giảng đạo.

(Còn nữa)

NGUYỄN-TRIỆU

1) Đã diễn tại Saigon luôn ba đêm 12, 13, 14 Août. 1924 dưới quyền chủ tọa quan cố Toàn Quyền Merlin và quan nguyên Thống Đốc Nam Kỳ Tholance.

2) Tượng hình này là tác-phẩm của nhà điêu khắc trứ danh Lormier, khánh thành ngày 10 Mars 1902, nhân ngày mừng 1 tháng 2 năm Nhâm dũ (đời vua Thành-Thái thứ 14).



Ở mùa xuân năm ngoai, tôi có chép lại lịch-sử Đồng-đa, là trận vua Quang-trung (1788-1792) đánh được Tôn-sĩ-Nghị, cứu nước Nam ta ra khỏi vòng nô-lệ nước Tàu.

Năm nay tôi lại mở sử chữ nho, trích mấy đoạn chép về mùa xuân, lược thuật ra đây, để độc-giả nhớ lấy cái công ơn của những bậc đế-vương khai quốc và những vị anh-hùng cứu thế trong nước Việt-Nam ta.

Kể mà chép cho hết truyện mùa xuân mở nước, thì phải làm thành một quyển sách, mà tra-cứu theo lối khoa-học, viết dài lắm, vì những tên đất tên trận ngày xưa nay ở chỗ nào, phải chú-thích cho rõ-ràng.

Đây tôi chỉ chép sơ-lược thôi, vì số báo là số mùa xuân, cốt xem cho vui, nên tôi lấy cả chính-sử lẫn dã-sử, mà cũng không thuật hết các truyện chép trong sách nho.

Nhưng tôi cũng theo lối làm sử, nói rõ xuất-xứ những đâu, để độc-giả muốn tra-cứu, nhân đây tìm rộng ra được.

Như tôi đã nói trong bài *Thơ tết với chuyện tết đời xưa*, tục bèn ta có lệ nhân ngày tết tảo mộ, gặp ngày mới nhớ người cũ.

Ta là dân Đại-Việt, nên nhân năm mới nhớ lại những công ơn của các vị đời xưa đã gây dựng nên cái giang sơn này. Vì thế tôi chép những trận độc-lập như sau:

I. — Ba trận độc lập

Trận thứ nhất là trận bà Trưng. Mùa xuân năm canh-tý là năm 40 sau kỷ-nguyên, bà Trưng khởi binh đánh đuổi thái-thú nhà Đông-Hán là Tô-Đĩnh, rồi tự lập làm vua. Bà nguyên người họ Lạc, biệt-tính là Trưng, tên húy là Trắc, con gái



Mùa xuân năm xưa NƯỚC TA đánh những trận nào?

quan Lạc-tướng huyện Mê-linh, quận Giao-chỉ, vợ ông Thi-Sách, người Chu-diên (1). Bà là người rất hùng-dũng, cùng với em gái là Trưng-Nhị cất quân đánh hãm châu-trị là dinh Tô-Đĩnh, vì chính-sách Tô-Đĩnh tham độc, giết chồng bà. Tô-Đĩnh chạy về Nam-hải. Quân bà đi đến đâu như gió lướt, các man-lai quận Cửu-chân, Nhật-nam và Hợp-phố đều hưởng-ứng cả. Bà lấy lại các thành đất Lĩnh-nam, đóng đô ở Mê-linh.

Năm 41, nhà Hán phong Mã-Viện làm Phục-ba tướng-quân, sai cất binh sang đánh. Quân Mã-Viện men đường bờ biển lên, đi núi phá cây hơn một nghìn dặm, đến hồ Lãng-bạc cùng bà Trưng đánh nhau. Bà thấy quân thế nhà Hán đang mạnh, tự nghĩ quân mình là quân ô-hợp, e không chống nổi. Quân thì nghĩ bà không phải là tay địch thủ, vì thế dần dần tan hết. Bà phải lui về giữ ở Cấm-khê (2), cùng quân Mã-Viện chống nhau mãi. Đến mùa xuân, tháng giêng, nam quý-mão, là năm 43, quân võ thế cô, hai Bà cùng mất. Mã-Viện đuổi theo đánh dự-dăng là bọn Đô-Dơng, đến huyện C -

phong (3) bắt đầu hàng. Rồi Mã-Viện dựng cột đồng làm cực-giới cho nhà Hán. Sau khi Mã-Viện về, người trong nước thương cảm Bà Trưng, dựng đền thờ (4).

Trận độc-lập thứ hai là trận Lý-Bôn.

Nước ta sau khi Triệu-vương, tức Triệu-Đà, biệt-lập vào khoảng năm 207 trước kỷ-nguyên, người Tàu lấy nước ta làm quận huyện, tấc núi thước sông đều là nội-thuộc, giang-sơn không quyền tự-chủ, thế thì ai là người anh-hùng tạo thời-thế? Chính là ông Lý-Bôn (có người đọc là Lý-Bý, 541-548) lên ngôi vua gọi là Tiền Lý Nam-đế, người Giao-chỉ, có tài văn võ, làm quan nhà Lương bất-đắc-chí, về Thái-bình. Nhân thứ-sử Giac-châu là Tiêu-Tư, vì tham khắc mất lòng dân, Lý-Bôn mới khởi binh. Từ-trưởng Chu-diên là Triệu-Túc cũng đem quân theo, hiệp kết vài châu, hào-kiệt hưởng ứng rất đông. Tiêu-Tư biết, nộp cửa cho Lý Bôn, chạy về Quảng-châu. Lý-Bôn bèn ra giữ Long-biên. (Còn-nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TU

1) Huyện Chu-diên đặt ra từ đời Hán, thuộc vào quận Giao chỉ. Đời Đường đổi làm Diên châu. Triều Lê nước ta gọi là phủ Tam-dải. Nay là phủ Vĩnh-tường, tỉnh Sơn tây (Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 2, tờ 10 b).

2) Thăm hoài Viễn chép bà Trưng vào Kim Khê (Cấm Khê) hai năm mới bắt được. Khâm định Việt sử nói cũ như thế thì Cấm Khê thuộc vào địa hạt phủ Vĩnh tường, tỉnh Sơn tây, nhưng chưa rõ dịch ở chỗ nào. Cứ sử chép thuộc tỉnh Nghệ an thì lầm.

3) Cư phong đặt từ đời Hán, thuộc quận Cửu chân; đời Tam quốc, nhà Ngụy đổi là huyện Di phong, nay thuộc địa hạt tỉnh Thanh hóa.

4) Chép theo Khâm định Việt sử, quyển 2, tờ 9 b-12 a; nên so với Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 51 tờ 2a-3a, và Đại-việt sử ký, quyển 3 tờ 4a-5a.



HAI NHÀ THI-SĨ NGHÈO VỚI NGÀY TIỀN ÔNG TÁO

Liên Giang

mua cá chuối làm ngựa cho ngài cưỡi, bên Tàu đan dưa phất giấy làm kiệu cho ngài ngồi. Tình là những lễ vật hối lộ, mong ngài tốt phở xấu đây, thêm bớt trong tờ trình, hồng đức Thượng-Đế xét xem công quả mà cho hưởng nhiều hạnh-phúc năm sau.

Những gia đình phong - phú, đến hôm ấy, sự sắm sửa ăn tết đã thừa đủ, thì tha hồ mà bày ra cỗ bàn, nào chồng, nào vợ, nào con, quây-quần - cúng bái, ăn uống vui-vẻ. Duy những gia đình nhà nghèo, thì ấy cảnh năm hết tết đến, túng bấn không bo-bíu được vào đâu, thì chỉ những nhìn nhau mà than thân tủi phận. Khổ thứ nhất lại là những nhà thi-sĩ nghèo, đã nghèo lại đông con, lại được trời phú cho cái bộ óc biết nghĩ.

Ấy chỉ vì biết nghĩ, nên mới lắm chuyện, nên chúng ta ngày nay mới được thưởng-thức những câu thơ như oán, như tố, như chể, như riều, như khinh-miệt một tục dị-đoan, vô ý-thức.

Tôi muốn giới-thiệu các bạn đọc hai bài thơ của hai nhà thi-sĩ nghèo có tiếng là Trần Tế-Xương (1870-1907), người nước ta và Quách Lận, người nước Tàu.

Nếu bạn giàu tưởng-tượng, dịch địa thử làm thân nhà thi-sĩ nghèo, trông thấy cảnh vợ con túng thiếu, áo không đủ ấm, cơm không đủ no, mà hôm cúng ông

Táo, ở nhà mình thì hương lạnh khói tàn, mà bếp nước nhà người ta thì củ lửa đỏ, mùi nấu nướng thơm-tho, tôi đổ bạn có thể nhẫn-niên không nghĩ-ngợi gì đến? Nếu bạn là kẻ phàm, tất bạn sẽ sinh khùng phát bần, câu-kính bàng-quor! Nếu bạn là thi-sĩ, tất bạn sẽ than thở ra lời thơ đề oán Trời trách người, hoặc đồ cho thời-vận.

Thì đây, lời thơ của Trần Tế-Xương đủ cả giọng một thi-sĩ oán Trời trách người, mà lại đủ cả giọng một tục-tử phát bần. Bạn có thể thấy hết cả những tiếng tục tằn của kẻ phàm-phu trong tám câu thơ của thi-sĩ. Nhưng lạ một điều là tiếng tục tằn ấy ghép vào giữa câu thơ của họ Trần tự nó biến đi mất cả, mà chỉ còn lại những lời nhẹ-nhàng pha mùi chua chát mà thôi. Thực là khéo dùng tiếng tục ở trong tiếng trong, ấy Tế-Xương khác người ta ở chỗ đó.

Đây, hai câu phá, thừa :

« Hôm nay tháng Chạp, hai mươi ba,
« Ông Táo lên Trời hát chuyện ta : »

Chữ « hát », nhà nho đã ngụ ý không tin, mà chế riều rồi đấy. Thử xem ông Táo « hát » chuyện nhà nho những gì :

« Rỗng rỗng rỗng toang : nhà đi
bụt,
« Lạnh ngơ lạnh ngắt : bếp lò... ma »

KHÔNG biết ai sinh ra cái tục cúng tiền ông Táo vào ngày 23 tháng chạp ở

nước ta, đề cho bao nhiêu thi-sĩ qua nhau làm thơ chế riều. Những cái óc hoài-nghi, chắc lại dồ cho ông bà ông vải chúng mình hẳn bắt-chước các ông Tàu mà vẽ-vời sinh lễ nghĩa. Bắt-chước thì có lẽ cũng bắt-chước thật, nhưng mà họ cúng một hôm, mình lại cúng một hôm. Họ cúng hôm sau, mình lại đi nhanh hơn, là cúng hôm trước. Bạn có đọc sách *Phong thổ ký* của Chu-Xử, *Mộng-lương-tục* của Ngô-Tự-Mục cùng là *Vũ-lâm cửu-sự* của Chu-Mật không? Những sách ấy toàn chép tục bên Tàu tiền ông Táo vào đêm 24 tháng chạp, gọi là « Niệm tứ gia. » Niệm đầu là hai mươi.

Họ cũng như mình, làm cỗ làm lễ để ông Táo soi, mua mũ áo vàng giấy để ông Táo đội và mặc. Vàng bạc giấy để tặng hảo hùm. Sự ngài không có xe, bên ta

Nhà nghèo, không có đồ-đạc gì, chỉ trơ có bốn vách, bếp không có gì thổi nấu, dù ngày tiền ông Táo cũng vậy. Lấy câu sấm ở phương ngôn « Rỗng như dít bụt; lạnh như lỗ... ma » « Đít » là tiếng tục, nhưng « bụt lại là tiếng thanh. « Lỗ... » là lời bần, nhưng « ma » lại là lời sạch. Cửa bụt, cửa ma. ai còn dám cười !

« Cơm dư lưng bụng con nheo nhóc !
« Váy hở ngang đùi vợ suýt-soa »

Hai câu luận này, cũng như hai câu thực, toàn là sự-thực tường-khai ở trong tờ « lập-bô » của cụ Táo. Cơm không đủ, con vẫn phải ăn đói. Lại không có tiền mua vải, vợ phải may váy ngắn, nên không chịu được tiết đông rét lạnh mà phải suýt-soa. Có « hót », chỉ « hót » được như thế là hết.

Đến hai câu kết. Hai câu này nó làm-nổi cả bài, nhất là câu cuối cùng, cũng có chữ tục :

« Chắc hẳn Trời ghen hay chữ quá,
« Thà rằng đốt tịt quách cho qua ! »

Nghèo-túng kiết-cáu như thế mà nhà thi-sĩ ta vẫn không khỏi cái tính tự phụ : có lẽ vì mình hay chữ, mà thứ nhất lại hay chữ « quá » nên Trời ghen, bắt phải bần cùng. Chẳng thà đốt nát như ai. Trời không ghen vào đâu được. Họa chẳng như thế mới giàu ! Thế ra Tể-Xương coi những nhà có của toàn là hạng đốt... cả.

Đây thơ của thi-sĩ họ Trần ta có vẻ ngạo-nghe như thế ; đến thơ của thi-sĩ họ Quách lại bướng-bỉnh lạ-lùng :

« Bạch mẽ xuất ma như ngọc trần,
« Trương-hoàng tác binh cam nhập thần.

« Thanh trúc đăng kinh phộc dư kiệu.

« Hồng tiên tiễn toái hồ xa luận.

« Nguyễn Hầu thượng thiên mạc tuần-tuần.

« Chúc Hầu chi lai phúc ngã dân.
« Bội kê cầu toai Hầu bát văn,
« Nam thân, nữ ngăm hầu bát sân.
« Thường thời đợt yên hữu đoạn tuyệt,

« Hữu thời bức chuyên thiên thâm lân!
« Hầu cư ngã gia diệc văn cư.

« Lượng như Bào-Thúc tri ngã bần.

« Thượng thiên cao cao, Đế sơ viễn.

« Kỹ sát tiêu thần tủng sơ lan.

« Bình sinh sở sự bất khi nhân,

« Hà hưởng ngã Hầu giai tại nhân.

« Kim triêu tái bãi, tiền tri từ :

« Phú khả bất cầu, dư khả hoãn.

« Hữu tửu tại bình, thỉnh tại bồn.

« Cổ sự liệu dĩ tao đồ môn.

« Yên tri Tư-mệnh bất nhất tùy ?

« Ngã dĩ độc chước dư không ton.

« Thiên gia tổng thần, bội trục tề.

« Tiêu nhi sách phạn, môn đồng đề ! »

Dịch nôm

Gạo trắng đã nhỏ như bột ngọc

Đề tám bánh ngọt dâng cung ngài.

Tre xanh buộc với giá cây đèn làm

kiệu.

Giấy điều cắt ra dán làm bánh xe

cho ngài.

Xin ngài lên trời ngay cho, chớ có

chậm-chạp.

Chúc ngài khi trở lại làm phúc cho

dân nhờ.

Ở nhà tôi : những việc cãi cọ nhau,

ngài chớ có đề vào lai.

Con, trai, con gái tôi chúng có rên-

rĩ, ngài đừng có giận.

Ổng khói bếp nhà tôi thường nhiều

khí phải nguội lạnh

Nhưng cũng có khi bị cái ướt thì

khó chịu lắm.

Ngài ở nhà tôi kẻ ra cũng đã lâu.

Chắc ngài cũng sáng như Bào-Thúc,

mà biết rằng tôi nghèo.

Đức Thượng-Đế thì cao xa.

Dù có bụi bầy tôi nhỏ là giống chấy,

giống rận để chúng nó cắn dứt

tôi mãi !

Bình sinh tôi không có lừa lọc ai.

Việc đó ngài đã biết rõ cả.

Nay lấy ngài tôi xin thưa :

Sự giàu tôi không cầu, sự dư cũng

xin hoãn,

Tôi có rượu ở chai, để ở trong chậu.

Bất chước việc cũ, gọi là cúng ngài.

Không biết ngài có chịu uống say

không ?

Thống chế Pétain đã nói :

« Nhờ có bại trận mà
môi đồng-tâm của quốc-
gia được thắt chặt : chung
ta sở dĩ quấy quần để
tìm sự bảo-vệ chung. Sự
gần gũi đó, dù chỉ là
tự-nhiên, là hy-vọng nâng
dỡ nhau trong cuộc phục-
hưng. Nhưng Quốc-gia
Cách-mệnh còn phai
cần sự thông-nhất của
nước Pháp ».

Mà để một mình tôi chén mai cho
đến còn cái be không.

Thiên-hạ người ta tiễn ngài đi
pháo đình tại.

Nhà tôi thì : đưa con nhỏ doi, đứng
ở cửa phia đông khóc mếu doi an !

Họ Quách này, tuy ý kiến cũng
như họ Trần ta là nhạo báng sự
dị-đoan, nhưng tỏ ra là một nhà
thi-sĩ phóng dật và bướng bỉnh. Tôi
tuy nghèo, nhưng vẫn có rượu
uống. Tôi ít cầu sự giàu, cũng
có cầu sự dư. Vì túng, vợ chồng
hay cãi nhau ; vì đói rét, con cái
hay mếu khóc. Chỉ cầu Táo quân
ngài đừng đề tai đến những việc
đó mà sưng - cổ. Bếp nước
khi đổ lửa, khi nguội lạnh,
cốt ngài lượng tình cho là đủ.
Chỉ cầu ngài có thể, nên gọi
là có chai rượu, bánh ngọt và
kiệu bằng giấy, tiễn ngài thượng
lộ ngay cho.

Xem như thế, thi-sĩ họ Quách
còn phong lưu hơn thi-sĩ họ Trần
vì bếp nước còn có khi đốt được
bằng củi ướt, tiễn ngài Táo còn
có bánh, có rượu chớ nhà Thi-
sĩ ta chỉ tiễn ngài bằng nước bọt

LIÊN GIANG

NĂM ấy là năm nào ?

Có lẽ Tuất, Hợi hay Tý, Sửu chi đó, tôi không nhớ. Tôi cũng không nhớ chắc ngày ấy là ngày nào theo dương-lịch.

Việc mà tôi nhớ rõ môn-một như mới vừa xảy ra đây là ngày ấy tôi thấy tôi rất ban-khoãn, tôi nhớ nhà lắm. Tôi nhớ hồi tôi tám tuổi, mới biết viết quẹt-quẹt vài chữ Hán, ba tôi bắt anh tôi và tôi viết nhiều liên đỏ dạng dán trên những cột nhà nhỏ ở hàng ba trước nhà. Tôi nhớ lúc lược-bọt trong cái áo xuyên dài mới, tôi và anh tôi lay bàn thờ ông bà và sau đó ba tôi cho mỗi đứa một cái bạc gói trong giấy đỏ. Ngoài đường tung-bừng tiếng trống múa lân hòa lẫn với tiếng pháo nổ vang chẳng dứt,...

Dao hàn xê-da. Vành tai và chót mũi vì lạnh mà tê ngất. Tuyết trên trời lã-rã rơi xuống tựa như những lọn bông gòn. Mái nhà và đường sá đen trắng toát dưới một lớp tuyết khá dày. Hàn-thử-biểu treo trước rạp chiếu bóng Majestic chỉ bày độ dưới con zéro. Ngực tôi nghe như run-run. Hèn chi, hồi tôi sắp sửa đi học, bà chủ nhà trọ ân-cần bảo tôi : « Trời rét lắm, anh nên để một tờ báo trên ngực dưới áo sơ-mi cho phôi khỏi bị lạnh ».

Một tay cầm dù, một tay cắp sách, tôi cầm-cúi đi trên đại-lộ la République. Chung quanh tôi kẻ qua người lại dập-diu họ tránh né gọn-gàng cho dù khỏi đụng nhau. Tôi vừa đi vừa lấy làm lạ, tự hỏi tại sao ngày nay mà mình lại đi học. Nghĩ mới phải chớ; ngày nay là mồng một Tết mà. Nhưng được đầu, mấy ông giáo-

sư nào có biết ngày nay là ngày Tết của dân tộc mình !

Đặng thơ nhà cho hay rằng ngày ấy là ngày mồng một Tết, nên tuần rồi ông hội-trưởng hội học sinh ta ở Lyon viết giấy mời anh em hội lạiặng bàn việc ăn Tết.

Một năm trước, nhờ trong quỹ hội

được bốn ngàn quan do những nhà hảo-tâm ở quê nhà gởi cho, anh em có tổ chức một cuộc khiêu-vũ « không-lỡ », có mời nhiều nhà tài mải ở thành đến dự, có nhiều trò vui, có cả những bài diễn-thuyết.

Năm nay, quỹ hội trống rỗng. Nạn kinh-tế ghê hồn làm cho phần đông học-sinh ta phải sống một cách vất-vả; nhiều bữa ăn không no bụng, chúng tôi làm gì mà tổ chức được những cuộc vui long trọng. Nghe nói ở Fréjus là chỗ có nhiều binh lính Annam sẽ có múa lân, cộ đèn, ở Paris sẽ có bày nhiều cuộc lớn-lao, nhưng chúng tôi không dám nghĩ tới mấy việc ấy. Sau khi bàn tính, chúng tôi định ngày ấy lên nghĩa-địa để một bó bông tươi trên mộ mấy bạn đã từ trần và sau đó hiệp nhau đi ăn một bữa cơm xoàng.

Sau giờ học, lối 11 giờ rưỡi, chúng tôi cả thầy 15 người đi xe điện lên nghĩa-địa trên núi ở khách thành. Dưới tàn của những cây trắc-bá luôn luôn có



CUA HỌC-SANH TA Ở LYON

Kỷ-ức của LÊ-VAN-NGON

Adperpetuam rei memoriam

Đề ghi nhớ chuyện ấy đời đời

về âu-sầu, chúng tôi khứa tuyết trên mồ chung của hai bạn đã quá vãng dạng đề một bó hoa tường-vi trắng. Ngày nay, giờ này ở khắp nước ta, người người đều vui vẻ lo mừng xuân, chào xuân, rước xuân, đang lẽ tôi không nên nhắc lại những chuyện buồn thảm; nhưng viết những trang kỷ-ức này mà không nhắc nhở đến mấy bạn vì xuất-dương cầu học mà phải bỏ thân nơi đất khách sao đành.

Này, một bạn từng học tại trường bá-ngệ ở Lyon. Bạn mà một hôm nọ ông chủ hội đồng được thơ của trường cho hay rằng sau khi khắc ra nhiều máu đã vô dưỡng bệnh trong dưỡng-đường trị lao ở trên núi gần thành... Rồi ngày nào như ngày này, anh em lần lượt thay phiên nhau lên thăm viếng. Kẻ đem tới vài trái cam, người một gói kẹo. Rồi thay phiên lại càng ngày càng trầm-trọng. Nhiều lần ông chủ hội đánh điện-tín cho cha mẹ bạn biết rằng bạn đau nặng và xin gởi tiền qua chút ít dạng lo việc thuốc-men. Nhưng

giấy-thếp gởi đi thì có mà thơ trả lời thì không. Hội phải xuất tiền cho bạn mượn, khi năm chục, khi trăm quan. Buổi trưa nọ, tôi lên thăm, bạn nói chỉ nho-nhỏ tôi nghe không rõ, tôi hỏi lại, bạn nói sợ làm nhọc lòng tôi. Sau một hồi kể nài, dự-dự..., bạn tỏ cho tôi biết rằng bạn muốn ăn thịt gà. Tôi hứa trưa bữa sau sẽ đem lên. Tám giờ sáng bữa sau, đương lúc đứng chiêm miếng thịt gà trước khi đi học thì chuông reo ngoài cửa. Một người bạn đồ đen đưa cho tôi một tấm giấy... Ôi thôi! bạn đã qua đời trong đêm vừa qua.

Ông hội-chủ, báo tin cho anh em hay và cùng vài bạn lật-lật lên dưỡng-đường dạng lo việc mai-táng. Nhưng tới nơi, cả bọn lấy làm buồn-bã mà nghe rằng không thể lãnh thi-hải ra được, vì bạn còn thiếu dưỡng-đường 700 quan. Số tiền ấy trả xong mới đem bạn đi an-táng được. May thay lúc ấy quỹ hội còn được 900 quan. Lập tức, chúng tôi xuất tiền ra trả cho dưỡng-

cho cha mẹ bạn thuật việc đau ốm, chôn cất, kể những phi-tồn và cầu xin huân lại số tiền đã cho mượn. Một ngày kia ông chủ hội dạng thơ của một nhà mai-bản (compradore) trong có câu : « Em tôi không tuân lệnh cha mẹ, lên sang Pháp. Nó làm sao thì làm, chúng tôi không biết đến. Chúng tôi không thể trả lại số tiền ấy ». Hội mất tiền, nhưng hội rất vui lòng vì đã làm dạng một việc nghĩa.

Này, một bạn còn ba tháng nữa thì thi ra Y-khoa, Tân-sĩ. Cũng khắc ra màu, cũng phải năm dưỡng-đường. Bèn nhà hay tin lật-lật gởi qua một số tiền khá lớn cho bạn trở về. Nhưng về sao cho dạng ! Bệnh bạn đã tới thời-kỷ trầm-trọng. Năm tháng sau khi thổ huyết, bạn đã thành người thiên-đồ. Xin phép cha mẹ bạn, chúng tôi muốn trong nghĩa-địa một khoảnh đất làm một cái mộ bằng xi-mang, có bia khắc tên, dưới mộ có cái hầm đựng được năm quan tài. Rồi một tháng sau, chúng tôi xin phép nhà chủ-trách đem quan

tài của bạn đã mất từ trước để vào một chỗ.

...Mỗi năm, trong dịp lễ Các Thánh Nam Nữ, những người qua lại trong nghĩa-địa không khỏi lấy làm lạ khi đi ngang qua một mồ kia thấy vài người « da vàng » đang cặm-cui nhỏ cỏ, quét rong và không khỏi lấy làm lạ khi thấy trên mộ bia có hai tên khó đọc cho họ : « NGUYEN-VAN G. NGUYEN VAN M... » (Gần đây, năm 1938, trên mộ ấy có thêm một tên nữa : « NGUYEN VAN K... » cũng vì lao mà thiệt mạng).

Khi thăm mộ hai bạn xong, chúng tôi đi qua triển núi bên kia dạng ăn cơm trong tiệm mà chúng tôi kêu là « tiệm cơm chệt ». Một người Quảng-dông qua đó tìm kẻ săn nhai và đã lập thành một tiệm cơm nho-nhỏ. Ở đây với một giá dầy-nhất là nam quan, ta có thể ăn một bữa cơm đầy đủ : một tô canh mà nước lèo trong vắt chỉ lơ-thơ vài cọng bắp cải tây, một đĩa xào với... cọng bắp cải tây dầm vài miếng thịt heo hoặc thịt bò thái nhỏ, một khứa cá làm theo lối nửa tây nửa tàu, còn cơm thì tùy ý — đồ lễ nôi tùy bụng phải hơn — nghĩa là bao nhiêu cũng được.

Tôi nhớ bữa nọ cùng một bạn lên ăn cơm với giá đặc-biệt ấy. Cơm tùy ý ! Chú « còn trời » có phải đại-dột gì ! Theo chủ, một người có « mạnh ăn » đi nữa thì cũng lồi-ba bôn chén là nhiều. Nè, để bạn tôi tuy thân hình nhỏ mà sức chịu đựng (về ăn) không giứt : ng giải quán cũng đứng vào hàng anh. Tháng từng đem một bát cơm, đưa xúc một chén thì hết. Thiệt ! Phải chi nó đem bát nào

bát nấy cho mình khỏi mất công kêu. Một chén chỉ và năm miếng thì hết.

« Ê gát-song (garçon), com ! » (Bên Pháp, bồi nhà hàng kêu là gát-sông). Bát thứ sáu mới đem lại kể nghe kêu nữa : « Gát-song đem com thêm ! » Chú từng bộ mặt « bí-xí » giờ hai tay lên trời than rằng : « Trời ơi ! » (mon Dieu !).

Thật bữa ấy ăn... đáng tiền.

T i ệ m «com chệt» lập ở trên núi, rất xa thành-thị tại chỗ kêu là Saint-Just. Không phải là một việc ngẫu-nhiên. Tại đó có một e ái thành xưa kêu là «Fort Saint Irénée» chứa gần 2 trăm

học sanh Tàu. Chánh-phủ Pháp cho chánh-phủ Trung-huê mượn chỗ ấy để cho học-sanh Tàu trú ngụ. Trong đó, có phòng rộng-rãi, có chỗ tập thể thao, có thư viện. Học-sanh ăn ở khỏi trả tiền chi hết. Ngoài ra, họ còn được tặng thêm tiền túi dạng tiêu xài mỗi tháng bữa. Sớm mai và chiều họ xuống hâu-thành mà học, trưa và tối về đó ăn com và ngủ. Thật họ không hết cực khổ là sao, không biết kinh tế» là cái quái gì.

«Tiệm com chệt» nhờ học-sanh ấy mà «sống» vì ai cũng thích món ăn vật uống của quê hương nhất là khi ở xa xứ-sở.

Hôm nay cũng có bữa com đặc biệt « năm quan », nhưng nhằm ngày nguyên-đán ít ai thêm rở tới «mơ-nu» ấy. Tiệm com chệt khách, inh-sinh tiếng nói mà ta không

da porc à la mode chinoise) ! (Mấy món ăn chữ Pháp, tôi rút trong «mơ nu» của tiệm com ấy).

Ồn - ồn ào - ào, tiếng nổi tiếng cười xen lẫn nhau cho tới khi đĩa nào đĩa nấy không còn dấu vết một món ăn nào. Rồi, mỗi bao tử được thêm vào một tờ trà tàu thật

nóng đặng giúp tiêu những món khó tiêu.

Ăn xong cõ hát xuông mới vui và nếu được thêm «nhảy đầm» thì còn thú hơn nữa. Trong góc tiệm có một cái máy hát. Không biết nó ra đời năm nào mà nó còn đủ nào kim hột-xoàng (saphir), nào tòa-loa sơn



thông hiểu nên cho là «xí xô xì xào». Dẫu túi xẹp-lẹp, chúng tôi cũng rán ra mặt hào phóng vì ngày nay mà không «xài» thì eòn đời ngày nào? «Ê, gát song, đem lên : Ba đĩa lý-ngư xào cay (carpe à la sauce piquante) ! Bốn đĩa thịt bò xào măng tre (viande de boeuf sautée à la poussé de bambou) ! Ba đĩa thịt heo xào kim châm (viande porc sautée avec les fleurs d'or de chine) ! Hai đĩa sườn xào giấm (côtelette

đỏ. Phải bỏ vô hai xu nó mới chịu «chạy». Ông chủ tiệm vui vẻ đổi từ quan tiền ra xu. Hai phút sau, những bản đờn xưa reo lên lẫn với tiếng rè-rè của máy hát. Đẹp bàn lại một bên, vài bạn cao hứng đứng lên, rồi người này ôm lấy người khác mà đi theo giọng đờn, trong lúc mấy bạn kia vỗ theo nhịp. Hết đĩa hát này, thay đĩa hát khác, nhưng đừng quên «ông nhạc-trưởng hai xu» vì không ông thì

cả ban tài-tử phải dành ngậm miệng.

Cuộc vui tuy đơn-sơ mà thú-vị. Ba tiếng chuông xèn... xèn... xèn..., như tiếng phèng-la bèn từ cái đồng-hồ treo cũ-kỹ đưa ra. Chúng tôi tay thọc vào túi áo lạnh, lớp cuốc bộ, lớp lên « xe trèo núi » mà về, và trước khi chia tay không quên hẹn nhau tối ấy lại nhà anh Tồn ở đường *Remparts d'Alinay* đang « hậu-thường » cái Tết.

Anh Tồn có sự may vô-cùng là muốn được một cái phòng trống-với giá đặc-biệt là năm mươi quan mỗi tháng. Phòng ở tầng thứ sáu, tận mái nhà. Ở cao như vậy cũng có bất-tiện một chút. Sự lên xuống đã khó-khăn mà ban đêm hễ quá mười giờ thì thang lầu tối đen như mực. Lại thêm qua mùa hè thì phòng nóng hầm như ngồi bên ống bễ của chú thợ rèn, còn vào mùa đông thì lạnh như bị chôn trong tuyết nếu không đốt lửa cho ấm-áp khi trời. Mà đó là những bất-lợi nhỏ đối với sự tự-do được ở một mình như ở nhà riêng không ai dòm ngó. Anh có con mắt rất mỹ-thuật. Cái « gác » trước kia có vẻ tồi-làn, mà từ hồi về tay anh thì nó « hóa » thành một cái « ổ » ấm-ấm và lịch-sự. Với một số tiền nhỏ, anh sắm những vật tuy

không quý mà dễ coi. Ít cái ghế, một cái bàn và một cái « đi-văng » (divan) mà ban đêm làm thành giường ngủ. Bồi anh hăm mộ âm-nhạc nên bên góc có một cái *piano* mà anh mua được với giá rất rẻ. Trên vách, đây đó vài tấm ảnh lồng kính coi thật đẹp mắt. Vì cha mẹ ít dư-giả, anh phải nấu nướng lấy mà ăn. Nhưng vô phòng anh ngoài bữa ăn, đồ ai ngờ rằng anh có chiến thịt bò, kho thịt heo trong ấy. Son, nôi, chén, đĩa... như đã « biến » mất, có lẽ anh để nó dưới bàn trên có khăn phủ kín lại.

Mới bảy giờ rưỡi tối, mặc dầu trời lạnh tuyết rơi, mấy bạn đã tụ lại gần đủ mặt, người ngồi xôm trên ghế, kẻ ngồi bẹp dưới đất, trước lò sưởi trong ấy có một khúc gỗ to đương cháy đậm đà. Ai kêu ngoài cửa? Ồ, anh Thượng. Anh này mang vào một gói lớn đầy trái lặt (châtaigne) còn sống. Ủi-chà, anh này có sáng-kiến dữ be! Chúng tôi mạnh ai nấy quăng trái lặt vào lò sưởi. Lặt tươi gặp lửa nóng nổ kêu lộp-bộp. Phải chăng là pháo chào xuân! Lăn lăn mấy trái lặt đã cháy đen bị kẹp đem ra ngoài, rồi ai nấy nhai ngồm-ngồm. Vừa nuốt được vài trái thì nghe như muốn mắc nghẹn vì lặt làm rộp cả nước miếng trong mồm. Anh An bỗng reo lên: « Tôi mới được măng-đa để tôi xuống « thỉnh » vài chai rượu chất trắng ».

« Ăn trái lặt, uống rượu chất trắng » là một bữa tiệc của nhà vua! « Mà nhớ nghe, anh An, tổn hao bao nhiêu chúng ta sẽ chia đồng ra ». Nói thì nói vậy chứ nhiều anh trong túi văng

hoè một quan chẳng có. Tiếng lộp-cộp chạy xuống thang lầu! Mười phút sau, rượu chất trắng được hân-hạnh hộ-tống lật nường vào bao-từ. Từ nháp thì ngon xuất. « Này giờ ai nấy không nói chi ngồi lim-dim như nghỉ tới què-hương — mà có lẽ thăm hỏi: « Vậy chứ nó chín chưa? » (nó đây là trái lặt) — bây giờ được rượu thấm giọng, tiếng cười, tiếng nói chen nhau rang-rảng. Anh Thắng có học được ba năm piano, anh ngồi lên trỗi tài « đập » bản « *chiếc thuyền đi qua* » (*le chaland qui passe*). Tiếng đàn tuy không được mê hồn nhưng có phép làm cho ai nấy đều rần gân cổ « rống » theo. Hát rồi ăn lặt, ăn lặt rồi nhậu. Cũng có anh vừa ăn mà vừa hát chờ khỏi « mất thì giờ ». Mãn đương vui dờn hát, đồng-hồ bên cạnh bỗng đã gõ mười giờ... giờ mà đầu đầy đều phải im-lặng như tờ, nhược bằng trái phép thì phải làm quen với linh tuấn và có lẽ còn phải bị phạt vạ nữa. Mà bị phạt vạ giữa lúc « hồ bao xép ve như rệp đói » này thì thật là một sự nguy to.

Thôi đành: ai về nhà nấy cho xong!

Ấy, chúng tôi ăn Tết năm ấy như thế đó. Có lẽ quý độc-giả cho những cuộc hội-hiệp ấy là thường, không có chi thú-vị, không có chi gọi là cuộc vui đặc-biệt để thưởng xuân. Tôi xin thưa: chuyện chi cũng vậy, vui hay không là tùy ở tâm-trạng mình lúc ấy và cũng một phần lớn tùy theo hoàn-cảnh mà mình đương sống.

LE-VĂN-NGCŨ

Giá báo

Mỗi số	0 \$ 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

GIỜ HỌC TIẾNG NAM

TRƯỚC NGÀY NGHỈ TẾT

Ký-tức của PHẠM-MẠNH-PHAN

Dải đất Việt này vì một sự may-mắn hiếm có đã thoát được cảnh núi thủy sóng mầu. Nhưng ảnh hưởng của chiến tranh đã gieo rắc sự sống gay-go trong biết bao gia đình.

Nay tháng tận, năm tàn, xuân mới như đã chờ sẵn trước ngưỡng cửa mọi nhà để rồi đây đem lại vẻ tươi sáng tươi-b rưng của ngày xuân giòn-giã.

Với các bạn học thân yêu, tôi cũng sẽ hơn hớn vui mừng đón tân xuân trước cảnh đổi mới của non sông đất nước, trước vẻ xanh tươi của cây cỏ vườn mình đầy nhựa sống mà đạt ở trong khoảng thời gian sắp tới những hi vọng chứa chan cho cuộc tiến hóa của người đông chúng, mà mong có những sự gột rửa đời hứa hẹn trong đầu óc của những kẻ sống không mục đích.

Bơi tìm trong dòng tro tàn của thời gian, tôi xin kể hiển bạn đọc một kỷ niệm êm đềm về tết để cùng các bạn sống lại những giờ đẹp đẽ của những ngày niên thiếu.

Mặc dầu tôi đang lúc khi huyết phượng cường, mìn rộn trong tim, nào đâu đã phải lúc « già vui nhớ thiếu niên », mặc dầu kinh nghiệm đã dạy tôi hay việc đời là khó, tài mình là hèn, nhưng mỗi buổi xuân sang trong đầu óc tôi lại vẫn sôi nổi chứa chan những hi vọng đẹp đẽ về tương lai, những mộng đẹp mê hồn về cuộc thế phù sinh.

Tôi muốn nhớ but mực để ghi ở đây những giờ phút vô tư tự của những ngày cắp sách với những cảm giác ngây thơ trong buổi thiếu thời.

Nam ấy, cách đây đã lâu rồi, chúng tôi vừa ở lớp nam lên lớp tư trường Trung học Sarraul.

Đo là nam đầu chúng tôi được mỗi tuần học ba giờ tiếng Nam.

Hằng tuần chúng tôi vẫn khao khát được chóng tới giờ ấy không phải để được học tiếng mẹ đẻ mà để được đùa nghịch một cách tự nhiên.

Ông giáo dạy chúng tôi là một vị giải nguyên nho học uyên thâm. Trừ ông ra, các giáo sư của chúng tôi năm ấy tuy nhiên là người Pháp.

Đối với ông, chúng tôi vẫn một mực kính yêu, nhưng lắm lúc chúng tôi cũng qua tình nghịch một cách tự nhiên.

Ông vốn người Trung kỳ, nên lắm lúc đọc Pháp văn ông còn lơ lơ, nhữn, lúc ấy chúng tôi rúc rích cười cười như ra bề chế nhạo ..

Phải đâu chúng tôi đùa là người biết nghĩ? phải đâu

chúng tôi đã cố ý để tâm luyện tập quốc văn như mấy năm sau?

Giờ học tiếng Nam năm ấy đối với chúng tôi là giờ để chúng tôi cười! Nếu không thì lại là lúc chúng tôi bàn nhau về bài luận tiếng Anh mà ngày hôm sau phải nộp hoặc bài tình về kỹ hà học mà ông giáo Pháp vừa ra trong giờ trước.

Tết gần đến, chúng tôi xôn xao bàn tán. Trên sân trường, sau khi nhìn những thiếu nữ ngày thơ phất phơ trước gió để vào các lớp, anh Đàm vội bảo tôi:

— Anh hiệu nam nay ta phải có chúc từ tết về giờ học tiếng Nam.

— Phải đấy, anh Lộc tiếp theo, trước khi nghỉ tết, ta phải mừng thầy.

Một anh khác nghe đoạn cũng tán thành:

— Phan làm đi cho anh em nghe với!

Thế là trước sự thúc giục của mọi người tôi được cái hân hạnh đứng ra công đáng việc làm và đọc chúc từ trước ngày nghỉ tết!

Chiều hôm ấy, chúng tôi có vẻ rộn rã lắm. Trên sân trường, các bạn sốt sắng đều mong tôi đến. Vừa trông thấy, anh Chử, một bạn thân của chúng tôi, liền đón hỏi:

— « Compliment » đầu?

— Cho xem nào?

— Bi hiểm, vào lớp sẽ hay!

Các bạn đều cười và giằng co chiếc cặp tôi đang xách. Anh Doanh cũng đồng ý và nhất định không một ai được xem trước khi đọc.

Giờ đầu buổi chiều đó là giờ Pháp văn. Chúng tôi một bọn trên chục người hết sức giấu các bạn đồng học để giờ sau là giờ tiếng Nam các bạn phải ngạc nhiên!

Trong giờ đầu ấy, chúng tôi ngồi trong lớp chỉ trông nhau cười và ra hiệu ngầm. Ai nấy đều mong cho chóng hết để sang giờ sau.

Tiếng chuông đánh. Chúng tôi dời buồng và vội vã vào lớp.

Giờ tiếng Nam là giờ chúng tôi nói cười một cách tự nhiên vì là giờ được dùng tiếng mẹ đẻ.

Vừa vào lớp hình như các bạn đều đã rõ sẽ có đọc chúc từ, nên hết thầy đều đùa nghịch nhìn xuống chỗ tôi ngồi.

— Thưa thầy, mai nghỉ tết, thầy cho chúng con đọc chúc từ mừng thầy.

Một bạn đứng lên xin phép với vẻ mặt tươi cười hơn hớn.

Ông giáo ngạc nhiên ra hiệu ngồi im. Các bạn nhiệt thành liền mời người một câu. Tiếng ồn ào dần dần

buồng bên đầy học trò đang ngồi không vì được một giờ nghỉ. Các học trò người Pháp thấy chúng tôi nói tiếng Nam la lui đồ xô ra hiện rồi nhìn vào trong lớp một cách tò mò.

Trước sự ép nài, ông giáo của chúng tôi vốn người khiêm tốn cũng phải nhượng bộ.

Thế là từ chỗ tôi ngồi với tờ giấy cầm tay, tôi rảo bước lên gần bục chỗ ngồi của ông giáo.

Lúc đó bao mắt đều chú vào tôi và sau một hồi vỗ tay tôi trình trọng đọc :

« Thưa thầy,

Đông qua xuân lại, trước gió yến bay, mừng xuân xuân đã đến ngày, mừng tuổi trẻ sắp dang tay cùng vũ trụ.

Trước án ngọc động lòng đàn tuổi trẻ, giữa trời xuân thêm lắm vẻ nguy nga, kia trời đất, nọ cỏ hoa, trăm nghìn vẻ tía, này công kia, này nghĩa nọ, bốn bề một mối bên tâm.

Nay gặp hội ngày xuân, bốn phương cùng vui vẻ, bầu tâm can xin trình tỏ mấy giòng con ; ngắm xem con đực bao ngàn, mưa móc ấy vẫn chưa chơn chưa rửa sạch.

RÊ ! HAY ! ĐẸP !

đó là 3 cái đặc - điểm các sách của thư - xã

Alexandre de Rhodes

Trong lúc những vật-liệu về ấn-loát đều đắt mà các sách của bản-xã lại bán rẻ là cốt ý để quốc-dân ai ai cũng có thể mua được.

—*—

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho

Nhà in MAI-LINH — Hanoi

Tổng phát-hành

MỚI XUẤT BẢN

KIM - VÂN - KIỀU

Theo bản Pháp văn của ông **Nguyễn-vân-Vinh** 330 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh. Theo thời giá phải bán trên 4 \$ 00 mới có lãi mà Loại giấy thường bán có 2 \$ 00 (cước 0 \$ 54) Loại đặc biệt 7 \$ 00 (cước 0 \$ 60)

Lược-khảo Việt-Ngữ

Một bài khảo cứu có giá trị của ông **Lê-vân-Nưu** đã được giải thưởng của báo *Patrie Annamite* (ngót 100 trang). Loại thường bán có 0 \$ 50 (cước 0 \$ 32). Loại đặc biệt 4 \$ 00 (cước 0 \$ 47)

SẮP XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn

La Fontaine

Pháp văn và bản dịch của ông **NGUYỄN-VÂN-VĨNH**. Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của **MẠNH-QUỲNH** (150 trang) khổ to 17×23. Loại thường bán có 1 \$ 00 (cước 0 \$ 40). Loại đặc biệt bán có 5 \$ 00 (cước 0 \$ 54)

Nào khi mưa sa, gió tap, sương sa m lạnh lùng, thầy vẫn ra công rèn cặp cha mẹ quân công lao, tri chủ rập cho đàn hậu sinh bước lên con đường tiên hoa để to mặt với non sông, lấy lòng trong nhân thế.

Những khi canh đã hồ tàn, một mình một bóng dưng ngọn đèn xanh, mắt đã mỏi tay đã rời mà thầy vẫn ra công sửa soạn văn bài, mặc người chôn rình danh vu lụy, chi một lòng đưa đất lữ thơ ngày.

Nào khi cười, nào khi noi, nào khi bàn bạc câu văn, nỗi riêng riêng nặng tâm lòng, vui chung câu chuyện âm thầm nỗi xưa.

Tình duyên duyên tía cha con, nghĩa nặng vì nước non khôn cạn khôn mòn. Tuy là chọn học đường song kỳ thật là một cảnh gia đình hiem co, chỉ đợi ngày cửa trời mở rộng, chờ phát trong tay mà liễn bước dạt dào người sau kẻ trước. Bụi phù vân từ đó rửa sạch lòng, nơ hồ thi gia xong không dễ vương.

Ơi ! tình là thế, mà công kia là thế thế. Dầu từ sinh cũng quết đến đời vì nỗi sạch đền còn nặng, cơm áo còn nhờ ơn bác mẹ.

Một tuần vài lần ra vào « trường ốc », chúng con chu biết kinh yêu học thầy có vui lòng hoài chi.

Thưa thầy,

Những lúc đêm khuya thanh vắng, chúng con ngắm trước suy sau thì còn ý dưng ấy lại làm cho chúng con như bàng hoàng tức dạ, chỉ muốn sao cho bao đáp ơn sâu hay gặp dịp nào để tỏ tình luyến ái.

Nay gió xuân hây hây, cảnh vật tươi nỏ, khách lễ thư ruổi giòng về cô quận, đàn thơ ngày mong trình tỏ nỗi hàn huyên, chúng con xin chúc thầy tươi như hoa xuân đang độ hưởng phú quý lâu dài mãi mãi »

Tôi vừa đọc dứt, tiếng vỗ tay của các bạn nổi ran cả lớp. Các học sinh Pháp đứng ngoài hiên nghe tôi đọc chẳng hiểu chi cũng tươi cười tỏ vẻ hoan nịnh.

Ông giáo chúng tôi nhường như cảm động trước ngày nghỉ tết trước cử chỉ khải ái của toàn lớp liền đứng ra giữa lớp cảm ơn chúng tôi và chúc lại chúng tôi.

Lúc đó tôi tưởng tượng như không phải đang sống trong đất nước mà đang ở trong một trường học nào bên Pháp.

Với các bạn người Âu, tôi nhường như muốn bảo họ:

— Đây các anh trông chừng rồi Nam chúng tôi trước ngày nghỉ tết còn biết mến yêu ông thầy h... »

Cái cảm tưởng ấy tôi còn nhớ rõ rệt lúc viết mấy giòng này. Bài chúc từ tôi làm hồi đó lẽ dĩ nhiên tôi cho là hay lắm. Và ngày nay trích trong trang nhật ký đêm hiến ban đọc, các bạn cùng tôi sao khỏi mỉm cười cho những lời đả hạ hoa mỹ ấy !

Nhắc lại những ngày qua, ôn lại những kỷ niệm x... xãm đa chìm đắm trong vực thẳm của thời gian tôi không khỏi rung mình nghĩ tới những trách nhiệm trên vai mà tiếc những giờ phút này !

PHẠM-MẠNH-PHÂN

NGÀY TẾT ẲN YẾN

*Kính tặng hương-hồn chị tôi
Ký-ức của TIỀN-ĐÀM*



Ấm ấy, tôi 12 tuổi, trong các bạn chơi với tôi có anh Khanh cũng trạc tuổi tôi, nhưng anh là con quan Tổng-đốc, nên đi đâu cũng vẫn còn vú-em đi theo.

Ngày ngày chúng tôi rủ nhau sang Vọng-cung chạy chơi, cưỡi lên những con rồng ở sân hay là ra ven bờ hồ bán-nguyệt ném đá xuống nước.

-Chơi mãi cũng chán, một hôm, gần tết — tôi nhớ là ngày tết ông Táo — anh Khanh rủ tôi vào « đình » chơi tôi vui chân theo vào, anh đưa tôi ra xem công-đường. Một gian nhà rộng như đình, ở trong bày la-liệt các đồ lễ-bộ, lại thêm ở giữa một cái ghế bành to có lót da hổ, tôi sợ lắm! Anh Khanh vội khoe: « Đây là ghế của thầy tao ngồi làm việc ». Tôi cũng biết vậy, nhưng không dám đến gần.

Lúc ấy vào buổi trưa, nhà anh có cỗ, anh rủ luôn tôi ở đấy ăn cơm, tôi đã toan từ chối vì sợ về nhà phải đòn. Nhưng, sau khi anh đưa tôi vào nhà khách, trông thấy ngồn-ngộn trên bàn, nào giò, chả, đồ nấu, các món ăn ê-hề, phần thêm bụng đói, tôi quên ngay đến sự ra về.

Thế là vú-em lấy bát; chúng tôi cùng ngồi ăn với một bả cụ nghiêm-trang nhưng hiền-hậu.

Trước tôi còn thẹn, không dám với đĩa xa; anh Khanh — ra dáng thông-thạo — lấy thìa múc cho tôi một thứ nước, trông như cháo mà không phải cháo. Tôi hỏi:

— Cái gì thế?

— Yến đấy, ngon lắm, mày ăn mà xem!

Tôi thấy nói ngon là ăn, nhưng lần đầu tiên, ăn chỉ thấy nó « sộn sạo », chả có vị gì, nhưng cũng nể bạn, phải khen là ngon.

Rồi anh Khanh kể cho tôi nghe yến ấy thầy anh — quan Tổng-đốc — mua từ kinh-dô xa lắm mang ra, quý lắm, chỉ để nhà vua dùng thôi, người hường dân ai có mà dùng. Tôi lấy làm phục nh về sự biết rộng hơn tôi, nên chỉ ngoan-ngoãn, gồi nghe, nhưng không quên tự mình múc đón hai ba thìa nữa.

Đến mùng một tết, anh Khanh mặc áo mới chơi với tôi, rồi lán-la ở mãi đến gần trưa. Khi thấy bạn cũng đói, rủ anh ở lại ăn, nhưng

anh hỏi ngay một câu làm tôi sững-sốt và bối-rối.

— Máo ơi! nhà mày có yến không?

Tôi hơi lúng-túng, nhưng vội chần lỉnh lại, giả nhời ngay:

— Có, chị tao đang nấu.

—Ừ, nếu có yến thì tao mới ăn.

Tôi vội chạy vào nhà bếp tìm chị tôi. Chị tôi đang làm cỗ cúng, thấy bộ tôi hốt hải, vội hỏi:

— Máo, mày không ở trên nhà chơi với thằng Khanh, rủ nó ở bên này ăn cơm cho vui!

— Thưa chị, Khanh nó đòi ăn yến mà ở nhà ta làm gì có!

— Được, em cứ lên chị sẽ nấu yến mang lên cho...

Tôi sung-sướng quá, vội chạy lên khoe ngay rằng chị tôi đang nấu yến.

Rồi, chúng tôi ngồi vào mâm, Khanh cùng ăn với tôi. Một lúc sau, chị tôi bưng lên hai chén nhỏ cũng đựng một thứ cháo và bảo chúng tôi: « Yến đây, các em ăn đi!»

Khanh tiếp lấy chén, lấy thìa múc ăn. Sau khi ăn một thìa, anh hỏi ngay tôi,

— Máo ơi! yến của nhà mày nấu khác bên nhà tao, vì nó to hơn, mày à!

Tôi cũng thấy yến của chị tôi khác nhà Khanh thật. Nhưng vội nói ngay:

— A! Yến nhà tao, thầy tao mua ở bên Tàu, nên to hơn.

Khanh lấy làm thích lắm, ăn hết chén của mình và còn ra dáng thèm thuồng.

Chúng tôi chơi mãi đến chiều, sau khi đã đốt hết mấy chục cái pháo vừa pháo dùng, vừa pháo con chuột vút xuống rãnh nước, Khanh mới về.

Chập tối trước khi ngồi ăn cơm, tôi vội hỏi chị tôi:

— Chị à, thằng Khanh thích ăn yến của chị lắm chị mua đâu mà những miếng yến to thế? Em bảo nó là thầy mua bên Tàu.

Chị tôi phì cười, vội trở miếng bì lợn ở trong đĩa đồ ăn mà bảo:

— Yến à... tao nấu bằng bì lợn đấy, nhưng mày chớ nói cho thằng Khanh biết, nó cười mày đấy!

Ngày nay, mỗi khi tôi đi ăn cơm khách, thấy trong thực-dơn có ghi « nhất phẩm quan yến » hay « yến Quảng-nam » hay « nids de salanganes » thì tôi lại liên tưởng đến món yến của chị tôi, không biết tôi sẽ được ăn yến thật hay lại món yến « mua ở bên Tàu » mà tôi đã đãi bạn khi trước!

TIỀN - ĐÀM

XUÂN về, đem ngọn bút tiên cùng muôn màu-sắc tuyệt trần tô lại cho tấm tranh vũ-trụ thêm linh-dộng hơn, tươi sáng hơn.

• Xuân về, với đủ mọi vẻ đẹp vô cùng huyền - bí, với tất cả những tính - cách màu - nhiệm, những hiện-tượng thiêng-liêng...

Xuân về, lệ nấp bên chòm lá xanh rờn, giữa lòng hoa bé nhỏ. Xin đừng thổi mạnh; hãy rón-rén lệ-làng, cho hồn say trong cảnh, cho tứ lắng trong xuân.

Sương đông đêm trước rơi buông, còn mong - manh u-ẩn như màn tang, hãy để lặng ánh xuân từ-từ rũ bỏ. Rồi vườn được lóng - lánh rọi muôn quang-mang. Trên lá cành, trên mầm-lộc, lớp móc-mưa đã khéo-léo tờ nạm ngọc-châu. Đừng làm tan vỡ. Và cũng xin đừng làm tran - hòa giọt sương trong đọng trên hoa : đấy, giọt lệ thấm rung-rinh nơi khóe mắt « vọng-phu », lặng-lờ giây-phút đợi tin xuân. Hãy để nguyên cho ánh-xuân về sẽ uống cạn, thấm lau đi...

Xuân về, hớp-hử và rón-ràng trên bông cúc trắng, trên cánh hoa đào, trong lời chim họa, trong nhạc nêu rung.

Gió nổi lên đi, và vin trĩu ngọn-ngành, cho cây làm mưa lại trận mưa đêm, để đòi nơi ánh xuân trôi lênh-láng. Lay động thêm hoa, cho sắc ngập đầy đường, rực-rỡ khoe tươi, thì thấm với câu đối hồng-diêu, với cánh pháo màu sen. Pháo đốt nhiều đi, cho khói thuốc xanh thơm lưu luyến quện hơi xuân. Và nở ran lên, liền-tiếp, cho tiếng vọng phương xa, để tứ xứ gọi, thưa nhau, ,

Xuân về, và thiên-hạ lại đua nhau hết lời ca-tụng vẻ đẹp của Xuân.

XUÂN TÚ

CÂY THUNG

Xuân về, người ta đón-tiếp Xuân bằng tất cả những sự thăm-kín lặng-yên; người ta chào mừng Xuân bằng hết thảy sự tập-nập rộn-ràng trong mọi cảnh huy-hoàng rực- rỡ.

Người ta dè-dặt; người ta vội vàng... cho rằng xuân đi, rồi đi mất; đã đi, xuân có trở lại bao giờ?

Nhưng, đã biết bao nhiêu lần, xuân đi xuân lại trở về, tuần-hoàn sau một hạn-định của một khoảng thời-gian. Và, đã bao lần, vẫn cái xuân ấy hiện về, mà chỉ thấy xuân vẫn bấy nhiêu dấu-vết, kỷ-dài của Lịch-sử, sừng-sững thản-nhiên giữ một tấm hồn anh-linh bất-diệt.

Đây, một đoạn thành-trị từ ngàn xưa xây dựng, vẫn hiên-ngang giữa chốn phồn-hoa đô-thị; đây, một mái rêu xanh ẩn-hiện dưới hàng lọng cây cần-cối, giữa nơi ư-tịch ảo-huyền... Một hòn gạch, một viên ngói, một gốc cây, một đợt sóng, một hàng chữ, một tấm bia, những di-tích của Lịch-sử, đã bao phen đầu-giải nắng mưa, hàng thi gan cùng tuế-nguyệt, mặc sức phả-hoại của loài người.

Thêm một lần xuân về, hết thảy thêm bao phủ một màu tôn-nghiêm cổ-kính.

Ánh xuân về, đi từ những đường xây đơn-sơ mà vững-mạnh, lách tới tận những nét chạm-trổ tinh-tế và kín-đáo. Ánh xuân rọi chiếu một cách mơ hồ như có ý làm hiện lên hình - ảnh của bao đấng vĩ - nhân, dấng-sĩ, bao

bậc danh-thần, lương-tướng của thời xưa.

Dưới ánh xuân, trên những đường xây nét đắp, lần-lượt lộ ra bao nhiêu trang lịch-sử gần đây-đủ, bao thời suy-vong, bao thời oanh-liệt. Và khách du-xuân hẳn phải định thần lại mà tìm câu trả lời nếu ánh xuân về biêt hỏi: hậu-sinh vẫn ché ông cha xưa què - nua hủ-lậu, vậy hậu-sinh van-minh tân-tiến ở chỗ nào? hay đại đa-số chỉ là một đám ngu-ngiờ?

Xuân về, không quyến-rũ ta, cho ta bê - tha mãi-miêu trong những cuộc vui chơi vô độ, mua lãng quên cái nhiệm-vụ của ta đi. Nhưng...

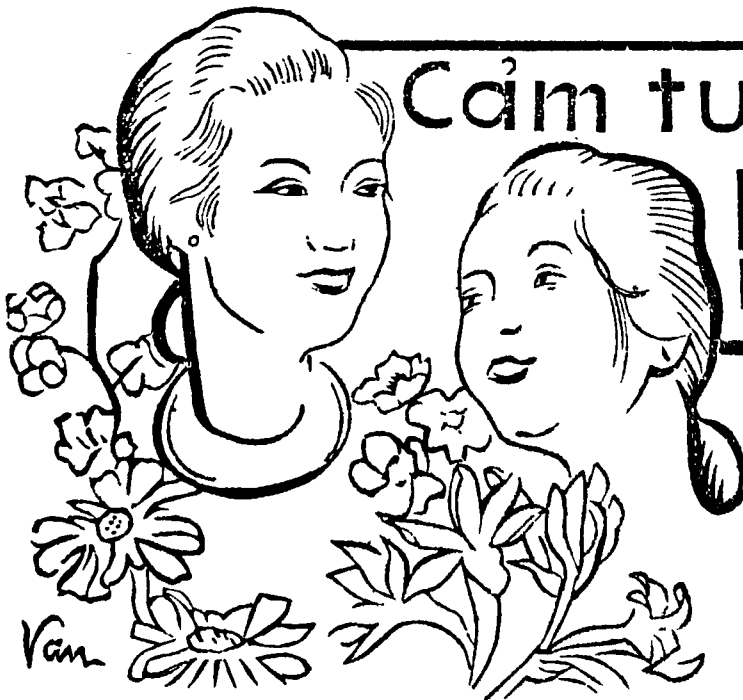
Nhưng, chính xuân về báo cho biết một năm trời đã hết và, như vậy, đời người đã rút ngắn mất đi một năm.

Trong thế - gian này, còn cái gì tránh khỏi định-luật « vô thường » của Phật-học? Và, đa là nhân-loại, ai người không phải qua những thời-kỳ « sinh, lão, bệnh, tử »? Trong khi ngày tháng tuần-lự trôi đi để đưa đón mùa Xuân tuần-hoàn trở lại, thì đồng thời các tế - bào, các cơ-quan của hình-hải ta vẫn luôn - luôn chăm-chỉ làm việc để cho thân-thể và tinh-thần ta ngày một cân-cối tàn-tạ thêm đi.

Vậy, xuân về là gây cho ta một niên-số cao lên, và mỗi bận xuân về, tức thêm một hạn cho ta phải giãi mình sức nhô hoặc đã tới tuổi trưởng-thành hoặc đã sang tuổi lão-dại.

Xuân về, xuân đi, nhưng xuân còn trở lại, duy có tuổi của người ta, đã qua đi, lấy lại được bao giờ!

CÂY THUNG



Cảm tưởng của phụ-nữ với ngày xuân

của bà MỘNG-SƠN

khi biết
đ ở i
ngườ i
q u á
ngắn,
ta nên
coi sinh,

hột lại mọc lên cây khác xanh-tươi
nhiều.

Trước khi trình-bày những cảm-tưởng của phụ-nữ với ngày xuân, tôi cần phải nói rằng trong xã-hội khối phụ-nữ không là một: có người ở những tầng-lớp trên, lại có người ở những tầng-lớp dưới.

Hôm nay, đưa những ý-nghĩ của tôi ra mà đón xuân sang, tôi mong phát-thanh được rõ tiếng lòng của phụ-nữ ở những tầng-lớp dưới.

Với những thiếu-nữ ngày-thơ, hơn một lần, tôi đã nghe thốt ra câu nào-nùng này: « soi gương mà thẹn với mình trong gương. Má đã kém hồng, ôi, một năm nữa lại tàn rồi! »

Với tôi, không những tôi đã không tiếc xuân, không sợ cái mau thoáng qua, mà còn cho xuân đi là một dĩ-nhiên của luật thời-gian.

Mới ngày nào là xuân mà nay xuân đã qua, hạ, thu, đông lần-lượt, một năm trời chóng quá và một đời người chóng quá!

Nhưng có gì lạ đâu. Đời hoa sáng rồi tàn và đời người sớm ở trưa rồi chiều. Chẳng khác gì nhau. Miễn rằng,

tử là thương. Xuân năm nay qua nhưng xuân sang năm sẽ lại. Lòng xuân ta năm nay đương nhớn lên và trẻ ra để quên những nỗi thương-xót của một xuân đã tàn.

Ngoại-cảnh của vũ-trụ cũng không khác gì nội-cảnh của con tâm. Những lá vàng năm ngoái rụng đi cho một lớp lá non nảy lộc và những rễ cây lớn lên, ăn sâu xuống đất để bóp hết nhựa dưng lên mọi lá, mọi cành. Chim mẹ sù cánh, mất mớ măng tằm trong kỹ-ức những cái gì ở cõi xa-xăm như tiếc xuân vô-hạn, nhưng khi dương đôi cánh đã có một đàn chim con bay lên ca đón ánh thiên-quang.

Vậy thì trẻ có ý sửa-soạn đề lớn lên, lớn lên để già đi, và già đi để chết; cũng như trái cây trên cành từ lúc xanh tới khi chín là tiến-hoá và lúc đã chín ửng là dự-bị để rụng. Nhưng chẳng có chi đáng buồn. Người ta chết đi đã có các thế-hệ con cháu tiếp-tục huyết-thống của mình, mà trái cây rụng xuống đã có

Hỡi các bạn gái đáng yêu của ta ơi! Thưa các bạn, năm tàn là một dĩ-nhiên mà xuân sang cũng lại là một dĩ-nhiên. Đến ngay cuộc tiến-hoá của xã-hội cũng vẫn là một dĩ-nhiên nữa. Nhìn lại cuộc phát-triển của kỹ-thuật trong mấy chục năm gần đây, có người rất hải-hùng vì tạo-công hầu như không phát-triển nữa mà loài người thì cứ đi tới hoài.

Theo tôi, vẫn không có gì lạ. Vì lấy mặt thống-quan mà nhìn suốt xã-hội thì thấy sự phát-triển có hai thể: khi bước chậm, khi nhảy mau.

Bước chậm là tiến-hoá mà nhảy mau là vượt bậc của tiến-hoá. Vũ-trụ phải có lúc đi lần-lần và có lúc thay-đổi hẳn.

Thế thì xuân trước bỏ ta mà đi không chắc đã bỏ hẳn; xuân trước chỉ đi vào quá-khứ. Dầu quá-khứ là tro tàn nhưng, lần theo bóng cũ vết xưa, ta phải nhận quá-khứ bước vào sự thực. Phải, cần-cứ vào lịch-sử, duy qua khứ là toàn sự-thực thôi. Mỗi khi ngọn trào lòng ta lên-lên xuống-xuống thì ta thấy hiện-tại còn đây và tương-lai chưa đến!

Bóng quá-khứ tuy mờ-mờ,

nhưng quả-khứ đã cho ta một kinh-nghiệm :

« Đời không có gì vĩnh viễn.
« Chỉ có biến-cổ là vĩnh-viễn
« và chỉ có luật biện-chứng là
« thường-trụ ».

Xuân năm ngoái chỉ còn là một bóng, nhưng bóng ấy đã vương lại cho chúng ta ít hương bay tán-mạn ở bốn trời và quện lấy những hương ngào-ngạt của xuân nay.

Làm sao chúng ta lại lo xuân chóng tàn và đời chóng hết ? Chúng ta biết lấy gì mà đo được thời gian ? Biết lấy gì ?.....

Thời-gian không đo bằng máy móc của đồng-hồ.

Thời - gian không đo bằng

sự tiến-hóa của các vì tinh-tử.

Thời-gian cũng không đo bằng tháng lùn năm tàn.

Thời - gian chỉ nên đo bằng cảm-giác của chúng ta thôi. Ví-dụ : chúng ta sống trăm tuổi, trải qua trăm mùa xuân tươi đẹp nhưng chúng ta chỉ ăn ngủ suốt ngày, soi gương đánh phan suốt ngày thì đời chúng ta có dài lâu và có nghĩa gì đâu !

Song, trái lại, nếu chúng ta chỉ sống ba mươi tuổi nhưng từ hai mươi trở đi, mỗi ngày ta làm việc gặp nghìn người khác, thành công hàng trăm việc ở đời thì mỗi phút sống của chúng ta mãnh - liệt biết chừng nào ! Trong cảm giác chúng ta thấy

mỗi phút sống ấy có thể so được với một năm của người ăn không ngồi rồi và một đời ba mươi nam, chỉ sống mạnh-liệt trong mười năm có thể dài bằng năm triệu hai trăm nam mươi sau nghìn nghìn nam.

Như vậy nguồn xuân-sắc của chúng ta giàu vô hạn và chúng ta đi nhanh vô - cùng, nhanh chẳng kém gì ánh-sáng của mặt trời. Chúng ta trở nên như người sống lâu đã vượt được luật thời-gian, sống lâu hơn cả vũ-trụ.

Koi hoa xuân nở mãi trong linh-hồn và lòng xuân ở mãi cõi nhân-gian.

MỘNG-SƠN

MỘT CUỘC THI RẤT LÝ-THÚ TRONG NGÀY XUÂN

Như các bạn đã thấy, trong tám phụ bản số xuân Tri Tân 1943 (Qui mùng) này có một bên thi, một bên họa. Đề làm câu chuyện mua vui trong dịp tân xuân, Tri Tân xin nhờ các bạn diễn âm và dịch nghĩa giùm bài thơ ấy.

THỀ - LỆ

I) Dịch bài thơ vịnh cúc bằng chữ hán ấy ra quốc-âm, tùy ý chọn lấy một trong hai thể thơ này :

a) Thể thơ bốn câu (mỗi câu bảy chữ) ba vần, giữ theo niêm luật.

b) Thể thơ lục bát, không được nhiều quá sáu câu.

H) Ngoài những hình-thức thơ phải theo ấy, dịch-giã lại phải giữ cho đúng nghĩa và tinh-thần của nguyên-văn, không được thêm vào hoặc bớt đi nhiều ý, « phản » hản tác-giã.

III) Quyền nào đủ những điều kiện này thì trúng cách :

a) Dịch âm đúng.

b) Dịch ra thơ nôm hoặc lục bát mà đúng nghĩa và có nghệ-thuật.

GIẢI THƯỞNG

Ý nghĩa cuộc thi này là cốt để mua vui về mặt văn-tự và tỏ tình liên-lạc giữa độc-giã với Tri-Tân, nên giải-thưởng chỉ gọi là đề biếu-thị cái thăm-ý kính tạ bạn văn một chút.

Giải nhất : một năm báo Tri-Tân

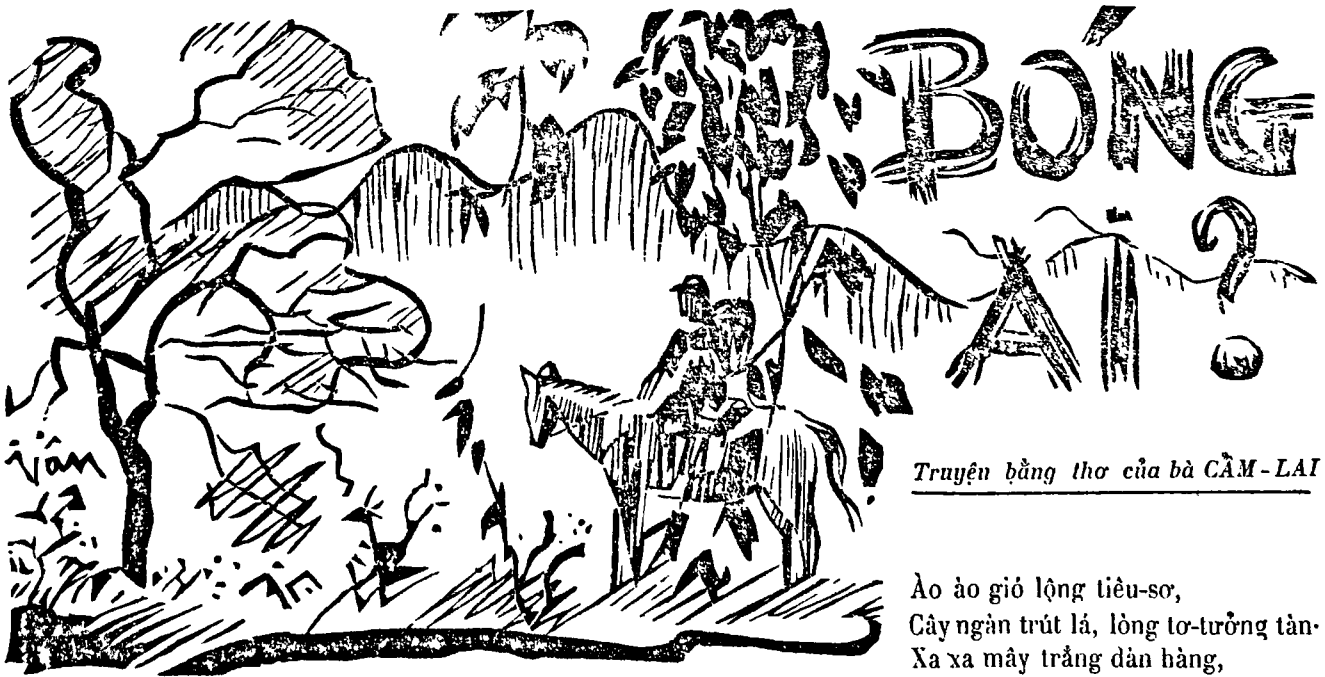
Giải nhì : nửa năm báo T. T.

Giải ba : ba tháng báo T. T.

Bài dự thi, xin bỏ kín vào phong bì, ngoài đề « dự cuộc dịch thơ » rồi gửi đến cho ông chủ-nhiệm T. T. số 195 Hàng Bông, Hà-nội.

Hạn gửi bài kể từ nay đến 28 Février 1943 là hết. Sau khi chấm xong, đến hết tháng Mars 1943 thì tuyên bố kết quả.

TRI - TÂN



Truyện bằng thơ của bà CẨM-LAI

Ngang trời gió trở sang đông,
Lá rơi xào-xạc, cảnh hồng xác-xơ ;
Rừng mai sương phủ hững-hờ,
Đèo xa thông vút, lơ-mờ bóng ai...
Dừng cương ngựa, nghỉ dặm dài,
Xuống yên, rũ nếp áo ngoài phong-sương.

Giờ đây trút lớp bụi đường,
Nhưng không trút nổi tình thương
bên lòng !

Giang-hồ nặng nợ non sông,
Ra đi ngang-dọc vẫy-vùng tài trai...
Đề riêng ai mỗi hạn dài,
Bên sông đưa tiễn bao lời lâm-ly.
Biệt-ly lệ ướt đôi mi,
Mặt đầm giọt ngọc, chân đi ngại-ngùng.

Chung tình lòng hẹn với lòng,
Kể đi, người ở: chữ « đồng » mãi
ghi.

Rừng mai ba lượt dòng đi,
Rừng mai trắng xóa ngày về đợi
nhau...

Nhịp-nhàng vó ngựa sang cầu,
Nước trôi lặng-lẽ nhuộm màu tâm-
tang !

Xa rồi ngựa ruổi dặm tràng !

Xa rồi khuất bóng trường-giang
mịt-mù !

Kể về lòng những âm-u,
Kể đi nào biết nghìn thu lở-làng...

Bà lần cúc tạ, thu tàn,
Ba lần mai trắng xóa tràn sơn-khê !
Giang-hồ rung-động hồn quê,
Nhớ lời ước-hẹn ngày về đông nay.
Nhẹ bàn tay, lỏng cương giây,
Ngựa đi nhịp một, lòng ngáy-ngất
lòng.

Mơ-màng tưởng chén rượu nồng,
Tay nâng yêu-diệu mà lòng thêm
say !

Vẫn thanh đôi nét ngài mày,
Vẫn trong đôi mắt thơ-ngây dịu-
dàng,

Dưới hoa uyên-chuyên nhịp-nhàng,
Áo xanh phơ-phất theo làn gió may ;
Vóc ngà nhẹ tựa thân cây,
Mắt دام nhìn chốn chân mây đợi
chàng.

Lòng hoang-mang, tứ hoang-mang,
Vẫy tay cười nụ với nàng trong
mơ.

Ào ào gió lộng tiêu-sơ,
Cây ngàn trút lá, lòng tơ-tưởng tàn-
Xa xa mây trắng dần hàng,
Sương mờ đỉnh núi, khói lan ngọn
đồi.

« Hỡi người ở nẻo xa xôi,
Đừng trông đợi nữa, ngựa tôi đã
về !

Lời vang trong gió có nghe ?
Tinh vương trong gió, có hề biết
không ?

Lòng ơi yên-tĩnh hỡi lòng !
Xòn-xao chi nữa, thôn Hồng xa đâu.
Này đây xanh ngắt ngàn dâu,
Này đây nội cỏ một màu xanh tươi,
Này đây muôn đóa hoa cười,
Này đây rạng liễu đứng ngời năm
xưa...

Ô kia ! mai trắng đầy-đưa,
Mà sao vắng bóng người mơ dịu-
dàng !

Cớ sao vườn cũ hoang tàn,
Lối đi cỏ ngập, rêu lan sân ngoài ?
Nhà sao vắng-vẻ bóng người,
Giấy đàn lỏng phím đầu người áo
xanh ? »

Trở-trêu gió đầy đưa mảnh,
Rõ-ràng, còn ngỡ rằng mình chiếm-
bao...

Vườn sau, chậm-chạp bước vào

Tuổi già đọc rõ trên chiều lưng cong,
Tóc râm đồi lóp trắng bông,
Mắt mờ mờ nữa khiến lòng thêm
thương.
Thấy người, khách đã vội vàng
Lại gần thăm viếng chào mừng hồi-
han.

Đầu xanh, tóc bạc kề gần,
Tí-tê câu chuyện giải phân gót đầu :
— Rập ranh bắt sẽ từ lâu,
Có người hào-phú cổ cầu kết duyên,
Đã từ lâu kén rề hiền,
Những mong con trẻ được yên
cuộc đời.

Ngày đêm khuyên dỗ chẳng rời,
Lòng con dần cũng siêu lời từ-vì.
Kiệu hoa, rục-rỡ cầm-y,
Nó ngoan-nguẩn bước ra đi theo
chồng.

Mắt già với-với theo trông,
Thời từ nay vắng chim hồng còn chi !
Tuổi già sức cũng suy-vì,
Sớm hôm nuôi dưỡng thường-thì
nhờ con.

Một hôm kia, một hoàng hôn,
Nó về vườn cũ, mắt buồn trông
mây :

« Xa xa về cuối phương này,
Mẹ ơi ! con thấy lá cây rụng dần ! »
Nói xong, nó vội dời chân,
Già ra đứng cửa lẩn-ngần trông
theo...

Lạnh rồi mây trở gió heo,
Hoa mai lác-dác nhẹ gieo sân ngoài.

Nàng đi, ôi, có lẽ nào,
Nàng đi để lại biết bao bẽ-bàng !
Thề xưa đã lỗi đá vàng,
Tình xưa nữ đề lỡ-lãng cho ai ?
Ngày về ôm giấc mộng dài,
Mộng đã tan biến, dấu lời ái-ân ?
Giờ trông mai rụng đầy sân,
Vườn lòng hoa cũng rụng dần còn
dâu !
Khóc duyên suốt lệ tình sâu,
Tơ duyên thời đã nhuộm màu
phân-ly !

Xuân về, hương ngập lối đi,
Xuân về, hoa thắm, cỏ ri-ri xanh.

Nhựa xuân tràn ứa trên cành,
Lòng xuân tràn cả trong mình
chàng trai.

Tránh xa đi, nỗi ai-hoài,
Cho tan u-hận trong người nam-nhi.
Nhắc làm chi, nhớ làm chi,
Thằng mau yên ngựa, ra đi phương
trời !

Làm trai ngang dọc với đời,
Tu-mi há để phí thời xuân xanh ?
Mau lên, chim hót đầy cành !
Mau lên, ngựa hí giục mình bước ra !

Nẻo xa dưới rặng liễu xa,
Bóng ai thấp-thoảng như là bóng ai..
Mơ hay tỉnh, thật hay sai ?
Rõ-ràng-hình-dáng con người ái-ân !
Lại gần cho tỏ giả, chân.

Người đã phủ-phục ăn cần kêu-van :
— Dám xin xét thấu nỗi oan,
Bể duyên đâu phải tự bàn tay ta.
Sớm khuya có một mẹ già,

Nặng vì chữ hiếu mà ra phụ-phàng !
Thời thời, muốn lay xin chàng
Rộng tha tội thiếp tiếng mang hạc
tình.

Phòng khuê nếu thấu nỗi mình ;
Chân loan gối phượng cũng hình
chồng gái
Ngày ngày mắt ngăm phương trời,
Cầu xin trong mộng một lời khoan-
dung.

Hỡi ơi ! một khách anh-hùng
Mà em lỡ sợi tơ hồng Trần-Châu !

— Quên đi em, mối tình đầu !
Nhắc chi em, nỗi thăm-sầu ái-ân !
Xoa nhòa đi ! mộng tuổi xuân,
Đề lòng quên lãng mờ dần vết
thương.

Tình xưa, đã lỡ yêu đương
Nhưng còn duyên mới thắm hương
mặn-mừng ;

Giữ cho trọn đạo vợ chồng,
Mong em sung sướng, ây lòng anh
vui,

Về đi em, gió lên rồi !
Về đi, đừng ngóng phương trời
bóng ai !

BÀ CÀM-LAI

Vẻ đẹp xưa

(Tiếp theo trang 17)

Một giáo-sư thường bảo : « Anh phải mau mau mà diễn-tả những cảnh nhà, lối đi ở thôn-quê anh kéo chẳng bao lâu những nhà mới sẽ tràn-lan khắp xứ. Anh sẽ thất vọng khi muốn kiếm được một nhà với lối kiến-trúc đẹp xưa. Đến những phong-cảnh cũng sẽ thay dần. Anh sẽ thấy họ phá đi vì sự tiện lợi về sinh hoạt hay giao-thông trong nước. Cây-cối, rừng núi sẽ bị chặt phá để mở đường cho những việc cần-thiết khác . . . » Những lời đó khiến ta ngẫm nghĩ. Dù không ác cảm với sự tiến-bộ, ta vẫn có quyền tham tiếc một chút hương vừa bay đi. Chắc chẳng bao giờ, ta lịch kỷ chỉ cốt tìm cái đẹp mà chẳng nghĩ tới công việc lịch lợi về xã-hội. Nhưng ta vẫn phân-vân nghĩ rằng nghệ-thuật không biết có thể đi giống đời được với khoa-học và văn-minh không ?

NGUYỄN-VĂN-TY

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

QUYỀN THƯ I : 1 \$ 20 — QUYỀN THƯ II ; 1 \$ 50

Đã xuất - bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị hợp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bìa cũ rất công phu. Sách in cực đẹp.



**Xuân Kỷ-dậu, 1789, chiến-sĩ Việt nam
đại thắng quân Thanh**

I
Đương đêm giá, rồi vai tề
 khíng cang,
Gọi mưa phùn, tráng-sĩ chột
 dừng chân :
Xóm hương hoa, gọi đáp pháo
 đầu xuân ;
Nân dao chiến, xua tình quê
 lãng vãng.
Đêm dày đặc và đường xa đặc,
Lợi sông ngòi không thốt tiếng
 kêu ca !
Chung gian lao Vua lẫn đám
 can-qua,
Ở chiến-thắng trong mắt thần
 sáng quắc.

II
— Không có nhẽ Bắc-bình ra
 đuôi giặc. —
Đặt chén trà năm mới buổi
 tình sương,
Các bó già ngồi nhâm tnh
 ngày đường ...
Vang tiếng súng Ngọc-hồi, xuân
 biển sắc.
Vua anh-vũ trên bành voi,
 dữ-dội,

Trở đồn Thanh truyền lệnh tiến
 hai quân. (1)
Phất cờ Tư-mã Sĩ, Nội-hầu Lân,
Xống lên trước, mũ anh-hùng
 đỏ ối.
Trong sương sớm, hàng ván
 rom thấp-thoảng,
Tiến sang đồn, xua lớp đạn
 bảy mau.
Bốn trăm quân kiêu-dũng bước
 theo sau,
Tay gân-guốc, lưng gài dao
 sáng loáng.
Quăng ván ghép, lên đồn như
 nước vỡ,
Rút đoản-đao, tráng-sĩ lập đầu
 công.
Thúc ti-hưu, Vua thét tiếng
 chuông đồng,
Phơi thân ngọc trong cơn dòng
 đạn lửa.

III
Tôn Tông-dốc đêm khuya nghe
 cấp báo,
Hỏi: quân đâu ? đất hiện hay
 trời sa ?
Ngoài ô vừa rúc rợn tiếng
 tù-và ...

Vó ngựa gấp, doanh Bồ-đề
 nhốn-nhao ...
— Hà-hồi mất ! Đồn Ngọc-hồi
 đã bỏ !
— Sầm Điền-châu tuần-tiết với
 tàn-binh !
— Quán Nam hô bốn mặt phục
 Long-kinh —
Tiếng súng hoạ âm âm như
 núi đổ.
Lũ Nam-tặc ! ... Đồng-nhung
 thần lạnh toát,
Lui buồng hoa lay mảy gĩa
 thân-tùỵ.
Mặc toàn-quân, ẩn kiếm với
 nhung-y,
Lên lưng ngựa, ra roi tìm lối
 thoát.
Ôi Sĩ-Nghị ! Ôi Ngọc-hồi ! đầm
 Mặc !
Ôi Nhị-hà ! Thấy rượu thịt
 chan-chan !
Một sớm xuân xó cả mộng
 rồng càn !
Gò xương tũn chôn thêm danh
 tướng Bắc !
Danh tướng Bắc ! Ôi bóng mây
 bão cuốn ! ...
Vua tói Thanh ngo-ngác khiếp-
 kinh uy !
Khởi vãng tanh trăm dặm tị
 biên-thùy,
Dân thượng-quốc bẽ-bồng nhau
 chạy trốn !

IV
Mồng năm ấy, trưa diêm tó
 như hội,
Gột tanh hói, thành cổ đón
 anh-hùng.
Trên bành voi, Chân-chủ ngự
 oai-phong,
Áo chiến đỏ sa-trường pha sắc
 tối.
Đoàn cứu-quốc theo Vua vào
 đất để,
Nét võ vàng nhưng mắt dững
 tía sao.
Trên kỳ-dài cờ nước lại bay
 chào,
Cung-diện thánh dậy lời ca
 chiến-sĩ.

NGUYỄN HUY-TUƠNG

(trích trong tập Nhất diêm linh đài)

1) Tiên quân và Trung quân.

Sớm nay xuân-ý đượm non
sông:
Hạt móc, đêm qua tơ nhện lỏng,
Từng chuỗi, rung-rinh muôn
ngọc trắng,
Long-lanh khỏi sắc một vườn
hồng.

Lầu trang xuân-nữ cuốn rèm
châu,
Hôn-hở trông xuân mím miệng
chào,

Môi đỏ nở như hoa thắm đỏ,
Tay ngà đang đón gió đông vào.

Mãi tây giục-giã tiếng oanh
vàng,
Một sớm lòng thơ động xốn-
xang.
Cau biếc lá tơ phe-phầy quạt,
Ngâm câu « thiếu-nữ khuyến
tân-lang ».

Đâu đây đóng-dã tiếng ngâm
cao.
Hắn một thi-nhân thơ dốc bầu /
Trông bâng liêu gánh tơ xa lại,
Dệt bức tranh xuân dựng mé
cầu....

Lại nhớ xuân nao, xanh mãi
đầu,
Bên hồ tơ liễu bện duyên nhau,
Tóc mây người đẹp, bên cầu
đứng,
Vấn lại tơ vương: mấy đoạn
sầu.

Một vùng hoa tuyết xóm Mai-
trang,
Gậy trúc lần theo bước Võ-lăng,
Ướm hỏi Đào-nguyên đầu cội
thọ,
Lão-ông râu tóc bạc như sương.



Phòng khuê chinh-phụ sầu
mang mang,

Buộc mảnh tâm-thư thắt vội
vàng,

Gửi cánh chim câu về ai Bắc
Cho người chiến-sĩ chốn sa-
trường.

Mảnh lòng vương gió, sợi tơ
lay...

Mây hơi vi chầm tránh lối bay,
Non hơi cúi đầu không vương
cánh,

Chàng ơi, xuân đã đến hóm nay!

Hôm nay cách thăm mấy quan-
san,

Sát khí chân giới khói chữa tan.
Gối kiếm nằm sương, trang rõ-
bóng,

Ánh hồng nay có diễm chu-
nhân?

Phấn son chinh-phụ lãng buồng
nhang,

Ngõ cũ đào-hoa lãng nhạc vàng.
Chiến-sĩ ghim cương nơi ai
ngoại,

Trông về cố quận: bóng mây
sang...

Lão-thân tóc đã bạc như mây,
Tuổi hạc xuân qua ngày một
ngày.

Vợ trẻ phòng xuân lau hạt lệ,
Con thơ đuổi bướm ngoài thư-
trai.

Thê noa gia sự, gánh cương-
thường,
Nợ nước, ơn vua, nghĩa vụ
mang.

Bai vọng quay về nơi cửa
khuyết,
Chúc xuân cội non sông
trường.

Vườn quê con trẻ vẫn nô cười,
Đuổi bướm tung-tàng chạy
khắp nơi,

Đâu biết non sông màu sắc mới,
— Bền thêm pháo nổ, vội bùng
tại.

Xác pháo như muôn hoa lịch
đào,

Phòng lan mở rộng cánh hoa
vào.

Người đi hẹn buổi hoa đào nở,
— Hoa nở, ngày về có nhớ
nhau?

NGUYỄN ĐAN TÂM



Tặng giáo sư Nguyễn Lương Kiết, người bạn vong niên cô độc sống một cuộc đời rất thanh đạm
K. T. Q.

*Xuân nhưt khừ đa vô hạn hận,
Cự đường mai lạc, nguyệt môn
lung...
(Cổ thi)*

Dịch nghĩa :

*Ngày xuân qua, biết bao niềm hận,
Thềm cũ mai rơi, bóng nguyệt mờ...*



là chị Mai! sao chị cứ có vẻ mặt âu-sầu ấy. Em trông âm - đạm lắm sao!...

Mai, một thiếu phụ trạc 30 tuổi, đẹp kìn-đáo, dịu-dàng nhìn em, khẽ nhếch một nụ cười:

— Em Lộc! chị có buồn-rầu điều chi đâu. Về mặt chị bao giờ cũng như bao giờ...

— Nghĩa là không bao giờ vui tươi được?

Lộc đón lời chị như thế, rồi cả cười. Chàng trông hiền hậu như chị. Và một vài nét đau-khổ vạch rõ trên gò trán cao của chàng.

Ngày Mai bị chồng mê vợ bé

ruồng bỏ, chính là ngày Lộc được bổ làm thầy giáo dạy tại Bình-thủy, thuộc tỉnh Cần-thơ.

Mai bỗng con về ở với em.

Hai chị em mua nhà ở gần chùa Minh-sư — ngôi chùa cổ thờ Thủ-khoa Nghĩa.

Lộc đi dạy, Mai ở nhà thế vai nội-trợ cho em. Mai đã biếu Lộc lấy vợ nhiều phen. Nhưng Lộc chưa làm theo ý chị. Có lẽ chàng chưa tìm được người ý hiệp tâm đầu. Nhưng cũng có lẽ vì chàng quá thương mến chị, chẳng nỡ đem một người đàn bà thứ hai vào gia đình; sợ lỡ người ấy có tánh lẳng lơ thì mất cả tình chị em.

Mai, Lộc mồ côi mẹ từ ngày bé; và gần đây lại mất cha luôn. Đời tình huyết nhục ấy vì thế càng dễ cùng nhau khấn-khít.

Nhứt là ngày Mai quá đau khổ về đường chồng con tới nay, nàng muốn tìm yên ủi bên cạnh đứa em trai yêu quý; mà mỹ ý của

Lộc cũng không đi xa sự muốn làm vợ bất nổi khổ tâm cho chị bằng sự triu mến của mình.

Chiều hôm nay, một chiều cuối xuân: Mai, Lộc bắc ghế ngồi đối diện ngoài vườn vắng. Chị em cùng nhau thủ-thỉ nỗi niềm tâm sự. Trong lòng Mai, con nàng — em bé Xuân — nói ba hoa một lúc, rồi thiu-thiu nhắm mắt. Giấc ngủ như cánh bướm bay, theo gió chiều đến đậu ngon lành trên đôi mi mắt em.

Xuân không mấy lúc rồi ngủ say.

Vì gió chiều hiu-hiu...

Mai rưng!...

Hoa mai nở vàng cả một khóm vườn, lia cánh bay tới-tả... Như những đóa anh đào xinh-xắn bên xứ Phù-tang tam đảo, mỗi độ xuân về, theo chiều ngọn gió núi Phú-sĩ lượn lả-dã, rồi rớt xuống mặt đất rất ẹm-dềm!

Tức cảnh, Lộc se-sế ngâm hai câu thơ Đường:

... Lạc hoa tương dữ hận,
Đáo địa nhứt vô thanh (1)

Mai mỉm cười :

— Sao lại « Lạc hoa tương dữ hận » ? Hoa rơi mà cũng náo-nùng sao, em ?

— Thưa chị, Lộc đáp, cồ-nhân bảo nào có sai. Hoa rơi, trông náo-nùng lắm chứ. Nhứt là hoa mai ! ...

— Ô hoa mai ! Hoa mai thì sao, em ?

— Hoa mai rơi, trông náo-nùng hơn cả hoa nào hết. Vì nó rơi nhẹ như một nỗi buồn-rầu chiu mau-mác xuống lòng ta. Kia ! chị xem : mai rụng ! Mai rụng trong một chiều mộ xuân. Thật còn ảnh-tượng nào náo-nùng hơn ! ... Những ngày cuối xuân mang lại cho ta viễn tượng một cuộc đời tàn-tạ : thế đã gieo nỗi ngao-ngán trong thâm tâm ta rồi. Vậy mà hoa mai còn rơi rụng để vẽ rõ thêm cảnh tan-tát trong trí não ta.

Mai thở dài ... Lộc ôn-lên bảo chị :

— Mai chị, đời người rồi sẽ tan-tát như cánh hoa mai. Em khuyên chị cho quá hạn ngày xanh, nay sâu uất, mai u hoài, cho má đào chóng phai nhạt.

Mai giọng tràn nước mắt :

— Chị vui làm sao được, em ? trong lúc chị thấy lòng chị hãy còn yêu Hải — con người tệ bạc : và thâm tâm chị hãy còn oán ghét Hằng, đưa bạn gái phản chị và đẹp hơn chị nhiều quá ! ...

Lộc đột lộ hẳn sắc giận :

— Hằng đẹp à ? Không đâu ! Hằng không đẹp bằng chị đâu ... Chị đừng cô cỏi ! Chị đừng tưởng Hải không yêu chị mà yêu Hằng vì Hằng đẹp hơn chị. Hải không yêu chị, đó là câu chuyện của bộ óc thăm-mỹ kỳ-dị của anh ta. Còn sắc đẹp chị, chị Mai ! em quyết rằng hơn sắc đẹp Hằng nhiều lắm. Hằng đẹp sung túc theo phương-diện Tây-phương. Chị đẹp thướt tha như mỹ-nhân Tàu. Hằng là đoá hải đường. Chị là hoa mai. Hằng là Dương Quý-phi, Chị là Giang Mai-phi. Anh Hải là Đường Minh-hoàng. Hải cũng như Minh-hoàng. Minh-hoàng giống Hải, cả hai người đàn ông ấy hãy còn thô-tục lắm : họ chỉ đủ tư-cách chơi hải-duơng, chứ chưa đạt đến được sự thanh-cao của kẻ chuyên hoa mai. Chị Mai ! hoa mai là chị thì hơi mảnh-dẻ. Còn Hằng, hải-duơng, thì dôi-dào

tuong thĩ Hải-duơng tuy có nòng-nàn, nhưng thanh-nhan sao bì hoa mai ! Hải-duơng chỉ được cơ sắc. Mai hoa kiêm cả sắc lẫn hương !

Hơn nữa, mai hoa nở đều tram hoa, vào mùa đầu các mùa ; là hoa khởi của hoa quốc ! Hải-duơng nở giữa mùa hoa, may ra chỉ đáng làm vị tuy khách trong hoa trường-thời. Mùa xuân, hoa mai nở : chưa có ong, vắng bóng bướm. Thời-kỳ hải-duơng mãn khai, ong bướm dập-diu ... Mai hoa chuộng nước sạch, thích trang non. Hải-duơng chịu dề mưa sa gió tap ! Hoa mai hợp với tâm-lõn tao nhân mạo khách. Hải-duơng là sở thích của bọn thô-bỉ say-sưa. Đường Minh-hoàng là ông vua của tửu sắc ; thảo nào chẳng trọng hải-duơng hơn hoa mai ! Nặng Dương Thai-Chân (tức Dương Quý-phi) nằm ngu trạ, được Minh-hoàng âu-yếm bao ràng : hoa hải duơng còn ngu chưa đủ sao ?

Minh-hoàng sùng ai Dương Thai-Chân, vội ruồng bỏ nàng Giang Thuần Lân — người cung phi ngày trước mình, vì trọng tánh yêu hoa mai của nàng, đã tặng cho nàng mỹ hiệu « Mai-phi ». Mai-phi ! Cái tên mới như đẹp làm sao ! Nhưng cảm thương cho nàng ! Nàng thật là một khách mà hồng mạng bạc.

Mai cảm-động, giọng nhờ hức mắt, hỏi :

— Đời nàng rồi ra sao, em ?

— Thưa chị, đời nàng rồi còn khôn ngoan hơn đời "Dương Quý-phi" nữa. Dương Quý-phi chết, còn có thi-sĩ Bạc-Cư-lý đời Đường làm



thiên *Trường-hận ca* than tiếc. Có sao Giang Mai-phi từ trần, vùi nông tằm thân nghìn vàng dưới gốc mai tàn tuyết phủ, lại chẳng có tay thiên cổ kỳ bút nào viết nên một khúc *Trường-sầu*?

— Em Lộc! chẳng ai viết, thì em cứ viết bằng miệng khúc *Trường-sầu* ấy để cho chị nghe đi. Chị muốn rõ tường tận đời gian-truân của kẻ hồng-nhan ấy, có cái tên hiệu giống-giống với tên chị.

Lộc đọc được sự hiểu kỳ bậc-lộ trong đôi mắt chị, lấy giọng kể chuyện, thuật:

— Mai-phi người đất Phủ-diên, con cung viên y-sĩ Giang Trọng-Tồn. Mai-phi thông-minh tốt chủng: lên chín tuổi, đã đọc được hai thiên *Thiệu-nam*, *Chu-nam* trong kinh *Thi*. Nhứt là nàng rất thích các thơ trong thiên *Chu-nam*, như thơ *Cát-đàm* chẳng hạn. Vì thơ này ngợi khen đức tánh của một bà hậu-phi mà nàng ao-ước ngày sau được trở nên.

— Em có thể đọc cho chị nghe một bài thơ *Cát-đàm*, để chị dễ lãnh-hội không?

— Em nhớ được hai bài thơ *Cát-đàm*. Vì hai bài này được thi sĩ Tân-Đà diễn quốc-văn. Em bởi thích bản dịch của Tân-Đà, nên em thuộc bản dịch trước. Sau rồi, em mới bỏ chút ít thời-giờ học thuộc lòng nguyên tác.

Sách mới

TRIẾT HỌC NIETZSCHE

của Nguyễn đình Thi giá 1p.95
Một triết lý của nghệ thuật. Mọi người
mắt nhìn vào tương lai loài người
Đã phát hành

TRIẾT HỌC KANT

156 trang — giá 1 \$ 50

VÀNG SAO của Chế lan Viên

trong « Tủ sách đẹp » giá 2 \$ 50

Nhà xuất bản VĂN VIỆT

49, Takou — Hanoi

— Vậy kìa hay, em cứ đọc cho chị nghe cả bản dịch và nguyên tác.

Lộc đăng bâng lẩy giọng, ngâm trầm-trầm như hân nẩy chàng ngâm hai câu thơ Đường:

— Ngón cáo sư thi:

Ngón cáo, ngón qui.

Bạc ó ngã ty.

Bạc cán ngã y,

Hạt cán, hạt phủ,

Quý ninh phụ mẫu.

Tân Đà dịch nghĩa:

Ta lên ta nói thưa Thầy,
Nói thưa quán-tử hôm này về quê.

Soạn xem các áo mặc về,
Áo nào giặt kỹ hay thì giặt qua.

Ta đem ta giặt áo ta,
Về thăm cha mẹ ở nhà bình-yên.

Thơ này nói bà Hậu-phi muốn về thăm cha mẹ, phải nhờ bà Thầy xin phép giùm với chồng — tức là vua Văn-vương.

Nhưng bà Hậu-phi thời bấy giờ chẳng những yêu chồng, sợ chồng, thời dẫu, bà còn đảm-dang cả công-việc thủ công trong nhà chồng, như người đàn bà thường dân khả kính:

Cát chi đàm hề

Thi vu trung cốc,

Duy điệp mịch-mịch.

Thị nghệ, thị hoạch,

Vi hy, vi khịch:

Phục chi vô dịch.

Tân Đà dịch nghĩa

Giấy sẵn bỏ lan trong hang.
Xanh um lá sẵn lại càng dày
giấy.

Cắt giấy làm vải, ta may:
Nhỏ to càng mặc lâu ngày
càng ưa.

(Còn nữa)

KIỀU-THANH-QUẾ

1) Lược dịch:

... Nào nũng nịu cánh hoa rơi l.
Rơi trên mặt đất tả tơi êm đêm...

Tết năm Mậu-thìn

(Tiếp theo trang 8)

xuân ấm áp, sắc xuân dịu-dàng. Các ngài cùng nhau đi viếng châu-thành Sài-gòn có những công-sở, cửa hàng lạ mắt, đi thăm vùng ngoại-ô có đồng ruộng bao-la bát-ngát, vườn cây trái trĩu-mật sum-sê.

Cuộc phiêu-du giữa những ngày xuân ấy chắc đã đem lại cho các quan ta nhiều thiện-cảm với đất Đồng-nai Gia-định và giúp các ngài thấy rõ cảnh thái-bình an-lạc của con dân. Những điều nhận xét đó may ra sẽ có ít nhiều ảnh-hưởng đến cuộc bàn-cãi đang tiến-hành.

Về phần dân - chúng Nam-kỳ, trong dịp tết năm Mậu-thìn này, được may-mắn đón tiếp những vị thượng-quan tự kinh-thành vào lo việc nước, ắt hẳn trong trí họ có nhiều suy-ngĩ và hơn đó thêm được một vài đầu-đề cho câu chuyện ngày xuân.

Và lại, sự giao-thiệp êm-ấm đầy nhã-độ giữa hai phái-bộ Pháp-Nam đã gây được nhiều cảm tưởng tốt trong nhơn-dân và hứa-hẹn một tương-lai êm đẹp.

Trong khi các quan Việt-Nam tạm ngụ nơi dinh xưa của ông hoàng Cao-mên Phra-kéo-pha (?), chiếc tàu « Ville de Huế » được đem vào công-xưởng của Hải-quân Pháp ở Sài-gòn sửa chữa và chất than.

Đến ngày 24 tháng giêng ta (17 Février 1868), sứ-bộ Việt - Nam xuống tàu « Ville de Huế » rời bến Sài-gòn trở về Đê-khuyết sau một tháng tròn vào Nam vì quốc-vụ.

KHUÔNG-VIỆT

1) Courrier de Saigon n. 2, 20 Janvier 1868.

2) Chúng tôi tìm chưa ra tên chữ Hán của chiếc tàu này. Bạn đọc nào hiểu rõ xin vui lòng chỉ bảo. Văn tạ.

Tết với thi-nhân

(Tiếp theo trang 7)

*Xuân từ trong ấy một ban ra,
Xuân chẳng riêng ai khắp mọi nhà.
Đi-đet ngoài sân chàng pháo chuột,
Om sòm trên vách chiếc tranh gà.
Chi cha chi chát khua giày dép,
Đen thui đen thui cũng lượt là.
Dám hỏi những ai nơi cổ quận,
Rằng xuân, xuân vẫn thế ru mà ?*

Ông Tú Xương tả cảnh tết nào pháo chuột đi
đet ngoài sân, tranh gà om sòm trên vách là thú
của trẻ con ; lại những phụ-nữ đi giày dép khua chi
cha chi chát trên hè phố, mà có người nước da đen
thui, đen thui cũng lượt là, sung-sính, vui xuân !

Phải ! Ai chẳng có quyền vui xuân, xuân có riêng
ai đâu ! Già, trẻ, nhón, bé, trai, gái, ai mà chẳng
vui xuân ?

Trong mấy ngày tết, có nhiều thú chơi xuân như :

1-) Thú uống rượu :

*Chiều ba mươi, nợ hỏi tit mù, co căng đập
thằng « Bần » ra cửa.
Sáng mồng một, rượu say túy-lý, dơ tay bông
ông « Phúc » vào nhà.*

2-) Thú chơi thủy-tiên. Thủy-tiên là một thứ đủ
cả sắc, cả hương. Thi-nhân ta có bài vịnh :

*Thiếp ở Bồng-lai mới tới đây,
Hương trời, sắc nước tuyệt xinh thay !
Xanh-xanh tóc cuốn cài hoa ngọc,
Cười nụ hoa tươi lăm khách say.*

3-) Thú đốt pháo. Nguyễn-hữu-Chỉnh có bài thơ
về xác pháo :

*Xác không vốn những cây tay người,
Bao nả công trình tạch cái thôi !
Kêu lăm lại càng tan-tác lăm,
Thế nào cũng một tiếng mà thôi.*

4-) Thú đánh đu. Cô Hề-xuân-Hương có bài
thơ chơi đu :

*Tám cột khen ai khéo khéo giồng.
Người thời lên đánh, kẻ ngồi trông :
Giai đu gối ngọc khom-khom cột,
Gái uốn lưng ong giữa-ngữa lòng.
Bốn mảnh quần hồng bay phấp-phới,
Hai hàng chân ngọc ruỗi song song.*

Chơi xuân đã biết xuân chẳng là ?

Cọc nhò đi rồi, lỗ bỏ không.

5-) Thú giải-trí bằng tam cúc :

*Tượng tượng xe xe xe lẻ rồi,
Sĩ đen, sĩ đỏ chẳng thành đôi :
Đố ai biết ngỏ quân gì kết,
Mã cũng chui rồi, tốt cũng chui.*

6-) Thú chơi tồ-tôm :

*Bài chạm thành, cuối cánh phổng ồm-ồm.
Ngồi thối chẳng bốc quân rác rãnh,
Cũng có lúc « thông tri » thòt bát-sách,
Cũng có khi « bạch định » bốc yểu hồng.
Cất bài lên ông lão đã nằm trong
Không đâu cả gặp thông năm bảy phổng.
Cũng có ván « tôm lèo » chờ rộng,
Vớ phải thằng bạch thủ phổng tay trên.
Gớm ghê thay ! đen thật là đen :
Sắc như mác cứt thua trắng vận đỏ !
May-mắn nhé, hữn duyên năng tái ngộ
Bĩ cực rồi đến hội thái-lai :
Tiếng « lăm khôi » chi đề nhường ai ?
Hết bạch lại hồng thông mãi mãi...
Nào những kẻ tay trên ta ban nãy
Tới bảy giờ thầy-lầy dưới tay ta :
Tiếng bài cao lừng-lầy khắp gần xa
Bát vạn người ta ai dám đập,
Thế mới biết tồ-tôm đen có đỏ,
Thời anh-hùng vị ngộ có lo chi !
Trước sau, sau trước làm gì ?*

Với ngòi bút mô-lả rất khéo, ông Tú-Xương đã
so-sánh cuộc tồ-tôm với cuộc đời bầy bầy xỏ xỏ, khi
thăng, lúc giáng, thành, bại, rủi may, không biết
đâu mà lường được.

*Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,
Nợ tang-bồng vay trả, trả vay...*

*Tri túc, tiện túc ; đãi túc, hà thời túc ?
Tri nhân, tiện nhân ; đãi nhân, hà thời nhân ?*

(Biết đủ túc là đủ ; đợi đủ, biết bao giờ đủ) ?

(Biết nhân tức là nhân ; đợi nhân, biết bao giờ
nhân ?)

Vậy, gặp ngày xuân, ta cũng tạm cho là đủ, là
nhân, mà cùng xuân vui vẻ, vui xuân vui lấy kẻ
hoài...

NHẬT-NHAM



Truyện ngắn của CHU THIÊN

Mồng một thì ở nhà cha,
Mồng hai nhà vợ, mồng ba nhà thầy.



ÁNG ngày mồng ba tết, tất cả học-trò đều đến hội-họp ở nhà anh trưởng-tràng, tức là anh Mỹ, con cụ Bá Nhân, người nhận nuôi ông đồ trong năm vừa qua. Họ không đến ngay một lúc, thành một bọn, họ lục-tục đến. Có người hôm qua đã đến mừng tuổi cụ bá rồi, hôm nay chỉ đến không và chào hỏi qua loa... như thường. Nhưng phần nhiều là những người chưa đến. Họ đề hôm nay đi một thể. Nên họ mang theo cau, rượu, hoặc hậu hơn nữa, thì ít cam chanh, cam đường hay chanh-niên, phát-thủ làm lễ mừng. Vừa vào đến cổng, con chó vàng chưa kịp sủa, mỗi người đã cất tiếng nhanh-nhau nói đại khái như vậy: — Năm cũ đã qua bước sang năm mới, xin bài chúc cụ ông, cụ bà sống lâu, giàu bền, tốt tài sai

lộc bằng năm bằng 10 năm ngoái, con cháu đề đa, cả nhà phúc ấm...

Rồi họ lại chúc cả Mỹ:

— Chào bác cả, xin chúc bác sang năm nay học-hành tấn phát, ứng thí đỗ khoa, vinh hoa gặp bội và bắc gái sinh 5 để bầy, những con tốt lành, nổi gót khoa danh.

Cả Mỹ lại vui vẻ đáp:

— Năm mới chào bác, xin chúc bác năm nay học hành tiến tới gấp trăm gấp nghìn năm ngoái, và sở cầu như ý, sở nguyện tông-tâm...

Một người bạn nói xen vào:

— Bác cả chúc thế mà ý-tư lắm kia đấy! Bác ấy chúc « sở cầu như ý, sở nguyện tông-tâm » là mong cho bác chóng thành gia-thất đấy. Cái món xóm Đình ấy mà...

Một người khác nói:

— À ra bác cả chúc cho bác Tiều đỗ khoa rồi đến Đại đỗ-khoa đấy.

Cả bọn cùng cười. Rồi họ lại chào hỏi nhau, chúc mừng nhau ồn-ào cả trong gian nhà dân đồ se câu đối. Và cứ như thế kéo dài mãi.

Một lúc sau mấy mâm cỗ bùng lên, cụ bá ung-dung lên, xoè hai bàn tay ra mời:

— Năm mới mời các thầy nếm bánh lấy may, ăn đi cho chắc dạ rồi còn đi kéo muợn.

Ai nấy đều răm-rắp ngồi vào uống rượu và ăn bánh không đợi đến lượt mời thứ hai vì lệ ngày tết như vậy, không ai được từ chối, từ chối tức là mất cả sự may mắn của hai bên. An uống xong rồi, cụ bá giục cả bọn sắp sửa ra đi.

— Lễ vật đủ rồi, các thầy cắt cử nhau mà đi. Các thầy nên nhớ rằng thầy đồ này hay ra câu đối « boi thử » học trò kia đấy. Liệu những người nào chậm nển ở nhà, để cho các người mãn-tiếp đi thi hơn.

Thấy cụ bá nói thế, cả bọn đều đâm hoảng thành ra cắt cử mãi mới được tám người chịu đi.

Một cái quả trong đựng một buồng cau, một chai rượu cúc, hai chục cam đường hảo-hạng do một tên *đầy-tớ* đội đi. Còn tám người được cắt cử lần-lượt theo sau. Mỗi người đều phải đâm-dam nghĩ đến cái xừ-mệnh của mình thay mặt cả trường đề lên mừng tuổi thầy và chịu ứng đối với thầy làm sao cho chỏi chầy câu chuyện đầu năm. Nền không ai nói câu gì. Cả bọn cứ lặng-lẽ đi. Giời mưa phún, lay phay như những hạt bụi nhỏ tung bay. Gió bắc thỉnh-thoảng lại rào-rào thổi. Cây cối mon-mỏn nhưng rữ-rủ đượm đẫm-đĩa những hạt mưa đọng trên lá trông óng-ánh tựa hạt ngọc trai. Đường đất quằn-quèo bên ruộng lúa chơn, chơn như mỡ. Cả bọn phải đi sát gần lại nhau, nói chuyện cho quên chơn, quên nhọc và quên lo...

— Khéo đấy, hể anh nào ngã là nguy to, rông xuốt nam, và sẽ không đối được câu đối!

— Ấy không đối được thì rông cả năm đấy! Tôi bàn câu này nhé:

— Được anh cứ nói xem nào!

Mấy người đều nói vậy và tiếp theo:

— Nhưng đường chơn lắm, khéo đấy, không cứ hể mồm lên mà nghe lại thượt chân đánh oách một cái thì khốn. Nào anh nói đi.

— Tôi bàn hể thầy ra câu nào khó quá, anh nào nghĩ được trước phải nhắc ngay nhé. Đừng có ịch-kỷ mà đề chôn trong bụng đấy.

— Ai chả muốn vậy, nhưng sao

thầy cho nhắc kia chứ, thầy đã *bói thử* từng người kia mà!

Cả Mỹ cười nói:

— Thôi gần đến nơi rồi, các anh đừng lo quần nữa. Từ cổng làng kia vào đường làng lát đá đỡ chơn. Thầy đã *bói* thì ta cũng *boi*, xem nam này rồi ra thế nào, chứ việc gì mà lo.

Phải đấy, bác cả bảo phải, mình cũng *bói* chứ lại, thế thì không cần phải nhắc nữa.

Cả bọn đã đề chân lên đường



làng, đi thong thả trên những hòn đá đặc chít bùn lầy. Đi một quãng, quặt vào một ngõ ngang tiến đến một đầu ao quanh sang một lối nhỏ là vào cổng nhà ông đồ Trí. Ông đồ là một tay khá giả trong làng, nên cũng có một cái cổng gỗ trông ra ao, hai cánh gỗ dán hai tờ giấy đỏ đề một bài thơ tứ tuyệt vịnh cảnh mùa xuân. Cả bọn đều đứng lại đọc qua bài thơ. Bác cả Mỹ xuống cầu rửa chân trước, và bảo anh em:

— Ta rửa chân xong, rồi sắp sửa cùng vào, anh nào mau mồm mau

miệng thì cho đi trước đỡ anh em. Tôi cử anh Bich.

Bich vội rầy-nầy lên nói:

— Cái ây tôi chịu, xin nhường bác cả. Ông trưởng tràng phải dẫn đầu anh em chứ.

Và cả bọn đều đồng thanh cắt cử cả Mỹ, cả Mỹ đành phải nhận vậy và đứng-dính nói:

— Được các anh em đã bảo, tôi xin vâng, nhưng có sơ-suất điều gì, anh em lượng thứ đi cho. Nào ta vào, quả cho đi trước đi.

Mỗi người vuốt phẳng lại tà áo, nắn lại nếp khăn, rồi bước vào cổng đi thành hàng dài. Qua cái vườn chè, và cau, cả bọn bước vào sân gạch và đã bắt đầu chào:

— Lấy cô ạ!

— Lấy cô ạ!

— Bầm lấy cô ạ!

— Lấy thầy!

— Bầm lấy thầy!

— Bầm lấy thầy!

Cả bọn chào xong bước vào nhà. Cái quả đặt xuống giường, cả Mỹ mở nắp ra, đề ngay chai rượu cúc lên, và bày gọn buồng cau và hai chục cam lại, rồi đứng chấp tay nói:

— Bầm thầy, năm cũ đã qua, bước sang năm mới, anh em chúng con gọi là có chút lễ mọn trước là lên lễ Tồ, sau lễ mừng tuổi thầy, cô và bảo quyến tốt tài sai lộc, giàu bằng nam bằng mười năm ngoái, sĩ-tử các nơi mộ danh nghìn rậm đội núp theo đến rất đông...

Cả Mỹ ngừng lại lấy giọng nói tiếp:

— Chúng con... khó... có lòng xin thầy cho phép.

Ông đồ ngồi ung-dung trên giường rung đùi nói :

— Được.

Anh trưởng-tràng bưng quả lễ đặt lên bàn thờ ở gian giữa. Ông đồ đứng lên thắp một tuần hương. Đợi những nén hương đã đều vút khói thẳng tắp lên cao và ông đồ đã lại ngồi chễm-chệ ở giường rồi, bọn học trò mới bốn người một hàng vào lễ bốn lễ trước ban thờ.

Đoạn cả tám người lại đứng chấp tay trước mặt ông đồ. Cả Mỹ nói :

— Bẩm thầy, tết năm mới, anh em chúng con lấy đầu làm lễ bái chúc thầy, xin phép thầy cho anh em chúng con mời cô ra đây để chúng con cùng lễ mừng đề tỏ lòng trong mộ sư đạo . . .

Cả Mỹ ngoảnh lại bọn anh em nói tiếp,

— Anh nào chạy xuống mời cô lên đi . . .

Ông đồ lúc ấy mới nghiêm-nghị nói :

— Thôi, cô miễn cho các anh, vì cô còn bận.

Cả Mỹ lại nói .

— Anh em chúng xin dâng hai lạy chúc mừng thầy thọ-khảo vô cương.

Rồi cả bọn đứng làm hai hàng cùng sụp xuống lạy hai lạy xong đứng ngay ngăm chấp tay vái. Ông đồ, nét mặt vẫn nghiêm-nghị, thản-nhiên nói :

— Tôi cũng chúc cho tất cả các anh sang năm nay văn hay chữ tốt, học một biết mười và mau đỗ đạt.

Nói xong ông chỉ tay vào rầy phản kê ở cùng gian liền đấy và bảo mọi học trò :

— Các anh ngồi chơi !

Ai nấy đều ròn-rèn ngồi xuống.

Ông đồ gọi người nhà mang bình nước nóng lên, rồi tự tay ông thân rót ra tám cái chén bày trên cái khay gỗ. Rót xong ông lại ủ tay vào bọc và bảo học trò :

— Nước đây các anh, anh Mỹ bưng lại này !

Cả Mỹ đứng lên bưng khay nước lại phản. Nhưng ai nấy còn đang nơm-nớp lo cho cuộc bói thử bằng câu đối, nên họ quên cả dùng nước. Ông đồ phải nhắc :

— Uống đi các anh, không lại ngại !

Lúc ấy họ mới vội vàng cầm đến chén, và miệng nói :

— Thưa thầy con xin có phép nước thầy.

Rồi họ đề lên mâm uống nhấp giọng như người uống rượu. Một đứa bé bưng đĩa giầu tự nhà dưới đi lên, đặt ở giường ông đồ. Ông thò tay giốn lấy một miếng, sẽ vò cau đi, mở miếng dầu quệt bớt đi ít vôi, rồi cuộn cả lại bỏ vào mồm nhai ngoau-ngoáu. Đoạn ông đun đĩa giầu ra mé giường liền với phản. Ông nói :

— Giầu đây, các anh, uống nước đi rồi ăn giầu.

Sau đấy, ông mới nói chuyện qua với học trò về tết, nhất, về giới rét mướt, về cách đón tiếp chúa xuân của các cụ ngày trước. Sau cùng ông vui vẻ tiếp :

— Tiệc hôm nay xấu ngày, giá không thầy trò ta cùng khai bút cho vui !

Nói rồi ông đứng giậy đi ra hè nói với xuống dưới nhà :

— Quá trưa rồi cho rượu bánh lên đây !

Được lúc thầy ra ngoài, bọn học trò thì thầm nói chuyện với nhau :

— Có lẽ hôm nay thầy quên bói thử ?

— Thầy đề cho chúng mình ăn xong rồi thầy mới khảo !

— Chưa khai bút thầy không ra đâu !

— Không tại chúng mình đi nhiều quá, thầy không có thì giờ ra đủ tám câu đối.

— Phải đấy ! Ra chúng mình đi nhiều có lợi.

Vừa lúc ấy, ông đồ trở lại với hai người bưng hai mâm cỗ đem đặt thẳng hàng ở giữa rầy phản. Ông đồ tươi cười nói :

— Năm mới, các anh đã có lòng lên mừng tuổi thầy. Vạy các anh ngồi vào mâm uống chén rượu nhạt với thầy cho vui. Bốn anh một mâm, ngồi vào. Còn anh gì đội quả kia xuống nhà ngồi với các cậu. Thôi các anh rót rượu uống đi.

Cả Mỹ đứng dậy chấp tay, toan nói. Ông đồ vội xua tay bảo :

— Thôi được rồi cứ ngồi vào. Ngày xuân thầy cho phép uống rượu cho vui.

Bọn học trò lại cử cả Mỹ xuống nhà dưới mời rượu cô đồ. Cô đồ vội đơn dả lên ngay tươi cười nói :

— Mời các anh uống rượu ăn bánh lấy may, nhà thầy thanh bạch chả có gì, chỉ có ít bánh chưng luộc *rền*, các anh chiều cổ ăn no như ở nhà là vui. Còn ăn cơm nữa kia.

Cả bọn đồng thanh nói :

— Bẩm cô, vâng ạ !

Rồi họ đứng cả dậy nói tiếp :

— Anh em chúng con xin thất-lễ rượu thầy, xin thất-lễ rượu cô, mời các cậu dâng ấy lại mời rượu.

Các cậu đây là mấy đứa con cháu nhỏ của ông đồ đang chơi ở ngoài sân.

Lúc ấy họ mới ngồi xuống bắt đầu uống rượu. Ông đồ ung-dung ngồi rung đùi ở trên giường, thỉnh-

thoảng ông lại giục bọn học trò cứ ăn thực thà cho no đừng có *làm khách* mà nhịn đói. Bọn học trò thấy ông vui vẻ thân mật như vậy, tưởng ông đã bỏ cái lệ bói thử bằng câu đối đi.

Nhưng không! Khi ai nấy đã bỏ đĩa bát và mâm đã cất xuống rồi, ông đồ tự tay rót cho mình một chén nước chè nóng, rồi đưa bình nước cho cả Mỹ và nói :

— Các anh rót nước uống đi. Rồi nhân ngày xuân các anh đã đến đây mừng tuổi thầy, thầy muốn ghi nhớ lấy cái hảo-tâm của các anh và thử xem tâm-chí các anh năm nay ra sao, nên thầy nhờ các anh cùng tức cảnh một bài thơ *vinh xuân*, tám anh, mỗi anh phải làm một câu, theo thứ tự ngồi ở mâm, bắt vòng quanh từ hàng bên phải sang hàng bên trái. Lấy vần *xuân*. Hết chén nước này hết khói là các anh phải đọc. Cũng là một cuộc mua vui các anh cố làm cho hay.

Nói xong, ông đồ dăm - dăm nhìn làn khói hơi đang bốc trên mặt chén nước, như đang mải mớ màng hồi tưởng lại lúc thiếu-thời

Anh Bích lễ lười khế nói với người bên cạnh :

— Thầy khôn thật, vừa chóng cho thầy mà thêm khó cho chúng mình.

Tiếp anh nói, nói to :

Kìa anh cả Mỹ ngồi đầu làm trước đi, cho chúng tôi theo. Đề được cái ở cuối hàng bên trái đối liền ngay với anh Cả, chứ huynh làm xong hết mới đến lượt đề.

Rồi im lặng, họ ngồi ngẩn ra nghĩ. Một lúc sau, trông chén nước không còn tí hơi nào, ông đồ mới ngẩng đầu lên quay mặt phía học trò, bảo cả Mỹ :

— Anh Mỹ đọc trước đi, rồi cứ lần lượt, mỗi anh đọc tiếp câu của mình.

Anh cả Mỹ ăm-ể nói :

— Thưa thầy con đọc :

Muốn đời giàu đất vẫn là xuân.

Tiếp đến anh thứ hai đọc :

Mà mỗi năm sang lại một lần.

Anh thứ ba đọc :

Chín chục thiếu - quang vừa

Anh thứ tư đọc : *[chôm nở,*

Một năm sự nghiệp phải mưu

Anh thứ năm đọc : *dần.*

Non sông sắc thắm tô màu đẹp :

Anh thứ sáu đọc :

Cây cỏ xanh rờn đượm vẻ tân.

Anh thứ bảy đọc :

Vườn ươm quang âm ta phải quý

Anh thứ tám đọc :

Nghìn vàng khôn đo với cho cân!

Cả bọn đọc xong, ông đồ gạt gù với nét mặt thản - nhiên, không khen chê gì vội. Dầu sao cả bọn đều vui-vẻ hiện ra mặt là đã chứt hết gánh nặng đi rồi. Trong thâm tâm họ có thể tự hào là nhờ thơ không đến nỗi thò cho lắm. Họ lẳng lặng đợi ông đồ lên tiếng. Ông vẫn ung dung nghiêm nghị hắt chén nước nguội đi, và sai rút vào đây một chén nước nóng. Ông nhấp một ngụm nước rồi truyền :

— Các anh đọc lại !

Anh thứ tám vừa dứt nhời, ông nhắc lại luôn cả sáu câu thơ và hùng-hồn tiếp :

— Anh thứ nhất tính trầm trọng kín đáo, đều đều không tiến mạnh, nhưng không bao giờ chán-nản. Tốt đấy. Anh thứ hai với câu : « *Mà mỗi năm sang lại một lần* », xem ra còn lỏng bông thay đổi nhiều, chỉ chữa chuyên nhất. Anh thứ ba dương hàng-hải với cái tuổi trẻ mới lớn lên, làm gì cũng ham-hở, sớm biết lo toan. Anh thứ tư chín chắn biết thời, dễ thi nh công làm, anh ấy hiểu câu « *nhất niên chi kế khởi từ xuân* », nên rồi làm gì cũng thành tựu... Anh thứ năm nhớn dẫu nhưng còn trẻ người non dạ, chỉ biết mãi thích

vẻ đẹp bề ngoài. Đã có chí thế mà biết cố làm cho đẹp ở trong lòng mình nên thì mới quý chứ. Anh sáu thấy cây cỏ đổi mới mà cao hứng cũng muốn đổi mới trong lòng mình, trong hành vi mình thì hay lắm. Nhưng tốt hơn cả, có anh bảy, anh tám, biết quý thời giờ hơn vàng bạc. Rồi ra năm nay hay năm khác, thời này hay thời nào, các anh ấy cũng tiến tới hơn và trở nên người hữu dụng cả. Vua Hạ-Vũ ngày xưa cũng chỉ hơn người ở chỗ biết tiếc thời giờ. Tiếc đây, thầy lại nhân những vần ấy mà họa lại mừng mỗi anh một câu như thế này :

A NH nhất đều đều tựa
cảnh xuân,
NH hai thay đổi phải
nhiều lần,
NH ba hăm hở lo
toan sớm,
NH bốn khôn ngoan
lưu tình dần.

Màu-mỡ anh năm ưa vẻ đẹp,
Sạch trong, anh sáu thích canh lân.
Hai anh bảy tám là hơn cả :
Vàng đo thời giờ cũng khó cân !

Ông đồ còn nói tiếp :

— Mấy vần nôm-na dễ mừng các anh và khuyên các anh nữa. Nhưng xưa nay *nhân định thắng thiên* là thường, con người ta hễ có chí định làm gì, nuôi cấy làm mình thế nào, rồi dần dần mọi hành-vi, sự sự hàng ngày cũng đổi theo với cái chí của mình được. Vậy thầy mong các anh cứ đặt chí cho cao và cho bền, thì sự nghiệp trong nam và xuất đời các anh cũng đều sẽ được tốt đẹp . . .

Bọn học trò lấy tạ ông đồ rồi ra về, ai nấy đều phải phục ông là tinh, đã nom rõ tâm can mình, và định ninh lại nhờ lấy lời ông dặn trong buổi đầu năm này.

CHU THIÊN

Xuân trong thơ chữ Hán...

(Tiếp theo trang 5)

thứ hai (1252), chắc mấy người lính già đầu bạc kia còn thuật thêm những chuyện nào tháng 9 năm Đinh-tị, niên hiệu Nguyên-phong thứ bảy (1257) có việc động-binh phòng giữa biên-giới; nào tháng 11 năm ấy (1257) có việc suốt nước sửa soạn khi-giới đề chống giặc Nguyên. Qua ngày 12 tháng chạp nam Đinh-tị (1257) chinh vua Trần-Thái-tông tự làm tướng, thân đi đốc chiến khi tướng Nguyên là Ngột - lương - hợp - đãi xâm-phạm Bình-lộ-nguyên...

Rồi chắc họ lại hang hái sung-sướng mà tiếp :

— Đến ngày 24 tháng chạp nam Nguyên-phong thứ bảy ấy, vua Trần-Thái-tông cùng thái-tử (Trần-Thánh) ngự thuyền lầu, tiến quân lên Đông-bộ-đầu, đón giặc Nguyên, phá tan được giặc !

— Khi giặc Nguyên trốn về đến Qui-hóa, chúng lại bị trại-chủ là Hà-Bồng đem bọn người mán đánh úp một trận : chúng thua xiềng liềng !

Khi đi tiến-yết Chiêu-lang, vua Trần-Nhân viết câu :

« Bạch đầu quân-sĩ tại,
« Vãng vãng thuyết Nguyên-phong ».

Chắc chỉ về những chuyện ấy mà bọn lính già đã thuật ?

Bây giờ chúng ta thử bước sang mảnh đất văn-chương mà nghe bài « Xuân vãn » của vua Trần-Nhân làm trong một buổi chiều xuân sau giấc « ngũ xuân chậm-rãi » như ở Ngọa-long-cương của Gia-cát-Lượng :

Thụy khởi, khởi song phi,
Bất tri xuân dĩ quy !
Nhất song bạch hồ-diệp
Phách-phách sấn hoa phi...

睡起啓牕扉
不知春已歸
一雙白蝴蝶
拍拍趁花飛

Dịch :

Bừng tỉnh, hé song ra :

Ồ, Xuân đến với ta !

Một đôi bướm-bướm trắng

Vỗ cánh lượn theo hoa...

Trong bài « ngũ tuyệt » (ngũ ngôn tuyệt cú) này vền-vẹn có 20 tiếng, thể mà tác-giả đã tả cho ta thấy rõ cái vẻ êm-dịu của hoàn-cảnh, cái khi-độ ung-dung của bậc thần văn thánh võ hoàng-đế, cái tâm hồn khoáng-đạt làng-làng của nhà tu-hành và, hơn nữa, cái cảnh sinh-hoạt đầy thi-vị của trang nguyên-sử trên thi-đàn ở đời Trần toàn-thịnh.

Với võ-trang đề-kháng, làm cho quân Nguyên hai lần đại bại, vua Trần-Nhân ngồi ngắm bức tranh non sông gấm vóc do chính tay mình cùng các chiến - sĩ gian-nan bồi lại, ngài bấy giờ đã thông-dong ngâm câu thơ này bằng giọng khảng-khái :

— « Sơn-hà thiên cổ diện
kim ầu ».

Rồi, Xuân tung-bừng đến, khoác cho cây cỏ giang-sơn Đại-Việt những tấm áo rực-rỡ xinh tươi.

Nhưng chủ - nhân - ông trong nhà « Đông-a » đây xuân-sắc ấy, khi-cốt thần-tiên, hoài-bảo cao-cả, vẫn như không dự biết đến cuộc minh-thịnh của triều-đình, cảnh thăng-binh của đất nước là những kết quả chính mình đã phải đòi bằng một thứ đại-giá rất cao.

Ngài là bậc « thái thượng vong tình », ngài vẫn sống những mẫu đời diễm đạm như một nhà thi-nhân chân-chính hay như

một vị đại-đức cao siêu. Ngài thần-nhiên trước cảnh « sang làm đến vua, giàu có suốt cả bốn bề ».

Một buổi chiều xuân — cái xuân thái - hòa đầm-ấm — vua Trần-Nhân, sau nửa ngày nhọc nhằn vì việc quân-quốc, tạm gác mọi niềm tục lự ra một bên, tìm thú êm-dềm trong giấc ngủ xuân không có những cái phấp-phồng về nỗi móng ngựa giặc Nguyên chà nát luống cày, hay là mũi tên Chiêm-thành lách qua kẽ ngạch. Ngài bình-tĩnh mà ngủ, rồi lại ung-dung mà dậy.

Thì ra, cái Xuân oanh-liệt đáng hát đáng ca đã thịnh-linh đến với ngài từ bao giờ rồi ấy...

Nhưng Xuân ở đâu ?

Ở bốn Chương-dương hay cửa Hàm-tử ? Ở đất Tây-kết hay sông Bạch-đăng ?

Nhìn ra ngự-uyền, ngài chợt thấy một đôi bướm trắng chồn-vờn tìm hoa... Hoa ấy có lẽ là đa « chiến - thắng » kết tinh bằng xương máu của chiến-sĩ Trần-sơ.

Đứng về phương diện nghệ-thuật, ta thấy bài thơ này rất hay, hay ở chỗ đột-ngột và nhẹ-nhàng. Chỉ dùng hình-ảnh bằng bướm và hoa mà tả được cái xuân đến với người ta một cách tự-nhiên và linh-động.

Đọc xong bài thơ trên, ta tưởng như đang nhìn vào một bức họa : một vị tiên phong đạo cốt, hết sức tĩnh-táo, đứng bên cửa sổ nhìn ra thượng uyển với vẻ hiền-hậu tươi cười. Một đôi bướm trắng hiền-nhiên bay lượn giữa bầu không-khí thơm-tho, ấm-áp, khoan-khoái, tự-do : Đó là dấu-hiệu báo Xuân đã về với cảnh vật trong vườn hoa Đại-Việt.

HOA-BÀNG

LINH TRÂM THU' SÁCH CÓ GIÁ - TRỊ

của nhà xuất-bản : NHẬT-NAM THU' - QUÁN — HANOI

CÁC LOẠI CHIA RA SAU ĐÂY :

A. — *Tiểu-thuyết*, B. — *Công-nghệ*, C. — *Thề-Thao*, D. — *Y-học*, Đ. — *Thần-học*,
E. — *Luân-lý Lễ-nghĩ*, G. — *Thương-mại*, H. — *Mỹ-thuật*, I. — *Triết-học v. v.*

A. — Tiểu thuyết.

Hai bà họ Trung đánh giặc	1 \$ 50
Vua Bà Triệu-Âu	1 . 00
Việt-Thanh Chiến-Sử	0 . 80
Trần-Nguyên chiến-kỷ	1 . 50
Hùng-Vương diễn-nghĩa	0 . 50
Đình-Tiên-Hoàng	1 . 50
Lê-Đại-Hành	1 . 00
Quân-bãi-sây	0 . 30
Tiền-Hán diễn-nghĩa	4 . 00
Đốt cháy chùa Hồng-Liên	4 . 00
Đồng-chu Liệt-quốc	5 . 00
24 Ng. Anh-hùng cứu-quốc	2 . 50
Gái anh-hùng	1 . 00
Minh-sử diễn-nghĩa	0 . 60
Cô Hàng-hóa	0 . 30
Hải đường-bôn	0 . 30
Nước Hồ Gươm	0 . 20
Tú xuân chơi ngông	0 . 20
Bạn đời xưa	0 . 20
Sư hồ-mang	0 . 30
Tinh lự	0 . 50
Hoa trời	1 . 00

B. — Công-Nghệ.

Nghe ít vốn 3 \$ 00

Dạy làm các thứ như : đủ các thứ xà-phòng, xi-đạt, mực, hương, trầm, lư, bột-lạt, cón dân, đá bột-lửa, si gân thoi, sáp bôi, dầu thơm, si đánh đồ gỗ (dùng nước lã thay essence l)
Mạ các thứ không phải dùng điện v.v.

12 Nghề dễ làm 2 \$ 50

Dạy làm các thứ đồ gốm, sành, sứ, gạch, ngói, vôi, ciment (đủ các thứ men) thủy-tinh, tráng-gương, men tráng vàng bạc, ảnh chụp tranh vẽ, vẽ men lên thủy-tinh, Khung ảnh, khay áo bằng bột, couleurs, ngói bút thủy-tinh v. v.

30 Nghề dễ làm 3 \$ 00

Dạy làm các nghề như : Làm nển, miến song-thần, kẹo, mứt, rượu mùi, bơ, sữa v. v. (hết đường in lại).

Cơ khí, Kim khí 1 \$ 50

Dạy làm các thứ như : Thợ sắt, nguội, vàng, bạc, bạch kim, thiếc, gang, đồng, chì, cùng các máy móc, răng bánh xe v. v.

C. — Thề-Thao

Dạy võ Nhật (dòn hiểm) 1 \$ 00

Võ Tây (Ấng-lê) 1 . 00

Võ Ta (đủ các bài) 0 . 80

HÌNH PHẠM-LỆ-OANH NỮ SỸ

Tác - giả cuốn : Tinh - Lự :

Trong kho tiểu - thuyết mới của
NHẬT - NAM XUẤT - BẢN



CÁC SÁCH KẼ ĐÂY CHƯA ĐỦ

Mua buôn, lễ. Thơ mandai để cho nhà xuất-bản như vậy :

Nhật-Nam Thu' - Quán 10 Hàng-diều
HANOI

Võ Tàu số I 0 \$ 50, số II 0 \$ 50
số III 1 \$ 50, số IV 0 \$ 60, số V
(đánh giã) 0 \$ 80 số VI (đánh
côn) 1 \$ 50, VII (đánh kiếm)
1 \$ 50, VIII (đánh đao) 0 \$ 80
IX (đánh giáo), 0 \$ 80, X (trung
bình tiên) 0 \$ 80.
Học đấu võ Tàu 0 \$ 60
Li-hàn-quyền 0 . 50
Lối võ thường dùng 0 . 30
Môn võ bí truyền song luyện 1 . 50
Thiếu-lam quyền pháp chính tông
0 . 50 v. v.

D. — Y-học (dạy làm thuốc)

Sách thuốc đề phòng và chữa
chứng Thương-hàn 5 \$ 00
Y-học từng-thứ (in lần thứ 4) 12 . 00
Chữa đậu, sởi (ban, mùa) 1 . 50
Chuyên chữa đau mắt 1 . 50
Sách dạy xem mạch 1 . 50
Sách thuốc Gia-chuyên K. N. 1 . 50
Sách thuốc kinh-nghiem 3 . 00
Sách thuốc Đan-bà 3 . 00
Sách thuốc tre con 3 . 00
Tinh dược giản-giải 3 . 00
Sách thuốc Nhật-bản T. H. 2 . 00
Sách thuốc Hải-thượng L. O. 3 . 30
Tục Y-học (1 à 4) 4 . 00
Nam-nữ Bí-mật v. v. 1 \$ 00

Đ. — Thần Học

Không minh Độn-pháp 1 \$ 00
Tử-vi theo khoa-học 1 . 50
Xem tướng tay lối tây 2 . 50
Trường-sinh thuật 1 . 00
Thôi miên học 1 . 00

E. — Luân-lý Lễ-nghĩ

Gia-lễ Cáo-nam (in lần thứ ba) có
đủ các lễ cưới vợ, mừng thọ, làm
ma, và đề sẵn giấy chép gia-phả
v. v. giá 3 \$ 00.

Cổ nhân đàm luận v. v. 1 \$ 00

Học chữ nho một mình
không gì tốt bằng kiếm quyền

CHỮ NHO HỌC LẦY

cử-nhân

DƯƠNG-BÁ-TRẠC soạn

Giá 1 \$ 00 — Cước 0 \$ 20

Đề cho hiệu sách Đông-Tây

195, hàng Bông — Hanoi

Không gửi lối kính-hóa giao-ngân,

Một quyển sách ai ai cũng cần phải có

— Ấy là cuốn

Gia lễ giản yếu

Có cả các bài văn khấn

Khoản thức biên gia phả

Lại có in sẵn nhiều trang, người nào có quyền
này chỉ việc điều gia phả của nhà mình vào

Cử nhân

Dương-bá-Trạc soạn

*

Giá 0 \$ 40 — Cước 0 \$ 20

gửi bằng tem (cò) cũng được cho hiệu Đông-Tây,
195 Hàng Bông — HANOI

Đã xuất bản

Vàng Sao Tập thơ không vần

của thi sĩ Chế Lan Viên. Một áng văn
mà các nhà thơ giả phải công nhận
là đặc sắc, vượt hẳn tập thơ Điều
Tàn mà chính tác giả cũng tự thú
rằng mình đã viết nó với không biết
bao là công phu. Sách in toàn trên
giấy versé bouffant. Giá 2 \$ 50

TRIẾT HỌC NIETZSCHE

Một triết học tràn đầy nhựa sống. Một
tưởng tượng nhìn vào tương lai loài
người. Giá 1 \$ 95

TRONG 99 CHỚP MÙI

Tả rõ thân thể Đinh nhật Thân với
đang văn bất hủ « Thu dạ từ hoài
ngâm ». Giá 1 \$ 00

PHÊ BÌNH VĂN HỌC

Một bộ sách nghiên cứu rất công
phu về nghệ thuật phê bình. Đã ra
quyển I. Giá 0 \$ 95

Hãy đọc

CHIỀU BA MƯƠI TẾT

Một thiên tình sử sống của bạn Đ
quang-Tiến kính hiến bạn đọc
trong dịp xuân Qúi maut. Giá 1 \$ 20

LUẬN TÙNG

Trong « Tủ sách Tân-Việt » Giá 1 \$ 50

Lần đầu tìm những vấn đề thuộc về
phương-pháp luận được diễn giải
một cách rõ ràng rành mạch do một
nhà học giả có tiếng tăm.

TRIẾT HỌC EINSTEIN

của Nguyễn đình Thi Giá 2 \$ 30

Một tia sáng rọi vào sự bí mật vô
cùng của vũ-trụ. Chỗ gặp nhau của
khoa-học và triết-học để đánh bại
thiên nhiên. Bước tiến mới nhất và
đầu nhất trong tri-thức của nhân-loại.

Sắp có bản

Thi Hào Tagore

Một công trình khảo cứu ngọt 400
trang của Nguyễn văn Đại.

Ba Mươi Năm Văn Học

củ-Mạc Khuê

Phật Giáo Triết Học

của Phan văn Nôm

Triết Học Descartes

Trong « Tủ sách triết học »

Chú ý. — Hãy hỏi nơi các hiệu sách
« Loạt sách trình thám và vô hiệp
Tân Việt ». Đã có bản :

ĐÃ KHÔNG DUYÊN KIẾP (0 \$ 80)

THIÊN HƯƠNG (1 \$ 15)

DƯƠNG GUOM HỌ LÝ (0 \$ 65)

Sắp có bản

LƯỚI KIỂM HỒNG VÂN

Nhà xuất bản **TÂN VIỆT**, 49, Takou, Hanoi

Saigon, Cholon, sách Tân Việt bán nhiều nhất tại
hiệu MAI QUANG, 110, G. Guynemer (chợ cũ) Saigon

ĐÃ CÓ BẢN

THI NHÂN VIỆT NAM (1932-1941)

củ HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

in lần thứ hai

Tết năm nay anh em nào ưa thích văn-chương nếu chẳng có quyển « Thi-nhân Việt-nam » bên ấm trà
sữa, đĩa mứt ngọt hay bên mâm đèn, Tết ấy mất phần hứng thú hết năm bảy phần.

Trích báo Điện-tín Saigon

Hơn 400 trang — gần 40 bức ảnh — Dĩa của họa sĩ Nguyễn-dỗ-Cung

Má bán : Loạt thường : 4 \$ 35, loạt bouffant hảo hạng : 7 \$, loạt versé baroque crème : 20 \$ (thêm 0 \$ 50 tiền cước)

Có in « prospectus » cũng những lời bình phẩm. Hỏi ở các hàng sách lớn hay ở nhà xuất bản :

Ô. NGUYỄN ĐỨC PHIÊN

Boite postale 34 Huế

recteur : Nguyễn-Tướng-Phượng

lưu. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi

Administrateur Gérant : Dương Tự-Quân

<https://www.hopto.org>